

CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN:

ILSHINTECH VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: LÔ L5, KHU CÔNG NGHIỆP TRÀNG DUỆ,
HUYỆN AN DƯƠNG, THUỘC KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hải Phòng, năm 2024

CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN:

ILSHINTECH VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: LÔ L5, KHU CÔNG NGHIỆP TRÀNG DUỆ,
HUYỆN AN DƯƠNG, THUỘC KHU KINH TẾ ĐÌNH VŨ – CÁT HẢI,
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/D CHỦ DỰ ÁN



**TỔNG GIÁM ĐỐC
CHO KYUHWAL**

Hải Phòng, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC HÌNH VẼ	4
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1.1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.....	6
1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư.....	6
1.2.2. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án.....	8
1.2.3. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường	10
1.2.4. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư	14
1.2.5. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)	14
1.2.6. Tiến độ thực hiện dự án	14
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	14
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	14
1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	16
1.3.3. Máy móc thiết bị sản xuất.....	22
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	23
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	26
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	28
2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	28
2.1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Chính phủ và Bộ Công thương.....	28
2.1.2. Phù hợp với quy hoạch phát triển thành phố	28
2.1.3. Phù hợp với quy hoạch KCN Trảng Duệ.....	29
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	32
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	33
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	34
4.1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	34
4.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hành	35

4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động	35
4.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện	56
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	71
4.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	71
4.3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục	71
4.3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác	71
4.3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	71
4.3.5. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	72
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	72
4.4.1. Mức độ chi tiết của các đánh giá	72
4.4.2. Độ tin cậy của các đánh giá	72
CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....	74
CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	75
6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	75
6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	76
6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	76
6.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép	76
6.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	77
6.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	78
6.4.1. Quản lý chất thải	78
6.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	79
CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	82
7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	82
7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	82
7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	82
7.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	83
7.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	83
7.2.2. Chương trình quan trắc liên tục, tự động chất thải	84
7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không.....	84
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	85
PHỤ LỤC.....	86

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Toạ độ mốc giới vị trí hoạt động của dự án	6
Bảng 1.2. Các giấy tờ pháp lý của dự án	8
Bảng 1.3. Thống kê các hạng mục công trình chính và phụ trợ	9
Bảng 1.4. Thống kê các hạng mục công trình bảo vệ môi trường	9
Bảng 1.5. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường	12
Bảng 1.6. Tiến độ thực hiện dự án	14
Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án	22
Bảng 1.8. Danh mục nguyên, phụ liệu phục vụ dự án giai đoạn vận hành ổn định	23
Bảng 1.9. Danh mục nhiên liệu phục vụ dự án giai đoạn vận hành ổn định	24
Bảng 1.10. Số lượng lao động tại nhà máy	25
Bảng 1.11. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động ổn định	26
Bảng 2.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào TXLNT của KCN Trảng Duệ	31
Bảng 4.1. Hệ số ô nhiễm không khí đối với các loại xe	35
Bảng 4.2. Lưu lượng xe vận chuyển	37
Bảng 4.3. Tải lượng nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên nhiên liệu hóa chất tại dự án	37
Bảng 4.4. Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường không khí	42
Bảng 4.5. Kết quả quan trắc môi trường không khí làm việc ngày 23/6/2023	43
Bảng 4.6. Kết quả quan trắc môi trường không khí làm việc ngày 01/12/2023	43
Bảng 4.7. Dự báo nồng độ ô nhiễm chứa trong nước thải sinh hoạt của Dự án	44
Bảng 4.8. Dự báo khối lượng chất thải rắn sản xuất trong giai đoạn vận hành	48
Bảng 4.9. Thống kê chất thải nguy hại tại dự án giai đoạn vận hành ổn định	48
Bảng 4.10. Mức độ ồn ảnh hưởng đến cơ thể	50
Bảng 4.11. Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ	61
Bảng 4.12. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	71
Bảng 4.13. Dự toán kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn hoạt động ổn định	71
Bảng 6.1. Tiếng ồn và giới hạn	77
Bảng 6.2. Độ rung và giới hạn	77
Bảng 6.3. Các loại chất thải nguy hại đăng ký kiểm soát	78
Bảng 7.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án	82
Bảng 7.2. Công suất tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm	82
Bảng 7.3. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm	82
Bảng 7.4. Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích	83

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí hoạt động của dự án.....	7
Hình 1.2. Một số hình ảnh sản phẩm của dự án.....	15
Hình 1.3. Quy trình sản xuất vật tư phụ cho điện thoại di động.....	16
Hình 1.4. Quy trình sản xuất vật tư phụ cho xe có động cơ	19
Hình 1.5. Quy trình lắp ráp vật tư phụ cho xe có động cơ.....	20
Hình 4.1. Mô hình nhà xưởng sản xuất của Nhà máy	57
.....	59
Hình 4.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	59
Hình 4.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	59
Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn của dự án	63

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Minh giải
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	PCCC
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
QCCP	Quy chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Chất rắn lơ lửng
DO	Dầu diesel

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam

- Địa chỉ văn phòng: Lô L5, khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **Ông CHO KYUHWAL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0201724644 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 29/05/2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/04/2024.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9806081708 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/04/2016 và chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 17/04/2024.

1.2. Tên dự án đầu tư

“ILSHINTECH VIỆT NAM”

1.2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

***Vị trí thực hiện:** Dự án “Ilshintech Việt Nam” được thực hiện tại Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích 10.178 m² (Khu đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT09400 ngày 02/05/2019 – được đính kèm tại phụ lục của Báo cáo).

***Ranh giới tiếp giáp:**

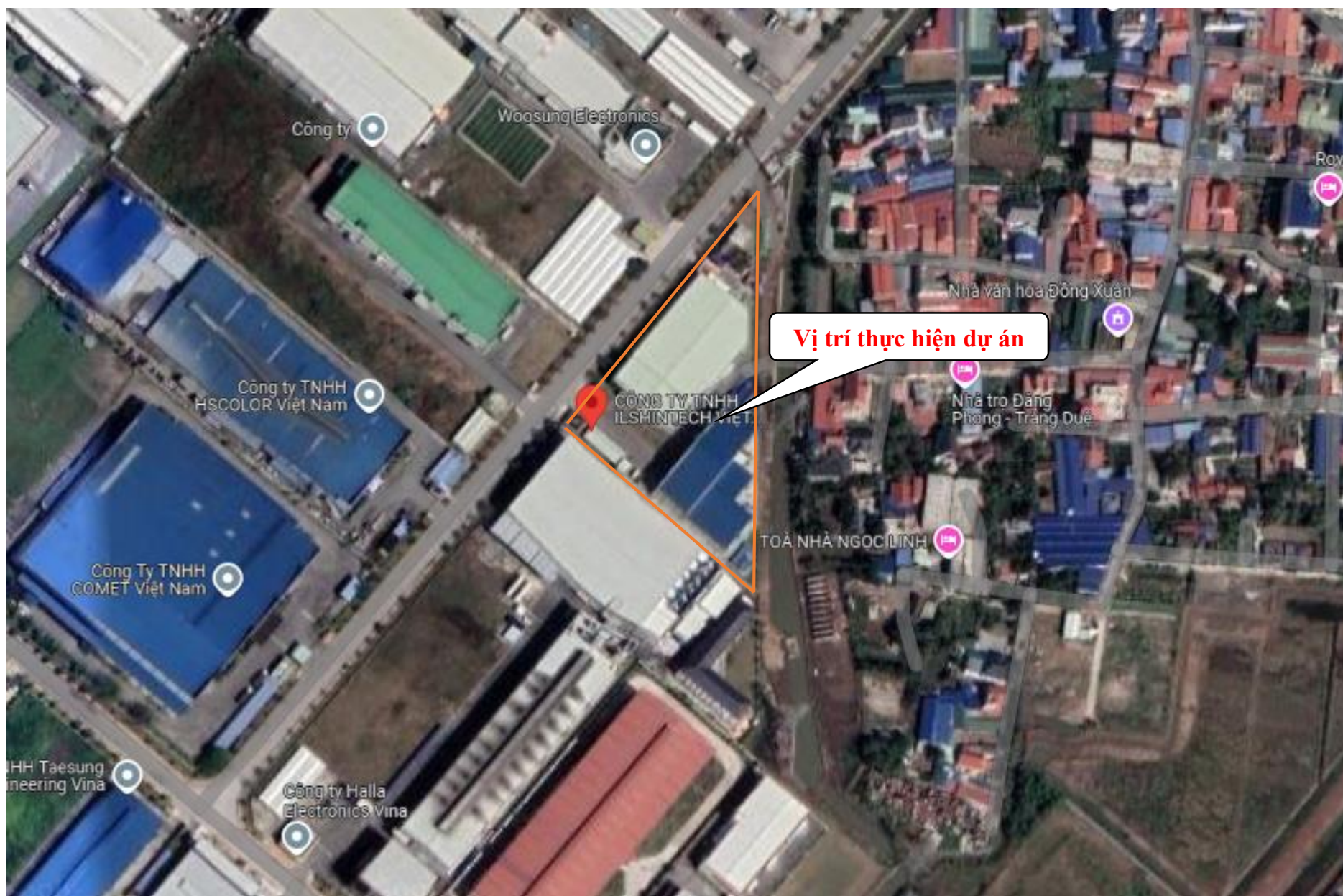
- Phía Tây Bắc: tiếp giáp với tuyến đường nội bộ Khu công nghiệp Tràng Duệ.
- Phía Đông Bắc: tiếp giáp diện tích quy hoạch là khu cây xanh.
- Phía Tây Nam: tiếp giáp với khu đất trống của KCN

***Tọa độ vị trí các mốc:**

Bảng 1.1. Tọa độ mốc giới vị trí hoạt động của dự án

Stt	Tọa độ khép góc (Tọa độ VN2000)		Độ dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2307862.092	584276.053	203.31
2	2307658.785	584277.069	131.14
3	2307742.968	584176.517	155.23
1	2307862.092	584276.053	

***Sơ đồ vị trí:**



Hình 1.1. Vị trí hoạt động của dự án

1.2.2. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án

a. Các giấy tờ pháp lý về môi trường đã triển khai

Bảng 1.2. Các giấy tờ pháp lý của dự án

Stt	Văn bản	Nội dung
1	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 435/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 27/07/2016.	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
2	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 57/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 17/01/2019.	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
3	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1431/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 18/11/2019.	Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
4	Giấy phép xây dựng số 1442/GPXD-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 12/08/2016.	Giấy phép xây dựng
5	Giấy phép xây dựng số 83/GPXD-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 09/01/2020.	Giấy phép xây dựng
6	Giấy phép xây dựng số 4217/GPXD-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 24/08/2023.	Giấy phép xây dựng
7	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 406/TD-PCCC ngày 13/11/2019.	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC
8	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 292/TD-PCCC ngày 05/07/2023.	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC
9	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 03/12/2016 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Nhà máy Ilshin Tech Việt Nam”.	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC
10	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 09/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Nhà máy Ilshintech Việt Nam”.	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC
11	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 09/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Nhà máy Ilshintech Việt Nam”.	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC
12	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 20/10/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Nhà máy Ilshintech Việt Nam” (hạng mục nhà xưởng 2).	Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC
13	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 24/08/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với nhà xưởng thuộc Công ty TNHH	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC

	ILSHINTECH Việt Nam.	
14	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 24/06/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Nhà máy Ilshintech Việt Nam”	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC khu vực cải tạo
15	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 31/08/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP. Hải Phòng đối với công trình “Ilshintech Việt Nam” (hạng mục nhà kho)	Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC khu vực nhà kho
16	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ604944/891426 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp số vào sổ CT09400, ngày 2/05/2019.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

b. Quy mô hạng mục công trình chính, phụ trợ

Bảng 1.3. Thống kê các hạng mục công trình chính và phụ trợ

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng
I	Các hạng mục công trình xây dựng		
1	Nhà xưởng sản xuất và văn phòng	3.176	2
2	Nhà bảo vệ	65	1
3	Nhà để xe máy	253,08	1
4	Nhà ăn	276,88	1
5	Phòng bơm và bể nước	176	1
6	Nhà xưởng 2	2.055,71	2
7	Cột cờ	7,5	-
8	Cổng và tường rào	101	-
	Tổng I	6.111,17 m²	
II	Diện tích cây xanh	2.037,62 m²	
III	Diện tích sân đường nội bộ, sân bãi	2.029,214 m²	
	Tổng I + II + III	10.178,00 m²	

c. Quy mô công trình bảo vệ môi trường

Bảng 1.4. Thống kê các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	Bể tự hoại 3 ngăn	- Số lượng: 04 bể + 01 bể 14 m³ + 01 bể 18 m³ + 01 bể 03 m³ + 01 bể 20 m³ - Tổng dung tích 55 m³ - Được xây dựng ngầm dưới hạng mục công trình nhà xưởng, nhà văn phòng và dãy nhà vệ sinh công cộng. - Kết cấu: BTCT, tường gạch, nền lán xi măng chống

		thấm, có nắp đậy.
2	Bể tách mỡ 3 ngăn	+ Số lượng: 01 bể. + Dung tích: 08 m ³ + Kết cấu: BTCT, tường gạch, nền láng xi măng chống thấm, có nắp đậy.
4	Điểm xả thải	01 điểm
5	Hệ thống thu thoát nước mưa	+ Số lượng: 01 hệ thống + Công trình thoát nước mưa trên mái: seno chứa, đường ống đứng DN125MM (ống PVC). + Công trình thoát nước mưa mặt bằng. + Cống BTCT D300 – D600mm. + Hồ ga lắng cặn được xây dựng bằng BTCT. Song chắn rác được thiết kế bằng thép không gỉ.
8	Kho chứa chất thải công nghiệp	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 8,54 m ²
9	Kho chứa chất thải nguy hại	+ Số lượng: 01 kho + Diện tích: 2,7 m ²

1.2.3. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam chính thức bắt đầu hoạt động vào năm 2016. Lĩnh vực hoạt động là: Sản xuất các vật tư phụ cho điện thoại di động; vật tư cho xe có động cơ và in nhãn mác các loại. Với mục tiêu xây dựng một Công ty có uy tín trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện tử, cùng chính sách mở cửa, nhu cầu thị trường ngày càng tăng số lượng các dự án đầu tư phát triển kinh tế đã tăng nhanh và đạt nhiều kết quả tốt và vì mục tiêu lợi nhuận.

Sau khi được UBND huyện An Dương phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án “**Nhà máy ILSHINTECH – Giai đoạn 2**” tại Giấy xác nhận số 1431/GXN-UBND ngày 18/11/2019, Công ty đưa dự án vào triển khai. Tuy nhiên, cùng thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các đơn hàng dự kiến hoạt động, kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng, thậm chí phải huỷ bỏ,... Vì vậy, gần như các hoạt động của Công ty chỉ mang tính chất duy trì.

Năm 2024, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid cùng với sự suy thoái kinh tế thế giới dẫn đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có một số thay đổi. Vì vậy, để phù hợp với xu thế phát triển của thị trường, thúc đẩy kinh tế phát triển, nên Ban lãnh đạo Công ty quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9806081708 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/04/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 17/04/2024 với quy mô điều chỉnh công suất sản phẩm với quy mô công xuất sản xuất của dự án “**Ilshintech Việt Nam**” là:

- + Vật tư phụ cho điện thoại di động: 950.000 sản phẩm/năm
- + Vật tư phụ cho xe có động cơ: 120.000.000 sản phẩm/năm.

+ In nhãn mác các loại: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư: Doanh thu 200.000 đô la mỹ.

Tuy nhiên trong do nhu cầu của thị trường, công ty chưa có ý định tiến hành sản xuất sản phẩm In nhãn mác các loại với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm, do đó trong giai đoạn này, chủ đầu tư tiến hành lập giấy phép môi trường dự án **”Ilshintech Việt Nam”** với các hạng mục sản xuất:

+ Vật tư phụ cho điện thoại di động: 950.000 sản phẩm/năm.

+ Vật tư phụ cho xe có động cơ: 120.000.000 sản phẩm/năm.

+ Cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư: Doanh thu 200.000 đô la mỹ.

Khi có kế hoạch đầu tư lắp đặt hoàn thiện máy móc phục vụ sản xuất sản phẩm In nhãn mác các loại: 1.000.000 sản phẩm/năm, Chủ đầu tư sẽ tiến hành điều chỉnh bổ sung hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án theo quy định.

Vì vậy, Công ty tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Dự án như sau:

Bảng 1.5. Phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

Stt	Danh mục		Giấy xác nhận số 1431/GXN-UBND ngày 18/11/2019	Nội dung đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
I	Địa chỉ		Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.	Lô K6, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.	Không thay đổi
II	Diện tích (m²)		10.178	10.178	Không thay đổi
III	Quy mô hạng mục công trình		Bảng 1.3	Bảng 1.3	Không thay đổi
V	Công suất hoạt động	Vật tư phụ cho điện thoại di động	110.000.000 sản phẩm/năm	950.000 sản phẩm/năm	Giảm công suất
		Vật tư phụ cho xe có động cơ	15.000.000 sản phẩm/năm	120.000.0000 sản phẩm/năm	Tăng công suất
		In nhãn mác các loại	1.000.000	-	Chưa xin cấp phép đối với sản phẩm này
		Doanh thu dự kiến từ hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư.	200.00 Đô la Mỹ	200.000 Đô la Mỹ	Không thay đổi
V	Công nghệ sản xuất	Vật tư phụ cho điện thoại di động	Nguyên liệu → Cắt → Ép → Dập → Bóc tách → Ép → Cắt → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho	Nguyên liệu → Cắt → Ép → Dập → Bóc tách → Ép → Cắt → Kiểm tra → Đóng gói → Lưu kho	Không thay đổi
		Vật tư phụ cho xe có động cơ	Nhập linh kiện → Bóc tách linh kiện → Ép dán sản phẩm → Bán thành phẩm → Kiểm tra →	Nhập linh kiện → Bóc tách linh kiện → Ép dán sản phẩm → Bán thành phẩm → Kiểm tra → Lưu	Không thay đổi

		Lưu kho → Đóng gói → Xuất hàng	kho → Đóng gói → Xuất hàng	
VI	Lao động và phân bổ ca làm việc	165 người	230 người	Hiện trạng số lượng công nhân viên nhà máy đang có là 165 người. Khi điều chỉnh hoạt động sản xuất của vật tư phụ cho điện thoại di động và vật tư phụ cho xe có động cơ: Công ty đã tính toán theo từng khu vực và tăng số lượng công nhân đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu sản xuất. Công ty sẽ thực hiện phân bổ kế hoạch sản xuất, tiến độ sản xuất phù hợp
		1 ca	2 ca	Tăng thêm 1 ca sản xuất để phân bổ sản xuất, thiết bị sử dụng chung đảm bảo quy mô công suất dự kiến.
VII	Công trình bảo vệ môi trường			
7.1	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải			
	Bể tự hoại 3 ngăn	- Số lượng: 04 bể - Tổng dung tích 55 m ³	- Số lượng: 04 bể - Tổng dung tích 55 m ³	Không thay đổi
	Bể tách mỡ	- Số lượng: 01 bể - Dung tích: 08 m ³	- Số lượng: 01 bể - Dung tích: 08 m ³	Không thay đổi
7.3	Kho chứa			
	Kho chứa chất thải công nghiệp	8,54 m ²	8,54 m ²	Không thay đổi
	Kho chứa chất thải nguy hại	2,7 m ²	2,7m ²	

1.2.4. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

Dự án “Ilshintech Việt Nam” của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam được thực hiện tại Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam đã được Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp Giấy phép xây dựng số 1442/GPXD-BQL ngày 12/08/2016; Giấy phép xây dựng số 83/GPXD-BQL ngày 09/01/2020; Giấy phép xây dựng số 4217/GPXD-BQL ngày 24/08/2023.

1.2.5. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Dự án “Ilshintech Việt Nam” với tổng vốn đầu tư là 222.600.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi hai tỷ, sáu trăm triệu đồng), tương đương 10.000.000 (Mười triệu) đô la Mỹ thuộc dự án nhóm B được phân loại tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

1.2.6. Tiến độ thực hiện dự án

Bảng 1.6. Tiến độ thực hiện dự án

Stt	Danh mục	Thời gian
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	Tháng 08/2024 – 10/2024
2	Vận hành chính thức	Tháng 10/2024

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

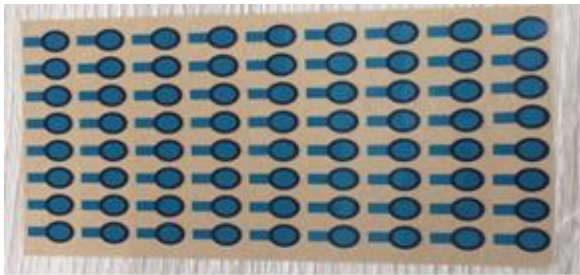
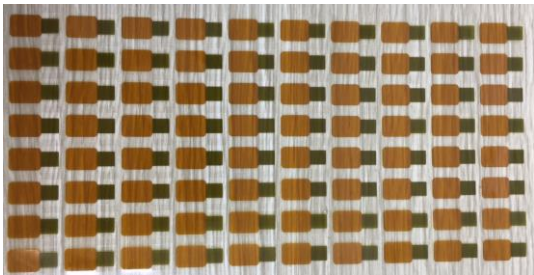
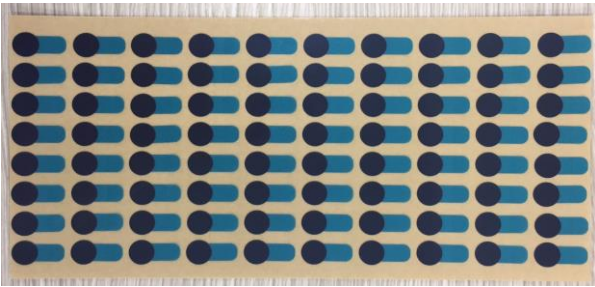
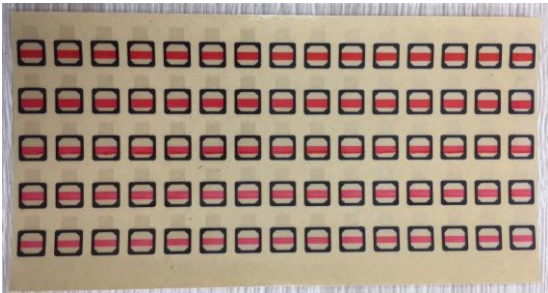
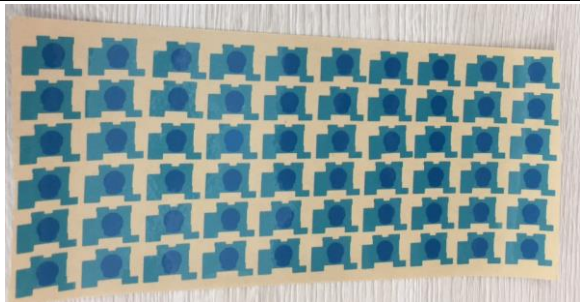
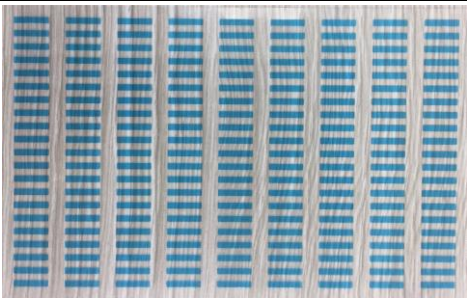
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

- Lao động: 230 người

- Quy mô công suất:

Stt	Danh mục	Sản lượng (sản phẩm/năm)			Ghi chú
		Giấy xác nhận số 1431/GXN-UBND ngày 18/11/2019	Đề xuất GPMT	Tấn/năm	
1	Vật tư phụ cho điện thoại di động	110.000.000	950.000	2,53	Xin cấp phép môi trường
2	Vật tư phụ cho xe có động cơ	15.000.000	120.000.000	563,2	
3	In nhãn mác các loại	1.000.000	-	-	Chưa xin cấp phép giai đoạn này
4	Doanh thu dự kiến từ hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư.	200.00 Đô la Mỹ	200.00 Đô la Mỹ		Xin cấp phép môi trường

- Hình ảnh sản phẩm:

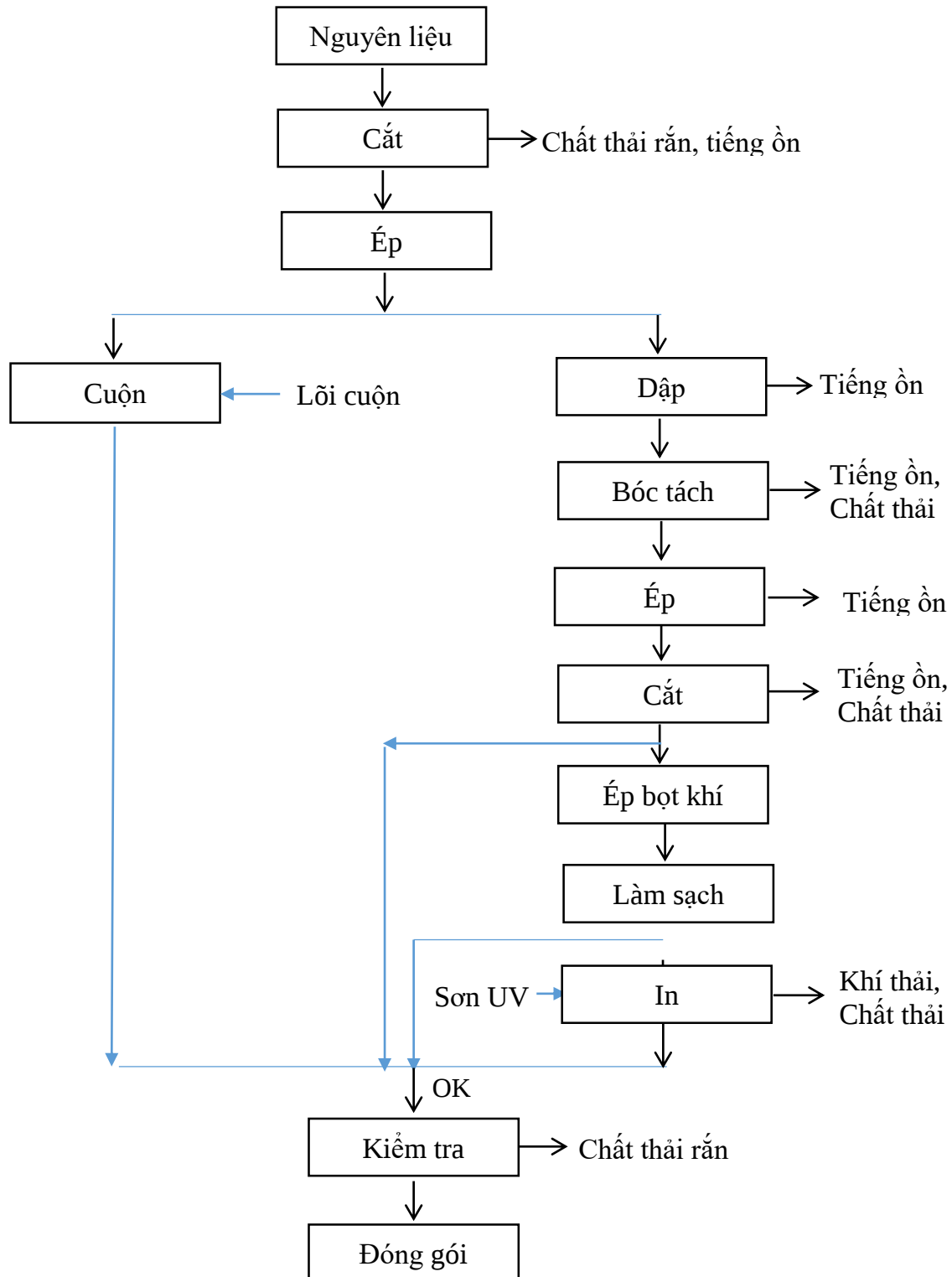
	
Màng nhựa bóc ra	Chất kết dính dẫn điện
	
Băng dính	Băng dính hai mặt
	
	
	
Băng dính PORON (cách nhiệt)	Băng dính dẫn điện

Hình 1.2. Một số hình ảnh sản phẩm của dự án

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

1.3.2.1. Sản xuất vật tư phụ cho điện thoại di động (Băng dính các loại)

a. Sơ đồ



Hình 1.3. Quy trình sản xuất vật tư phụ cho điện thoại di động

b. Thuyết minh quy trình

***Nguyên liệu đầu vào:** Dựa theo đơn đặt hàng của khách, công ty nhập các nguyên liệu là các cuộn màng phim, băng dính, màng nhựa, màng bảo vệ... nhằm phục vụ nhu cầu

sản xuất. Các cuộn được nhập về có chiều rộng cuộn trung bình khoảng 1m được kiểm tra kỹ lưỡng về chất lượng, kích thước, độ dày, màu sắc,...

***Cắt:** Các cuộn nguyên liệu trên được đưa vào máy cắt thành các kích thước (chiều dài, bề rộng) phù hợp để sản xuất. Với một số sản phẩm có yêu cầu riêng thì cần ép với tape theo yêu cầu chỉ định của sản phẩm (nếu cần).

***Ép:** Các đoạn bán thành phẩm sau khi được cắt sẽ cho vào máy ép. Tại đây các lớp bán thành phẩm (từng loại theo đơn hàng) được đặt vào khuôn máy, công nhân sẽ điều chỉnh máy ép để ép.

Đối với các sản phẩm là các loại băng dính dạng cuộn: Thì sau quá trình ép, băng dính 2 mặt sẽ được cuộn vào lõi giấy và chuyển vào công đoạn kiểm tra.

Đối với các loại sản phẩm khác, sẽ tiếp tục các quy trình sản xuất:

***Dập:** Bán thành phẩm sau khi ép sẽ được chuyển sang máy dập tạo hình cho sản phẩm dựa trên bản vẽ của sản phẩm.

***Bóc tách:** Bán thành phẩm sau khi dập, có thể chưa được cắt đứt hẳn hoặc vẫn còn các bavia bán dính sẽ được theo băng chuyển sang máy bóc tách để tách từng bán thành phẩm, loại bỏ bavia.

***Ép:** Một số sản phẩm có yêu cầu chất lượng cao hơn hoặc nhiều lớp hơn thì tiếp tục đưa sang công đoạn ép theo yêu cầu chỉ định của sản phẩm (nếu cần).

***Cắt:** Sau công đoạn ép, bán thành phẩm tiếp tục được chuyển sang công đoạn cắt để loại bỏ những phần nguyên liệu thừa theo yêu cầu của sản phẩm.

Đối với các sản phẩm không yêu cầu in tem, mác hoặc yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm: Thì sau quá trình cắt được chuyển vào công đoạn kiểm tra.

Đối với các loại sản phẩm khác, sẽ tiếp tục các quy trình sản xuất:

***Ép bột khí:** Bán thành phẩm sau cắt được đưa vào máy ép: Máy sẽ được duy trì khoảng nhiệt độ 30- 60°C, thời gian bán thành phẩm trong máy khoảng từ 30 phút đến 60 phút để hút hết toàn bộ bột khí còn lại trong bán thành phẩm.

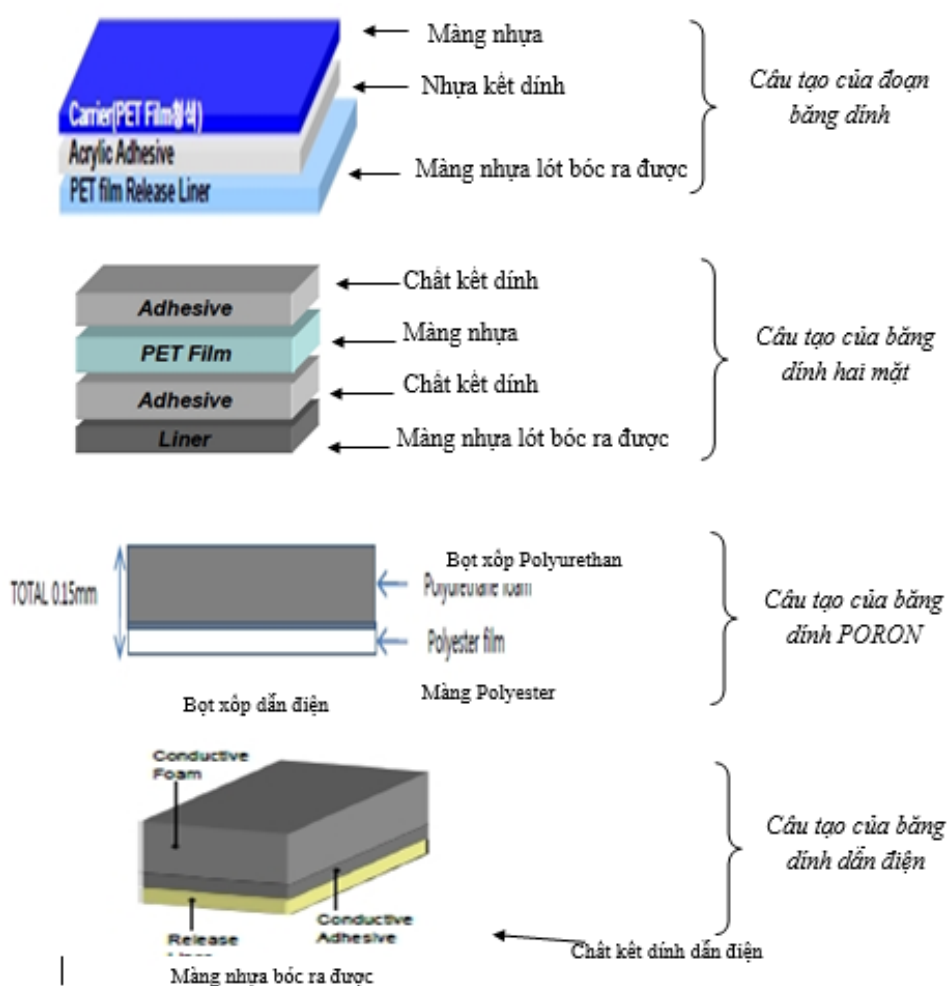
***Làm sạch:** Sau quá trình ép bột khí, bán thành phẩm được đưa qua máy làm sạch: Máy làm sạch có 2 quả lô, gắn thêm lớp băng dính. Bán thành phẩm đi qua 2 quả lô có băng dính lăn qua sản phẩm để làm sạch bụi bề mặt. Phần băng dính bám bụi được thu gom là chất thải công nghiệp.

***In:** in các thông số sản phẩm, mã hiệu,... lên màng nhựa; Sử dụng mực in UV. Mực in UV được đưa vào vị trí, theo hệ thống đường ống hút để dẫn mực vào khu vực in. Các thông số cần in được cài trên hệ thống máy. Máy in tích hợp quá trình in và sấy. Nhiệt, hơi mực in được theo đường ống hút vào máy lọc khí (máy lọc khí sử dụng lớp bông lọc) tích hợp đồng bộ máy in. Bông lọc định kỳ được tháo và thay thế xử lý cùng các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy. Khí sạch sau thiết bị lọc được xả trực tiếp trong xưởng.

***Kiểm tra:** Bán thành phẩm được đưa đến bộ phận kiểm tra. Tại đây, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra bằng mắt thường, kiểm tra độ kết dính, kiểm tra độ dày sản phẩm,... Những sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang đóng gói thủ công. Còn các sản phẩm không đạt sẽ được loại bỏ là chất thải công nghiệp.

***Đóng gói, nhập kho:** Sản phẩm sau khi kiểm tra đạt được chuyển đến bộ phận đóng gói, sau đó được xếp vào thùng và lưu kho chờ xuất cho khách hàng.

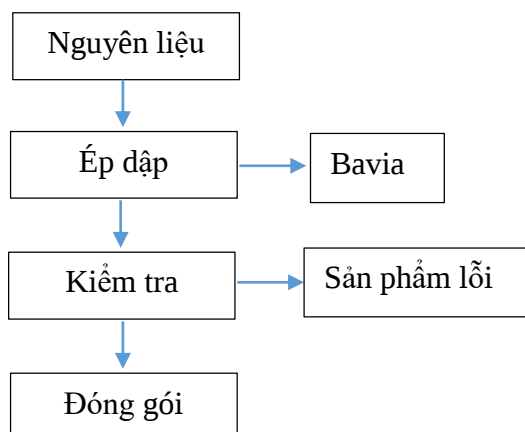
***Hình ảnh cấu tạo của sản phẩm vật tư phụ cho điện thoại di động:**



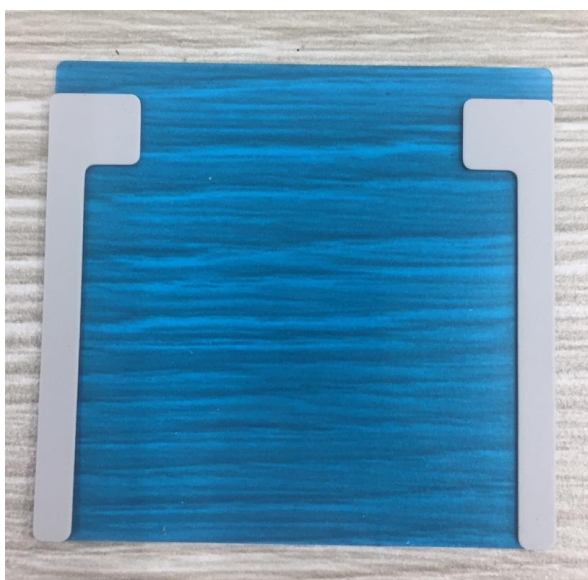
1.3.2.2. Sản xuất vật tư phụ cho xe có động cơ

a. Đối với các vật tư là dạng bán thành phẩm (dạng miếng dán, tấm đệm,... phụ cho động cơ)

***Sơ đồ:**



Hình 1.4. Quy trình sản xuất vật tư phụ cho xe có động cơ



***Thuyết minh:**

- **Nguyên liệu đầu vào:** Dựa theo đơn đặt hàng của khách, công ty nhập các nguyên liệu là các cuộn màng phim, băng dính, màng nhựa, màng pet, màng nhựa màu xanh, tấm lót chamude, màng bảo vệ, tấm kính phân cực ánh sáng, miếng đệm bằng vải không dệt, tấm cao su... nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất. Các cuộn được nhập về có chiều rộng cuộn trung bình khoảng 1m được kiểm tra kỹ lưỡng về chất lượng, kích thước, độ dày, màu sắc,...

- **Ép dập:** Các cuộn nguyên liệu trên được đưa vào máy ép dập. Đầu tiên cuộn nguyên liệu được đưa qua công đoạn ép phẳng sau đó qua phần dập. Các kích thước sản phẩm, khuôn dập theo đơn của khách hàng cung cấp. Khuôn được lắp ráp vào máy, dưới tác dụng của lực ép để dập thành sản phẩm yêu cầu.

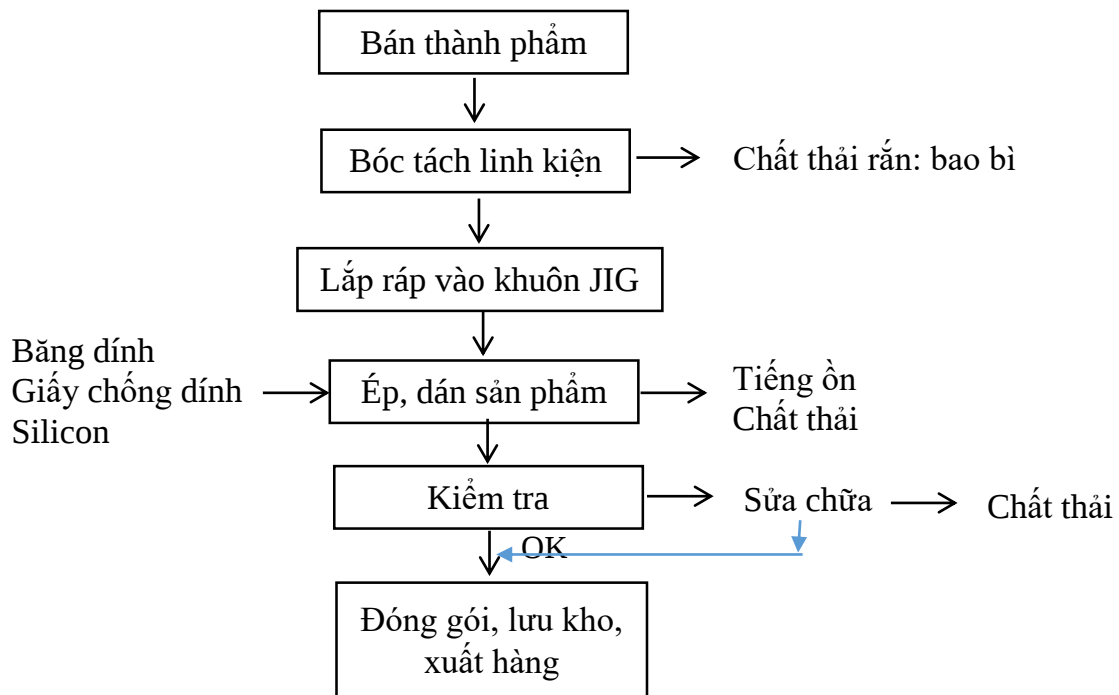
- **Kiểm tra:** Sản phẩm sau khi ra khỏi máy dập được công nhân kiểm tra bằng mắt

thường, loại bỏ các phần bavaria còn bám dính lại trên thành phẩm. Sản phẩm đạt yêu cầu chuyển sang đóng gói và xuất hàng. Sản phẩm không đạt yêu cầu được loại bỏ là chất thải công nghiệp.

- **Đóng gói, nhập kho:** Sản phẩm sau khi kiểm tra đạt được chuyển đến bộ phận đóng gói, sau đó được xếp vào thùng và lưu kho chờ xuất cho khách hàng.

b. Đối với các vật tư là dạng lắp ráp khung (Khung được gắn, dính)

***Sơ đồ:**



Hình 1.5. Quy trình lắp ráp vật tư phụ cho xe có động cơ



***Thuyết minh:**

- Nguyên liệu đầu vào:

+ Bán thành phẩm là khung sản phẩm cần lắp ráp: khung nhựa được khách hàng sản xuất gia công đóng gói và chuyển đến nhà máy để lắp ráp.

+ Các nguyên liệu khác: băng dính, giấy chống dính, miếng đệm và silicon,... được nhập về theo đơn hàng chuẩn bị trước để đầu tư sản xuất.

- **Bóc tách linh kiện:** bán thành phẩm nhập về được công nhân tiến hành bóc tách các chi tiết linh kiện theo đơn hàng, theo bản vẽ chi tiết yêu cầu để chuyển đến từng khu vực hoạt động sản xuất.

- **Lắp ráp vào khuôn:** Các chi tiết bán thành phẩm được lắp ráp vào dụng cụ định vị vị trí chính xác (JIG) để đảm bảo độ chính xác của sản phẩm cần lắp ráp.

- **Ép dán sản phẩm:** Tiếp sau đó tiến hành sử dụng các nguyên liệu là băng dính hoặc giấy chống dính hoặc miếng đệm,... để tiến hành ghép nối vào các vị trí. Sau đó ép để mỗi liên kết được kết dính chặt.

Lưu ý: Silicon được sử dụng làm nguyên liệu phụ trợ để dưỡng đầu cho phần kết dính, lắp ráp (giúp thuận tiện cho thao tác kết dính không bị ó, bẩn, rỉ, và thuận tiện khi khách hàng sử dụng).

- **Kiểm tra:** Kết thúc quá trình ép dán, sản phẩm sẽ được chuyển qua công đoạn kiểm tra các chi tiết dán nhằm đảm bảo đạt chất lượng và đúng với yêu cầu của khách hàng. Với những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về khâu sửa chữa. Các sản phẩm không thể sửa chữa hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu: thu gom xử lý là chất thải. Các sản phẩm đạt yêu cầu: chuyển sang đóng gói và chuyển cho khách hàng.

- **Đóng gói:** các sản phẩm sau khi hoàn thiện kiểm tra sẽ được đóng gói theo phương pháp xếp vào khay đựng và chuyển sang khu vực bảo quản chờ xuất.

1.3.2.3. Cho thuê nhà xưởng, nhà kho đôi dư

- Công ty tiến hành kêu gọi các doanh nghiệp thứ cấp thuê lại nhà xưởng, văn phòng và nhà kho. Trong quá trình thuê, các doanh nghiệp được sử dụng chung các cơ sở hạ tầng với Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam như: hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, hệ thống điện, bể tự hoại (tại khu vực xưởng thuê). Các hạng mục công trình hạ tầng này sẽ do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam quản lý, chịu trách nhiệm.

- Công ty đã tiến hành cho thuê 1 phần nhà xưởng tại tầng 1 – xưởng 2 có diện tích 330 m²; tầng 2 – xưởng 2 có diện tích 1.150 m² với bên thuê là công ty TNHH quản lý chuỗi cung ứng Việt Thành với mục đích cho thuê là xưởng sản xuất hàng hoá tại hợp đồng thuê nhà xưởng số 202312-01/ILSHIN-VT ngày 12/12/2023 và Hợp đồng số 202305-01/ILSHIN-VT ngày 12/05/2023.

- Các đơn vị thuê sẽ tự chịu trách nhiệm trong công tác thực hiện công tác lập báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường phù hợp với quy mô dự án theo đúng quy định pháp luật. Trong đó phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu và thỏa thuận hợp tác giữa hai bên như sau:

+ Về nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sẽ được đầu nối chung vào hệ thống hạ tầng thu gom, xử lý với nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam quản lý và chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước; Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Hải Phòng.

+ Về nước thải sản xuất (nếu có): Đơn vị thuê phải tự chịu trách nhiệm thu gom, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất nếu có (nằm trong phạm vi diện tích thuê nhà xưởng), xử lý đảm bảo tiêu chuẩn của KCN trước khi đầu nối vào điểm xả nước thải.

+ Về khí thải (nếu có): Đơn vị thuê phải tự chịu trách nhiệm thu gom, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải sản xuất nếu có (nằm trong phạm vi diện tích thuê nhà xưởng), xử lý đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định

+ Về chất thải (nếu có): Đơn vị thuê phải tự chịu trách nhiệm thu gom, lắp đặt kho lưu chứa (nằm trong phạm vi diện tích thuê nhà xưởng), chịu trách nhiệm thu gom và thuê đơn vị xử lý chất thải (bao gồm cả chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại) theo quy định.

+ Về công tác báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm: Các đơn vị cho thuê tự chịu trách nhiệm thực hiện kiểm soát, báo cáo theo quy định.

1.3.3. Máy móc thiết bị sản xuất

Về cơ bản các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty được tính toán giữ nguyên theo hiện trạng đã lắp đặt và đăng ký trong các hồ sơ môi trường trước đây. Việc điều chỉnh thay đổi quy mô công suất hoạt động của dự án: giảm công suất của sản phẩm: Vật tư phụ cho điện thoại di động (băng dính; băng dính 2 mặt; băng dính dẫn điện, băng dính cách nhiệt,...) từ 110.000.000 sản phẩm/năm xuống 950.000 sản phẩm/năm (giảm 115,8 lần), tăng công suất của sản phẩm: Vật tư phụ cho xe có động cơ từ 15.000.000 sản phẩm/năm lên 120.000.000 sản phẩm/năm (tăng 8 lần); không sản xuất các sản phẩm in nhãn mác các loại.

Sau quá trình đánh giá hiện trạng máy móc thiết bị đã lắp đặt: Công ty nhận thấy các máy móc thiết bị này vẫn hoàn toàn đảm bảo khả năng đáp ứng cho mục tiêu, quy mô sản xuất các hoạt động sản phẩm (điều chỉnh). Cụ thể:

Bảng 1.7. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án

Stt	Danh mục	Số lượng (chiếc)	Xuất xứ	Ghi chú
1	Máy cắt	10	Hàn Quốc	Dùng công đoạn cắt
2	Máy cắt laser	2	Hàn Quốc	Dùng công đoạn cắt

3	Máy cắt màng nhựa	5	Hàn Quốc	Dùng công đoạn cắt và kiểm tra
4	Máy cán	17	Hàn Quốc	Dùng công đoạn
55	Máy cán ép phẳng trực lẫn	3	Hàn Quốc	Dùng công đoạn ép
6	Máy ép lớp mỏng	6	Hàn Quốc	Dùng công đoạn ép
7	Máy ép nhựa	5	Hàn Quốc	Dùng công đoạn ép
8	Máy ép	4	Hàn Quốc	Dùng công đoạn ép
9	Máy ép phẳng	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn dập
10	Máy ép tốc độ cao	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn dập
11	Máy ép và cắt màng nhựa	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn dập
12	Máy làm sạch	3	Hàn Quốc	Làm sạch bụi trong công đoạn ép
13	Máy ép bột khí	2	Hàn Quốc	Ép bột khí ra khỏi sản phẩm (công đoạn ép)
14	Máy in bán tự động	2	Hàn Quốc	Dùng công đoạn in trên sản phẩm
15	Máy in màng nhựa	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn in trên sản phẩm
16	Máy plasma	2	Hàn Quốc	Quét trên bề mặt hàng, tạo độ nhám làm tăng độ bám dính (công đoạn kiểm tra)
17	Máy chạy thử độ bền cơ học	1	Hàn Quốc	Kiểm tra độ dính (công đoạn kiểm tra)
18	Máy đo	2	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
19	Máy đo độ sốc nhiệt	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
20	Máy đo độ xuyên thấu	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
21	Máy đo quang học	2	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
22	Máy hút ẩm	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
23	Máy kiểm tra	2	Hàn Quốc	Dùng công đoạn kiểm tra
24	Máy phân tích quang phổ	1	Hàn Quốc	Kiểm tra sự độc hại của nguyên liệu
25	Máy đóng gói bao bì	1	Hàn Quốc	Dùng công đoạn đóng gói

(Nguồn: Danh mục máy móc thiết bị do chủ đầu tư cung cấp)

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a. Nguyên, phụ liệu

Bảng 1.8. Danh mục nguyên, phụ liệu phục vụ dự án giai đoạn vận hành ổn định

Stt	Danh mục	Khối lượng (Tấn/năm)	Ghi chú
-----	----------	----------------------	---------

		Hiện trạng	GPMT	
I	Vật tư phụ cho điện thoại di động			
1.1	Băng dính	5,905	1	
1.2	Màng phim	23,7	1,25	
1.3	Màng bảo vệ	5,01	0,5	
1.4	Màng nhựa	5,23	0,75	
1.5	Mực UV	0,9	0,2	
Tổng I		40,745	3,7	
II	Vật tư phụ cho xe có động cơ			
2.1	Băng dính	15	120	
2.2	Giấy chống dính	1	8	
2.3	Màng phim	18,45	147,6	
2.4	Màng nhựa	15	120	
2.5	Tấm cao su	1,25	10	
2.6	Màng PET	2	16	
2.7	Màng nhựa màu xanh	1	8	
2.8	Silicon dạng cuộn	0,75	6	
2.9	Tấm lót CHAMUDE	0,3	2,4	
2.10	Màng bảo vệ	2	16	
2.11	Tấm kính phân cực ánh sáng	15	120	
2.12	Miếng đệm bằng vải không dệt	0,45	3,6	
Tổng II		72,2	577,6	
Tổng I + II			581,3	

b. Nhiên liệu

Bảng 1.9. Danh mục nhiên liệu phục vụ dự án giai đoạn vận hành ổn định

Stt	Danh mục	Khối lượng (tấn/năm)	Mục đích sử dụng
1	Dầu Diesel	25	Vận hành các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu, thành phẩm sản xuất của dự án
2	Dầu bôi trơn	2	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất định kỳ
Tổng		27	

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động còn sử dụng một số các loại vật tư khác phục vụ cho quá trình hoạt động: lõi giấy: sản xuất cuộn băng dính, bao bì đóng gói sản phẩm, balet để hàng hóa,... với lượng khoảng 10 tấn/năm

c. Nhu cầu sử dụng lao động

c1. Công nhân viên tại Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam

***Số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án:** 230 người trong đó 165 cán bộ nhân công nhân viên hiện đang làm việc tại nhà máy hiện trạng và 65 cán bộ nhân viên tuyển mới phục vụ giai đoạn nâng công suất.

***Số ca làm việc:** 02 ca sản xuất/ngày đêm; Mỗi ca làm việc 8h. Thời gian bố trí ca sản xuất phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy.

c1. Công nhân viên tại đơn vị thuê nhà xưởng: khoảng 78 người

Bảng 1.10. Số lượng lao động tại nhà máy

Stt	Danh mục	Công nhân viên (người)		Ghi chú
		Hiện tại	GPMT	
1	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam	165	230	Làm việc 2 ca/ngày
2	Đơn vị thuê xưởng (công ty TNHH quản lý chuỗi cung ứng Việt Thành)	78	78	Làm việc 1 ca/ngày

d. Nhu cầu sử dụng điện

***Nguồn cung cấp:** hệ thống cấp điện chung của Công ty Cổ phần Lâm Thịnh.

***Mục đích sử dụng:** cấp điện cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất và chiếu sáng.

***Lượng sử dụng:** Lượng sử dụng khoảng 60.000 – 70.000 KWh/tháng.

f. Nhu cầu sử dụng nước sạch

*** Nguồn cung cấp:** Hệ thống cấp nước chung của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng.

***Mục đích sử dụng:**

- **Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam**

+ Hoạt động sinh hoạt của 230 cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy: Theo TCVN 13606:2023 Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình thì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt là 45 lít/người/ca (tính cho 8 h/ca)). Khi đó, nước cấp sinh hoạt cho 230 người là:

$$230 \text{ người} \times 0,045 \text{ m}^3/\text{người/ca} = 10,35 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ Hoạt động ăn ca: Theo tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4513-1988, lượng nước dùng cho nhà ăn tập thể tính cho 1 người với một bữa ăn là 25 lít nước/người ~ 0,025 m³/người/ngày. Vậy lượng nước sử dụng cho hoạt động nấu ăn của Công ty (bao gồm 230 công nhân làm việc tại nhà máy) là:

$$230 \text{ người} \times 0,025 \text{ m}^3/\text{người/ngày đêm} = 5,75 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

+ Hoạt động tưới cây, dập bụi sân đường nội bộ: 2-3 m³/ngày đêm.

- **Đơn vị thuê nhà xưởng:**

+ Hoạt động sinh hoạt của 78 cán bộ, công nhân viên Công ty thuê nhà xưởng (Công ty TNHH quản lý chuỗi cung ứng Việt Thành): Theo TCVN 13606:2023 Cấp nước – mạng

lưới đường ống và công trình thì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt là 45 lít/người/ca (tính cho 8 h/ca)). Khi đó, nước cấp sinh hoạt cho 78 người là:

$$78 \text{ người} \times 0,045 \text{ m}^3/\text{người/ca} = 3,51 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

+ Hoạt động ăn ca: không (Đơn vị cung ứng cơm hộp, không nấu ăn tại dự án).

+ Hoạt động tưới cây, đập bụi sân đường nội bộ: không (thuộc phạm vi hoạt động quản lý của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam).

***Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước như sau:**

Bảng 1.11. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động ổn định

Stt	Danh mục	Hiện trạng		Điều chỉnh cấp phép		Ghi chú
		Nước cấp (m ³ /ngày đêm)	Nước thải (m ³ /ngày đêm)	Nước cấp (m ³ /ngày đêm)	Nước thải (m ³ /ngày đêm)	
I	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam					
1	Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên	7,425	7,425	10,35	10,35	Nhu cầu xả thải = 100% nhu cầu sử dụng
3	Hoạt động nấu ăn	4,125	4,125	5,75	5,75	
5	Hoạt động tưới cây xanh, đập bụi sân đường nội bộ	2,58	-	3	-	-
Tổng I		14,13	11,55	19,1	16,1	
II	Công ty thuê nhà xưởng (Công ty TNHH quản lý chuỗi cung ứng Việt Thành)					
	Hoạt động sinh hoạt cán bộ công nhân viên	3,51	3,51	3,51	3,51	- Tính 78 người - Định mức: 0,045 m ³ /người/ngày
Tổng II		3,51	3,51	3,51	3,51	
Tổng (I+II)		17,64	15,06	22,61	19,61	

+ Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam là đơn vị trực tiếp ký hợp đồng tiện ích với Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn – Hải Phòng để cung cấp nước cho hoạt động của cơ sở. Đơn vị hiện đang thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam là: Công ty TNHH quản lý chuỗi cung ứng Việt Thành (là đơn vị không ký hợp đồng tiện ích riêng với Công ty Cổ phần KCN Sài Gòn – Hải Phòng). Đơn vị này đều đã lắp đặt đồng hồ đo nước để tính toán mức sử dụng riêng với Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam (hàng tháng các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ thanh toán tiền nước trực tiếp cho Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

- Công ty đã tiến hành hoàn thiện các thủ tục pháp lý về môi trường qua các giai đoạn phát triển của công ty như sau:

- + Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 435/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 27/07/2016.
- + Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 57/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 17/01/2019.
- + Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1431/GXN-UBND do UBND huyện An Dương cấp ngày 18/11/2019.
- + Công ty đã ký các hợp đồng thu gom chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt thông thường với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.
- + Định kỳ hàng năm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi các cơ quan chức năng quản lý.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Phù hợp với quy hoạch phát triển của Chính phủ và Bộ Công thương

- Quyết định số 880/QĐ – TTg ngày 09/06/2014 của Thủ tướng chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 3892/QĐ-BCT ngày 28/9/2016 của Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng Bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 535/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 với mục tiêu xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hàng đầu cả nước, là trung tâm dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao, trung tâm du lịch, giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và y tế của vùng Duyên hải Bắc Bộ.

- Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, với mục tiêu xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước, có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững, kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường hàng không và đường thủy nội địa, trọng điểm dịch vụ logistics và du lịch, trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế biển.

- Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Với phương án phát triển 31 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 2.150 ha, đảm bảo sử dụng nguồn lực đất đai tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất gắn liền với bảo vệ môi trường.

2.1.2. Phù hợp với quy hoạch phát triển thành phố

- Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với quan điểm phát triển là chú ý giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa phát triển nhanh và bền vững; giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó phát triển theo chiều sâu là chủ đạo, để Hải Phòng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước, sớm trở thành thành phố công nghiệp gần cảng biển phát triển hiện đại, thông minh, bền vững với những ngành mũi nhọn như kinh tế biển, cơ khí chế tạo, chế biến, điện tử, dịch vụ logistics, khoa học và công nghệ biển.

- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/11/2019 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 45-NQ-TW ngày 24/01/2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 - Quy định về quản lý KCN và khu kinh tế.

- Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

- Quyết định 1815/QĐ-UBND thành phố Hải Phòng ngày 26/06/2020, Quyết định về việc sửa đổi bổ sung Danh mục lĩnh vực thu hút đầu tư và tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư vào KCN Trảng Duệ thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, ban hành kèm theo Quyết định 1986/QĐ-UBND ngày 17/9/2014.

- Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến 2025, định hướng đến 2030. Dự án thuộc mục số 16, phụ lục I: Danh mục dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư.

2.1.3. Phù hợp với quy hoạch KCN Trảng Duệ

a. Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng

- Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

- Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

- Quyết định 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

b. KCN Trảng Duệ:

***Giới thiệu chung KCN Trảng Duệ**

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần KCN Sài Gòn - Hải Phòng
- Vị trí: nằm trên địa bàn 4 xã: Lê Lợi, Hồng Phong, Bắc Sơn, An Hòa tại huyện An Dương, Hải Phòng.
- Diện tích: 600 ha.
- Các ngành nghề đã đầu tư và dự kiến đầu tư của KCN Trảng Duệ:
 - + Nhóm ngành công nghiệp cơ khí- lắp ráp: Ô tô, xe máy, máy công nghiệp, thiết kế.
 - + Nhóm ngành công nghiệp điện lạnh - điện tử: sản xuất hàng điện tử, lắp ráp hệ thống, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điện lạnh dùng trong công nghiệp chế biến.
 - + Nhóm ngành công nghiệp vỏ hộp, bao bì: Sản xuất vỏ đồ hộp thực phẩm, thùng carton, vỏ bao PE, PP.
 - + Nhóm ngành công nghiệp gia dụng, thủ công mỹ nghệ: May mặc, dệt sợi, giấy da, đồ chơi, dụng cụ thể thao, bàn ghế nội thất, thủ công mỹ nghệ cao cấp.
 - + Nhóm ngành công nghiệp chế biến nông sản: thực phẩm, đồ uống, giải khát, thủy hải sản, dịch vụ đồ ăn.
 - + Nhóm ngành vật liệu xây dựng: Sản xuất nghiền clinker, gạch lát trang trí, thiết bị vệ sinh, sơn, nhựa, gỗ ván ép xây dựng.
- KCN Trảng Duệ đã đi vào hoạt động từ năm 2010 hoàn thành hạ tầng cơ sở theo quy hoạch được phê duyệt. Trong KCN hiện có nhiều Công ty hoạt động với các nhóm ngành công nghiệp cơ khí - lắp ráp, công nghiệp điện lạnh, điện tử, công nghiệp gia dụng - thủ công mỹ nghệ, công nghiệp chế biến lâm sản, ngành vật liệu xây dựng.

***Hồ sơ môi trường của KCN**

- Quyết định số 542/QĐ – BTNMT ngày 17/03/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày về việc phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Trảng Duệ - Khu A” do Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng làm chủ đầu tư.
- Giấy xác nhận số 107/GXN-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/9/2018 về việc Hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án “ Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Trảng Duệ - Khu A (Giai đoạn I)” (Nâng công suất Hệ thống xử lý nước thải tập trung từ 1.500 m³/ngày.đêm lên 4.000 m³/ngày.đêm).
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1091/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03 tháng 5 năm 2019 với trạm xử lý nước thải tập trung công suất 8.000 m³/ngày đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray theo công nghệ vi sinh kết hợp công nghệ hóa lý.

***Hoạt động bảo vệ môi trường tại KCN Trảng Duệ:** KCN Trảng Duệ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM theo Quyết định số 542/QĐ – BTNMT ngày 17/03/2008 của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Trảng Duệ - Khu A” với các hạng mục cụ thể:

- Đối với khí thải: ban quản lý KCN yêu cầu các doanh nghiệp tự lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn của nhà nước trước khi xả thải ra môi trường và thực hiện giám sát chất lượng ống khói định kỳ theo đúng cam kết trong hồ sơ môi trường được phê duyệt.

- Đối với nước thải:

+ KCN đặt ra tiêu chuẩn nước thải đầu vào riêng, yêu cầu các doanh nghiệp phải xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới được đầu nối vào Trạm xử lý chung.

+ Tính đến thời điểm hiện tại, KCN đã hoàn thành nhà máy XLNT giai đoạn 1 với công suất 4.000 m³/ngày.đêm và nhà máy XLNT giai đoạn 2 với công suất 4.000 m³/ngày.đêm với tổng công suất xử lý của 2 giai đoạn là 8.000m³/ngày.đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray theo công nghệ vi sinh kết hợp công nghệ hóa lý.

+ Số cơ sở đầu nối và tổng lượng nước thải từ các cơ sở này xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tương ứng: 85 cơ sở, tổng lượng nước thải phát sinh trong năm 2023 là: 2.789.978,4 m³, tổng lưu lượng nước thải theo thiết kế được phê duyệt trong Giấy phép xả thải 2.920.000 m³/năm (8000 m³/ngày đêm). Như vậy, với việc hoạt động của dự án phát sinh 2,4 m³/ngày vẫn đảm bảo đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của KCN Trảng Duệ.

+ Công nghệ vi sinh kết hợp công nghệ hóa lý.

+ Bảng tiêu chuẩn nước đầu vào của KCN Trảng Duệ:

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào TXLNT của KCN Trảng Duệ

Stt	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu vào KCN Trảng Duệ
1	Nhiệt độ	°C	45
2	Màu	Pt-Co	170
3	pH	-	5-9
4	BOD ₅	mg/l	200
5	COD	mg/l	450
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	250
7	Asen	mg/l	0,5
8	Thủy ngân	mg/l	0,02
9	Chì	mg/l	1
10	Cadimi	mg/l	0,5
11	Crom (VI)	mg/l	0,5

12	Crom (III)	mg/l	2
13	Đồng	mg/l	5
14	Kẽm	mg/l	5
15	Niken	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	5
17	Sắt	mg/l	10
18	Tổng xianua	mg/l	0,3
19	Tổng Phenol	mg/l	1
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15
21	Sunfua	mg/l	2
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni	mg/l	30
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tổng Phospho	mg/l	8
26	Clorua	mg/l	1.200
27	Clo dư	mg/l	4
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,2
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1,5
30	Tổng PCB	mg/l	0,02
31	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dự án nằm trong KCN Trảng Duệ, KCN Trảng Duệ với hạ tầng kỹ thuật đã quy hoạch đồng bộ, hiện đại. Do đó có thể nhận định, chất lượng môi trường hiện trạng khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Việc phát sinh nguồn thải trong quá trình hoạt động của dự án là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, chủ dự án cam kết sẽ đề xuất và thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu phù hợp, hạn chế tối đa tác động của nguồn thải đến nguồn tiếp nhận, đảm bảo trong quá trình hoạt động không gây ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ theo điểm c, Khoản 2, Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường không phải đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư đối với dự án trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp. Do địa điểm của Công ty nằm trong KCN Tràng Duệ nên không đánh giá nội dung này.

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

4.1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị

Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam chính thức bắt đầu hoạt động vào năm 2016. Lĩnh vực hoạt động là: Sản xuất các vật tư phụ cho điện thoại di động; vật tư cho xe có động cơ và in nhãn mác các loại. Với mục tiêu xây dựng một Công ty có uy tín trong lĩnh vực sản xuất các thiết bị điện tử, cùng chính sách mở cửa, nhu cầu thị trường ngày càng tăng số lượng các dự án đầu tư phát triển kinh tế đã tăng nhanh và đạt nhiều kết quả tốt và vì mục tiêu lợi nhuận.

Sau khi được UBND huyện An Dương phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy ILSHINTECH – Giai đoạn 2” tại Giấy xác nhận số 1431/GXN-UBND ngày 18/11/2019, Công ty đưa dự án vào triển khai. Tuy nhiên, cùng thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các đơn hàng dự kiến hoạt động, kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng, thậm chí phải huỷ bỏ,... Vì vậy, gần như các hoạt động của Công ty chỉ mang tính chất duy trì với công suất sản xuất (theo Giấy xác nhận số 1431/GXN-UBND ngày 18/11/2019) là:

- + Vật tư phụ cho điện thoại di động: 110.000.000 sản phẩm/năm.
- + Vật tư phụ cho xe có động cơ: 950.000 sản phẩm/năm.

Năm 2024, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid cùng với sự suy thoái kinh tế thế giới dẫn đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có một số thay đổi. Vì vậy, để phù hợp với xu thế phát triển của thị trường, thúc đẩy kinh tế phát triển, nên Ban lãnh đạo Công ty quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9806081708 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/04/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 17/04/2024 với quy mô điều chỉnh công suất sản phẩm với quy mô công xuất sản xuất của dự án “Ilshintech Việt Nam” là:

- + Vật tư phụ cho điện thoại di động: 950.000 sản phẩm/năm
- + Vật tư phụ cho xe có động cơ: 120.000.000 sản phẩm/năm
- + In nhãn mác các loại: 1.000.000 sản phẩm/năm
- + Cho thuê văn phòng, nhà xưởng đôi dư: Doanh thu 200.000 đô la mỹ.

Tuy nhiên trong do nhu cầu của thị trường, công ty chưa có ý định tiến hành sản xuất sản phẩm In nhãn mác các loại với công suất 1.000.000 sản phẩm/năm, do đó trong giai đoạn này, chủ đầu tư tiến hành lập giấy phép môi trường dự án “Ilshintech Việt Nam” với các hạng mục sản xuất:

- + Vật tư phụ cho điện thoại di động: 950.000 sản phẩm/năm
- + Vật tư phụ cho xe có động cơ: 120.000.000 sản phẩm/năm
- + Cho thuê văn phòng, nhà xưởng đôi dư: Doanh thu 200.000 đô la mỹ.

Về cơ bản các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty được tính toán giữ nguyên theo hiện trạng đã lắp đặt và đăng ký trong các hồ sơ môi trường trước đây. Việc điều chỉnh thay đổi quy mô công suất hoạt động của dự án: giảm công suất của sản phẩm: Vật tư phụ cho điện thoại di động (băng dính; băng dính 2 mặt; băng dính dẫn điện, băng dính cách nhiệt,...) từ 110.000.000 sản phẩm/năm xuống 950.000 sản phẩm/năm (giảm 115,8 lần), tăng công suất của sản phẩm: Vật tư phụ cho xe có động cơ từ 15.000.000 sản phẩm/năm lên 120.000.000 sản phẩm/năm (tăng 8 lần); không sản xuất các sản phẩm in nhãn mác các loại.

Sau quá trình đánh giá hiện trạng máy móc thiết bị đã lắp đặt: Công ty nhận thấy các máy móc thiết bị này vẫn hoàn toàn đảm bảo khả năng đáp ứng cho mục tiêu, quy mô sản xuất các hoạt động sản phẩm (điều chỉnh) mà chỉ tiến hành tuyển thêm công nhân và tăng số ca làm việc tại dự án từ 1 ca/ngày lên 2 ca/ngày và tiến hành cải tạo lại phòng làm sạch tại nhà máy.

Giai đoạn cải tạo lại phòng làm sạch của nhà máy tương đối ngắn (7 ngày). Đồng thời trong giai đoạn này Công ty vẫn tiếp tục triển khai các hoạt động sản xuất tại nhà xưởng hiện hữu, các tác động chủ yếu là tác động cục bộ tại khu vực cải tạo phòng làm sạch. Bộ phận giám sát sẽ sắp xếp thời gian hoạt động sản xuất và lắp đặt để tránh xung đột, và hạn chế thấp nhất các tác động chồng chéo với các hoạt động sản xuất hiện trạng.

4.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hành

4.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

4.2.1.1. Bụi, khí thải

a. Hoạt động vận tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm

***Nguồn phát sinh:**

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm bằng xe tải có tải trọng 16 tấn.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên.

- Bụi, khí thải chứa SO₂, CO, VOCs từ động cơ của máy móc, thiết bị sử dụng dầu DO.

***Thành phần:** Quá trình này phát sinh bụi và khí thải bao gồm bụi, SO₂, NO_x, VOCs,... Các thành phần này tùy theo đặc tính của mỗi loại mà tác động lên môi trường và sức khỏe của con người theo mỗi cách khác nhau.

***Đối tượng chịu tác động:** môi trường không khí khu vực và các đối tượng hai bên tuyến đường vận chuyển.

***Lượng phát sinh:** Theo tài liệu của tổ chức y tế thế giới (WHO), định mức các chất ô nhiễm từ hoạt động của các phương tiện giao thông như sau:

Bảng 4.1. Hệ số ô nhiễm không khí đối với các loại xe

Loại xe	Hệ số ô nhiễm (kg/1000 km)				
	TSP	SO ₂	NO _x	CO	VOC
Xe tải động cơ Diezen <3,5 tấn	0,2	1,16S	0,7	1	0,15
Xe tải động cơ Diezen 3,5 -16 tấn	0,9	4,29S	11,8	6,0	2,6
Xe tải động cơ Diezen >16 tấn	1,6	7,26S	18,2	7,3	5,8
Xe máy, hai thì > 50cc	0,12	0,6S	0,08	22	15

(Nguồn: Rapid inventory technique in environmental control, WHO, 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu Diesel (S chiếm 0,05%).

Dựa trên phương pháp xác định nhanh nguồn thải của các loại xe theo hệ số ô nhiễm không khí, tải lượng các chất ô nhiễm do các phương tiện vận tải gây ra tại khu vực dự án ước tính theo công thức:

$$E = n \times k \text{ (mg/m.s) (1)}$$

Trong đó:

n: Lưu lượng xe vận chuyển.

k: Hệ số phát thải của các xe vận chuyển (kg/1000km).

Tải lượng, nồng độ bụi và các chất ô nhiễm được tính toán theo mô hình khuếch tán nguồn đường dựa trên định mức thải của Tổ chức Y tế thế giới WHO đối với các xe vận tải dùng xăng dầu như sau:

$$C = 0,8E \frac{\left\{ \exp\left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right] + \exp\left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right] \right\}}{\sigma_z u} \quad \text{(Công thức Sutton) (2)}$$

(Nguồn: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật).

Trong đó:

$\sigma_z = 0,53x^{0,73}$ là hệ số khuếch tán của khí quyển theo phương thẳng đứng.

C: Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);

E: Lưu lượng nguồn thải (mg/ms); E = Số xe/giờ x Hệ số ô nhiễm/1000km x 1h.

z: độ cao điểm tính (m);

u: tốc độ gió trung bình thời vuông góc với nguồn đường (m/s);

h: độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m).

+ Số liệu tính toán:

Khối lượng cần vận chuyển ra vào nhà máy trong quá trình hoạt động ổn định là 1.147,03 tấn/năm (trong đó: 581,3 tấn/năm là lượng nguyên, phụ liệu sản xuất; 565,73

tấn/năm là sản phẩm) tương đương 95,6 tấn/tháng.

Lưu lượng xe vận chuyển nguyên phụ liệu, sản phẩm... khi dự án đi vào hoạt động trong 1 ngày của dự án như sau:

Bảng 4.2. Lưu lượng xe vận chuyển

Khối lượng vận chuyển (tấn/tháng)	Lưu lượng xe/tháng	Số ngày làm việc trong tháng	Lưu lượng xe/ngày
95,6	6	26 ngày	1

Số lượt xe vận chuyển trong ngày là: 1 xe/ngày x 2 lượt xe/chuyến = 2 lượt xe/ngày
=> Số lượt xe vận chuyển trong giờ (tính thời điểm cao điểm nhất): khoảng 2 lượt xe/h.

+ Cung đường vận chuyển: các tuyến đường nhánh đến đơn vị phân phối của dự án.

+ Chất lượng tuyến đường: Mặt bằng toàn bộ tuyến đường vận chuyển đã được bê tông hóa toàn bộ, chịu được tải trọng của các phương tiện vận tải trên 16 tấn. Chất lượng tuyến đường vận chuyển còn khá tốt.

Chọn điều kiện tính:

+ z (chiều cao hít thở) : 2 m

+ x (khoảng cách đến lòng đường) : 1,7 m

+ h (chiều cao đường) : 2,2 m

+ u (tốc độ gió) : 0,85 m/s

+ Mật độ xe : 2 xe/giờ

+ Hệ số khuếch tán: $\partial_z = 0,53 x^{0,73} = 0,713$

Thay các thông số vào công thức Sutton trên tính được nồng độ của các khí thải gia tăng trên đường vận chuyển nguyên vật liệu do phương tiện giao thông như sau:

Bảng 4.3. Tải lượng nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên nhiên liệu hóa chất tại dự án

Stt	Chỉ tiêu	Hệ số ô nhiễm	E (mg/m.s)	Nồng độ gia tăng các chất ô nhiễm C (mg/m ³)	QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi	0,9	0,0005	0,0000051	8
2	SO ₂	4,29S	0,0000119	0,0000012	5
3	NO ₂	11,8	0,006556	0,0000663	5
4	CO	6	0,00033	0,0000337	20

***Tác động tiêu cực:**

+ Bụi có kích thước nhỏ có khả năng xâm nhập vào cơ thể người qua đường hô hấp gây ra các bệnh về đường hô hấp, bệnh hen suyễn, viêm cuống phổi. Bụi bay vào mắt có thể gây xước, viêm giác mạc. Đối với thực vật, bụi làm giảm khả năng quang hợp của lá...

+ Khí thải từ các phương tiện vận chuyển gồm: các phương tiện giao thông vận tải sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu diezen để hoạt động, các nhiên liệu này khi đốt cháy sẽ sinh ra khói thải chứa các chất gây ô nhiễm không khí như: CO, CO₂, NO₂, SO₂,... Mức độ phát thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: nhiệt độ không khí, vận tốc xe chạy, chiều dài tuyến đường đi, phân khối động cơ, loại nhiên liệu, loại xe,... Tùy từng loại động cơ và nhiên liệu mà khối lượng các thành phần chất thải độc hại trong khí thải ra môi trường chiếm tỷ lệ khác nhau.

+ Nhiễm độc CO gây ra các triệu chứng như: đau, buồn nôn, mệt mỏi, rối loạn thị giác, nặng có thể dẫn tới tử vong.

+ Nhiễm độc SO₂ gây kích ứng niêm mạc mắt và các đường hô hấp trên. Ở nồng độ rất cao, SO₂ gây viêm kết mạc, bỏng và đục giác mạc.

+ Nhiễm độc NO₂ gây kích ứng mắt, rối loạn tiêu hóa, viêm phế quản, tổn thương răng.

***Nhận xét:** Căn cứ theo số liệu tính toán tại bảng trên cho thấy: nồng độ gia tăng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động vận tải của dự án đều thấp hơn rất nhiều so với tiêu chuẩn cho phép. Có thể nhận định, mức độ tác động của nguồn thải này đến môi trường khu vực dọc tuyến đường vận chuyển là không đáng kể. Tuy vậy, chủ dự án vẫn chú trọng đến nguồn thải này và đưa ra biện pháp giảm thiểu phù hợp.

b. Hoạt động phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên

Số lượng người tự đi xe máy đến Công ty dao động trung bình khoảng 15 - 20 xe/ngày. Các phương tiện cá nhân của cán bộ, công nhân viên đều chạy bằng xăng, dầu DO, khi vận hành sẽ gây bụi, khí thải chứa CO, SO₂, NO_x,... Tuy nhiên, mức độ ô nhiễm do xe ô tô gây ra chỉ mang tính chất cục bộ khoảng 30 phút trước giờ làm việc và 30 phút sau giờ tan ca, tổng là 1 tiếng/ca. Còn đối với xe máy thì Nhà máy yêu cầu cán bộ, công nhân viên dừng xe và tắt máy trước cổng, sau đó, dắt bộ vào khu để xe theo chỉ dẫn của bảo vệ. Khuôn viên dự án đã hiện hữu cây xanh điều hòa khí hậu. Do đó, mức độ của nguồn thải sẽ giảm thiểu được phần nào.

c. Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

c1. Bụi phát sinh từ quá trình cắt tấm, định hình, cắt bavia

- Nguyên liệu đầu vào là các loại cuộn màng nhựa, màng bảo vệ, màng bọc lót, màng phim,... sau khi được nhập kho sẽ được chuyển về công đoạn cắt tấm để cắt thành các tấm phù hợp với quy trình sản xuất, Cụ thể: các tấm cuộn màng nhựa, màng phim, màng bọc lót,... theo băng chuyền tự động đưa vào máy cắt tự động, vị trí, kích thước cần cắt đã được định vị sẵn trên máy tính, lưỡi cắt của máy cắt sẽ thực hiện cắt phân chia theo đúng vị trí, kích thước đã được định vị sẵn. Quá trình cắt tấm, dập, cắt định hình sẽ phát sinh bụi, theo thông kê của công ty và các đơn vị sản xuất có công nghệ tương tự dự án, thì lượng bụi phát sinh khoảng 0,1 kg/tấn khối lượng nguyên liệu đầu vào. Bụi có tỷ trọng lớn, nên chúng dễ sa lắng ngay trên bề mặt của máy và có không gian phân tán không rộng. Hơn nữa, dây

chuyên vận hành tự động theo chế độ cài đặt sẵn và ít có công nhân tham gia trực tiếp tại công đoạn này nên mức độ tác động của các loại bụi này là rất thấp.

- Tính toán mức độ phát thải theo lý thuyết:

+ Tổng khối lượng cuộn màng nhựa, màng phim, màng bọc lót... sử dụng trong quá trình sản xuất là khoảng 581,1 tấn. Suy ra, khối lượng bụi kim loại phát sinh dự kiến là $0,1\% \times 581,1 \text{ tấn/năm} = 0,5811 \text{ kg/năm} \sim 0,000116 \text{ kg/h}$ (tính cho 16 h làm việc) $\sim 116 \text{ mg/h}$.

+ Áp dụng Công thức $C = S / I.V$, chọn điều kiện tính toán gồm:

- ✓ V: thể tích không gian phân tán hẹp, tạm tính trong không gian 40 m^3 (diện tích 20 m^2 và chiều cao 2 m).
- ✓ I: hệ số thay đổi không khí của phòng (lần/h).
- ✓ Chọn $I = 6 \text{ lần/h}$ đối với nhà xưởng đã có đầy đủ hệ thống thông gió, lúc này nồng độ nguồn thải là nhỏ nhất - Theo Table 2 – outdoor air supply for mechanical ventilation in non air – conditioned buildings – CP 13:1999, bội số trao đổi không khí tại nhà xưởng đã có đầy đủ thông gió là 6 lần/h.
- ✓ S: Tải lượng ô nhiễm thải ra trong phòng, mg/h ; $S = 116 \text{ mg/h}$
- ✓ C: nồng độ chất ô nhiễm trong phòng, mg/m^3 ;
- ✓ t: thời gian phát sinh chất ô nhiễm, (chọn $t = 24 \text{ h}$).

=> Thay các số liệu vào công thức (3.3) tính được **nồng độ bụi** phát sinh trong **công đoạn cắt tấm, định hình, khoan lỗ** là: $C = 116 / (6 \times 40) = 0,48 \text{ mg/m}^3$

- So sánh kết quả quan trắc và giám sát môi trường định kỳ trong quá trình hoạt động của Nhà máy:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn so sánh
			Khu vực sản xuất	Khu vực lắp ráp	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	26,9	77,3	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	72,9	68,3	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,35	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dB	73,5	73,7	85 ⁽²⁾
5	Bụi (TSP)	mg/m^3	0,283	0,257	8 ⁽⁴⁾
6	CO	mg/m^3	<1,14	<1,14	40
7	NO ₂	mg/m^3	<0,19	<0,19	10
8	SO ₂	mg/m^3	<0,26	<0,26	10
9	VOC (benzene)	mg/m^3	<0,01	<0,01	15

- Ngày quan trắc: 23/6/2023.

- Kết luận: Đối chiếu với QCVN 02:2019/BYT, nồng độ bụi tính toán trong điều kiện nhà xưởng có đầy đủ thông gió đều thấp tiêu chuẩn hiện hành; Kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong quá trình hoạt động của Nhà máy với các chỉ tiêu, thông số giám sát

cũng đều nằm dưới ngưỡng giới hạn. Hơn nữa, quy trình cắt, đập, ép... hoàn toàn tự động, ít có sự can thiệp của con người.

c2. Khu vực in UV lên màng nhựa

- Lượng mực in sử dụng trong quá trình in UV: khoảng 0,2 tấn/năm; Mực được nhập về dạng lọ (không có công đoạn pha mực) mà mực này được đưa vào máy in trực tiếp.

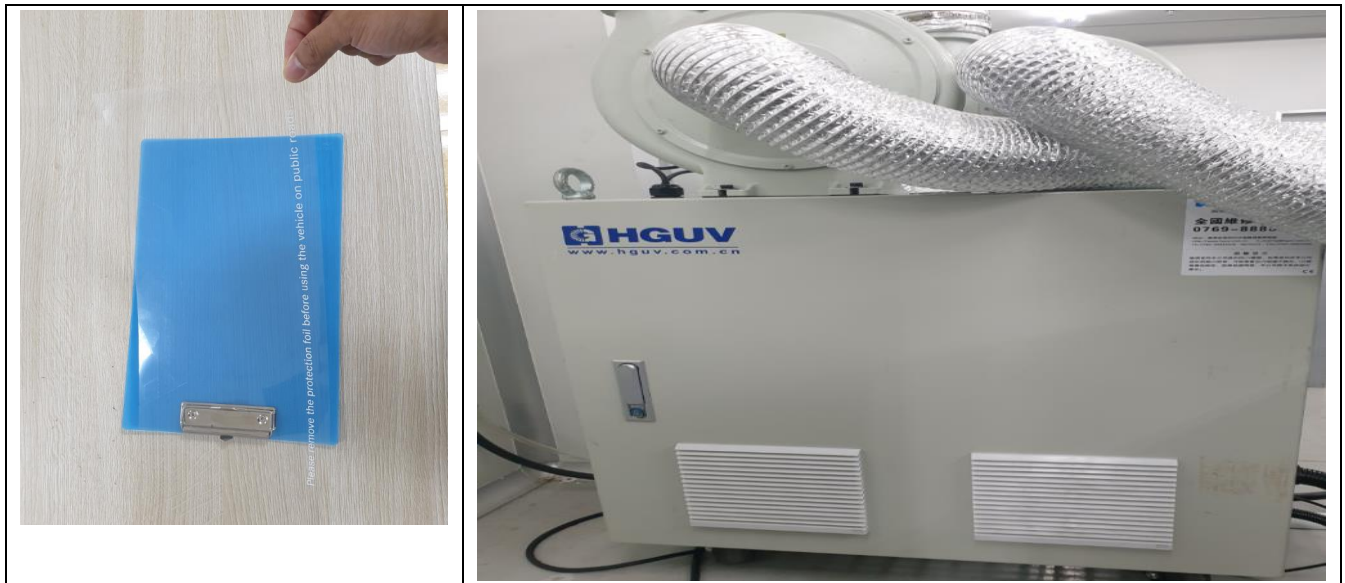
- Quá trình in này chỉ được thực hiện theo từng đơn hàng (chỉ đơn hàng nào khách hàng yêu cầu). Quá trình in chỉ diễn ra trong khoảng 1-2 tiếng.

- Quá trình in hoàn toàn tự động đi qua vùng in mực và vùng sấy bằng tia UV để đảm bảo cho mực in được khô hoàn toàn trên màng nhựa.

- Tại khu vực sấy, có hệ thống đường ống hút dẫn hơi dung môi lẫn trong mực in ra ngoài tủ hấp phụ bằng bông lọc G2/ G4 để không phát tán hơi dung môi ra ngoài môi trường; hơi dung môi được thay thế định kỳ khoảng 6- 12 tháng/lần để xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy.

- Hình ảnh:

Mực in UV	Máy in UV
	
Sản phẩm in	Tủ hấp phụ bông lọc G2/G4



Như vậy, quá trình in này diễn ra hoàn toàn tự động, lượng mực in sử dụng ít; tần suất in gián đoạn theo đơn hàng. Khí thải sau quá trình in được qua tủ hấp phụ bằng bông lọc (được thiết kế đồng bộ với máy in). Nên các tác động đến môi trường trong quá trình này mang tính chất cục bộ và được xử lý ngay tại chỗ đảm bảo đáp ứng môi trường làm việc trong quá trình hoạt động. Đối với giai đoạn điều chỉnh hoạt động này: lượng các sản phẩm qua công đoạn in UV này còn giảm đi 4 lần so với hiện trạng hoạt động nên các tác động đến môi trường tại khu vực này chỉ mang tính chất cục bộ. Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp quản lý, lập kế hoạch sản xuất phù hợp, thay thế bông lọc để đảm bảo môi trường trong quá trình hoạt động.

c3. Khu vực làm sạch

- Quá trình làm sạch các sản phẩm của dự án ở đây chủ yếu đi qua máy làm sạch. Máy làm sạch hoạt động theo cơ chế chuyển động của con lăn. Và có kèm theo phần băng dính. Khi sản phẩm cần làm sạch theo băng chuyển đi vào máy làm sạch, nhờ chuyển động của con lăn và băng dính sẽ hút toàn bộ bụi bám dính trên bề mặt sản phẩm cần làm sạch. Sản phẩm sau khi đi qua con lăn và phần băng dính thấm bụi sẽ được đi ra ngoài công đoạn tiếp theo. Băng dính thấm bụi được thu gom là chất thải công nghiệp.

- Như vậy, hoạt động làm sạch của dự án ở đây chủ yếu bằng phương pháp thấm dính bụi vào băng dính, không gây phát tán ra ngoài môi trường xung quanh. Băng dính thấm bụi được thu gom là chất thải công nghiệp.

- Hình ảnh máy làm sạch tại Dự án:



c4. Khu vực gia công và hoàn thiện kiểm tra sản phẩm

- Tại mỗi khu vực hoạt động sản xuất đều được phân khu theo từng bộ phận để đảm bảo dây chuyền sản xuất được bố trí một cách nối tiếp nhau xuyên suốt nhà máy.

+ Các quá trình khoan cắt màng vật tư của dự án chủ yếu là đập cơ học; quá trình cắt là cắt phân bavia,...

+ Quá trình lắp ráp: chủ yếu là dán/ ghép các tấm bán thành phẩm (do khách hàng cung cấp) bằng cách gấp vào khung đỡ, dán băng dính; giấy chống dính và ép để cố định sản phẩm.

- Mặt khác, hệ thống máy móc được đầu tư đồng bộ tự động trên băng truyền và các cánh tay rô bốt gắn trực tiếp trên các thiết bị máy móc, được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của các đơn vị cung ứng, các công đoạn sản xuất yêu cầu độ chính xác cao, được phân khu sản xuất, chỉ định theo đơn hàng,... Công nhân vào trong nhà xưởng sản xuất đều được trang bị các bảo hộ lao động hợp lý. Trước khi vào khu vực xưởng sản xuất được đi qua phòng làm sạch. Vì vậy, hầu như không có bụi và khí thải phát sinh từ các công đoạn này.

c5. Kết quả quan trắc định kỳ năm 2023

- Vị trí lấy mẫu:

Bảng 4.4. Thống kê vị trí điểm quan trắc môi trường không khí

Stt	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
1	Không khí làm việc	KKXS1	Lần 1: 23/6/2023	Khu vực sản xuất
		KKXS 2		Khu vực thành phẩm

		KKXS 3	Lần 2: 01/12/2023	Khu vực kho vật liệu
		KKXS 4		Khu vực kiểm tra trước khi lắp ráp (khu vực vật liệu)
		KKXS 5		Khu vực kiểm tra hàng trước khi xuất kho (khu vực thành phẩm)
		KKXS 6		Khu vực lắp ráp

- Kết quả quan trắc không khí làm việc:

Bảng 4.5. Kết quả quan trắc môi trường không khí làm việc ngày 23/6/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả						Quy chuẩn so sánh
			KKXS 1	KKXS 2	KKXS 3	KKXS 4	KKXS 5	KKXS 6	
1	Nhiệt độ	°C	26,9	27,4	27,8	27,8	27,3	77,3	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	72,9	68,3	68,8	66,8	67,2	68,3	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,42	0,28	0,42	0,42	0,35	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dB	73,5	65,7	69,8	68,6	64,7	73,7	85 ⁽²⁾
5	Bụi (TSP)	mg/m ³	0,283	0,197	0,208	0,227	0,174	0,257	8 ⁽⁴⁾
6	CO	mg/m ³	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	40
7	NO ₂	mg/m ³	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	10
8	SO ₂	mg/m ³	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	10
9	VOC (benzene)	mg/m ³	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	15

Bảng 4.6. Kết quả quan trắc môi trường không khí làm việc ngày 01/12/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Quy chuẩn so sánh
			KKXS 4	KKXS 6	
1	CO	mg/m ³	3,88	3,53	40
2	SO ₂	mg/m ³	0,73	0,76	10
3	NO ₂	mg/m ³	0,6	0,56	10
4	Bụi (TSP)	mg/m ³	1,01	0,95	8
5	VOC (benzene)	mg/m ³	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	15

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ ⁽³⁾QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

+ ⁽⁴⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- Giá trị giới hạn cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

+ (-): Không thực hiện.

- **Nhận xét:** Căn cứ theo bảng thống kê kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2023 cho thấy: Nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn hiện hành. Do đó, có thể nhận định các biện pháp bảo vệ môi trường không khí mà Công ty đang áp dụng là hoàn toàn phù hợp.

4.2.1.2. Nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

***Nguồn phát sinh:** loại nước thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 230 cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê xưởng.

***Thành phần:** hợp chất hữu cơ, tổng N, tổng P, BOD, COD, TSS, Coliform, dầu mỡ động thực vật,...

***Lượng phát sinh:**

- Đối với Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam: Căn cứ theo số liệu tính toán tại Chương I, lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của 230 cán bộ công nhân viên là 16,1 m³/ngày đêm (trong đó: nước cấp cho sinh hoạt là 10,35 m³/ngày đêm và nước cho hoạt động nấu ăn là 5,75 m³/ngày đêm). => Lượng nước thải phát sinh là 16,1 m³/ngày đêm (theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP, định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp đầu vào).

- Đối với hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng: Căn cứ theo số liệu tính toán tại Chương I, lượng nước cấp hiện trạng cho các đơn vị cho thuê nhà xưởng là 3,51 m³/ngày đêm (tính cho tối đa 78 công nhân viên của đơn vị thuê xưởng, không có hoạt động nấu ăn ca) => Lượng nước thải phát sinh là 3,51 m³/ngày đêm (theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP, định mức nước thải bằng 100% lượng nước cấp đầu vào).

=> Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: 16,1 + 3,51 = 19,61 m³/ngày đêm

***Tải lượng:** Theo TCVN 7957:2023 – Thoát nước– mạng lưới và công trình bên ngoài –yêu cầu thiết kế: Tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh do quá trình sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn hoạt động của dự án như sau:

Bảng 4.7. Dự báo nồng độ ô nhiễm chứa trong nước thải sinh hoạt của Dự án

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Hệ số phát thải (g/người. ngày)*	Định mức TB	Số lượng (người)	Thải lượng (g/ngày)	Nồng độ (g/m ³)	QCVN 14:2008 /BTNMT (cột B)	TC KCN Trảng Duệ
				x_1	y	$z=x_1*y$	$z/19,61$		
1	TSS	mg/l	60-65	65	308	20.020	1.020,9	100	250
2	BOD ₅	mg/l	55-60	60	308	18.480	942,37	50	200
3	Tổng P	mg/l	1,1-2,2	2,2	308	677,6	34,553	-	8
4	Amoni	mg/l	8-10,5	10,5	308	3.234	164,91	10	30
Tiêu chuẩn nước thải KCN Trảng Duệ									

***Nhận xét:** Theo dự báo tại Bảng trên cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm chứa trong loại nước thải này của dự án cao hơn rất nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép. Trường hợp nước thải này xả thải trực tiếp nước thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nước nguồn tiếp nhận, cụ thể, gia tăng độ đục, mùi hôi, tạo điều kiện cho ký sinh trùng gây bệnh,...

b. Nước thải sản xuất

Do đặc trưng của hoạt động sản xuất tại dự án là sản xuất các sản phẩm vật tư phụ cho điện thoại di động và cho xe có động cơ do đó không phát sinh nước thải sản xuất. Các đơn vị cho thuê sẽ đảm bảo việc quản lý thu gom, xử lý nước thải sản xuất (nếu có) đảm bảo đạt tiêu chuẩn KCN mới được phép đầu nối vào mạng lưới thu gom và thoát nước thải của Dự án. Hiện tại đơn vị thuê nhà xưởng hiện trạng cũng không phát sinh nước thải sản xuất.

c. Nước mưa chảy tràn

***Nguồn phát sinh:** Loại nước này phát sinh vào ngày mưa lớn. Nước mưa sẽ cuốn theo bụi bẩn, tạp chất thô,... vào nguồn tiếp nhận. Hiện tại, toàn bộ mặt bằng cơ sở đã được bê tông hoá nên thành phần ô nhiễm chứa trong nước mưa chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

***Lượng phát sinh:** được tính toán theo công thức sau:

$$Q_{\max} = 0,278 \times K \times I \times F \text{ (m}^3/\text{s)}$$

(Nguồn: *Giáo trình Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản – PGS.TS Trần Đức Hạ - NXB Xây dựng Hà Nội, năm 2010*)

Trong đó:

$Q_{\max}$: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn (m³/s);

K: hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất (theo TCXDVN 51/2008 – *Thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế*, với đặc điểm bề mặt là bê tông và mái nhà hệ số $K = 0,95$).

F: Diện tích mặt bằng dự án, $F = 10.178 \text{ m}^2$.

I: Cường độ mưa trung bình trong khoảng thời gian có lượng mưa cao nhất. $I = 80 \text{ mm/h} \sim 2,2 \cdot 10^{-5} \text{ m/s}$.

Vậ lưu lượng nước mưa lớn nhất ở khu vực dự án là:

$$Q_{\max} = 0,278 \times 0,95 \times 2,2 \times 10^{-5} \times 10.178 = 0,059 \text{ (m}^3/\text{s)}$$

***Tải lượng:** Theo số liệu nghiên cứu của Tổ chức y tế thế giới WHO, 1993, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa khoảng 0,5 - 1,5 mg N/l; 0,004 - 0,03 mg P/l; 10 - 20 mg COD/l và 10 - 20 mg TSS/l, điều này cho thấy so với những loại nước thải khác thì nước mưa chảy tràn là khá sạch.

***Nhận xét:** Việc xả trực tiếp nước mưa chảy tràn ra môi trường sẽ tiềm ẩn gây tắc nghẽn dòng chảy, vỡ bục công trình thoát nước mưa và nước thải hiện trạng tại khu đất, đồng thời, tăng độ đục nguồn tiếp nhận.

4.2.1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đơn vị thuê phải tự chịu trách nhiệm thu gom, lắp đặt kho lưu chứa (*nằm trong phạm vi diện tích thuê nhà xưởng*), chịu trách nhiệm thu gom và thuê đơn vị xử lý chất thải (bao gồm cả chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại) theo quy định. Nên trong báo cáo chỉ dự tính lượng chất thải phát sinh của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

a. Chất thải sinh hoạt

***Nguồn phát sinh:** loại chất thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 230 cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án giai đoạn vận hành ổn định (không bao gồm chất thải của các đơ.

***Thành phần:** rác vô cơ gồm túi nilon, thùng bìa carton, lon nước ngọt, giấy,... và rác hữu cơ gồm thức ăn thừa, vỏ hoa quả.

***Lượng phát sinh:** Theo QCVN 01:2021/BXD, định mức rác sinh hoạt của 1 người là 0,43 kg/người/ngày đêm (8h/ngày đêm), suy ra, lượng rác sinh hoạt của 230 người tại dự án là: $230 \text{ người} \times 0,43 \text{ kg/người/ngày đêm} = 98,9 \text{ kg/ngày đêm} \sim 2.571,4 \text{ kg/tháng}$ (tính cho 26 ngày làm việc).

***Nhận xét:** thành phần hữu cơ trong rác thải sinh hoạt có khả năng phân huỷ rất cao dưới nhiệt độ cao, từ đó, phát sinh nước rỉ rác, gây mùi hôi thối và tạo điều kiện cho ký sinh trùng gây bệnh phát triển, lây lan dịch bệnh.

b. Chất thải công nghiệp

***Nguồn phát sinh và thành phần:**

- Chất thải rắn từ quá trình chuẩn bị nguyên liệu, phụ kiện trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất: Thùng bìa carton, túi nilon thải.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất:

+ Lõi các cuộn màng nhựa (lõi được làm bằng giấy) sau hết mỗi cuộn sẽ thải bỏ ra ngoài môi trường.

+ Phần bavia từ quá trình cắt khuôn màng.

+ Các loại dây buộc, túi đựng nguyên phụ liệu,...

+ Giấy vụn từ quá trình hoạt động văn phòng.

- Ngoài ra còn có bùn cặn nạo vét định kỳ tại công trình thoát nước mưa, thoát nước thải của dự án (tuy nhiên, lượng chất thải này sẽ được đơn vị nạo vét vận chuyển và xử lý theo đúng quy định).

***Lượng phát sinh:**

- Các loại bao bì, thùng bìa Carton, túi nilon, xốp, bavia,... thải bỏ ra từ quá trình nhập nguyên liệu về để sản xuất, các lõi cuộn từ nguyên liệu đầu vào: Tổng khối lượng các nguyên liệu nhập sẵn này là 581,3 tấn/năm. Tỷ lệ bao bì đóng gói nguyên liệu theo cung cấp cho đơn vị cung ứng là 0,5%. Khi đó, khối lượng thùng bìa Carton, túi nilon,... phát sinh dự kiến là $581,3 \text{ tấn/năm} \times 0,5\% = 2,9 \text{ tấn/năm}$.

- Phần bavia từ quá trình dập, cắt vật tư quá trình sản xuất, không lẫn các thành phần nguy hại: khuôn, bóc tách màng nhựa, băng dính,...: Theo kinh nghiệm sản xuất trong năm 2023 thì tỷ lệ bavia thừa chiếm 1,5 % tổng nguyên liệu đầu vào. Khối lượng nguyên liệu màng nhựa, băng dính,... đầu vào của dự án sử dụng là 427,5 tấn/năm (không bao gồm các loại silicon, màng phim và sơn UV), tương ứng khoảng 6,4 tấn/năm

- Phần bavia từ quá trình dập, cắt vật tư quá trình sản xuất lẫn các thành phần nguy hại: màng phim: Theo kinh nghiệm sản xuất trong năm 2023 thì tỷ lệ bavia thừa chiếm 1,5 % tổng nguyên liệu đầu vào. Khối lượng nguyên liệu màng phim đầu vào của dự án sử dụng là 147,6 tấn/năm, tương ứng khoảng 2,2 tấn/năm: Thu gom xử lý là chất thải nguy hại.

- Phần silicon được sử dụng làm nguyên liệu phụ trợ để dưỡng đầu cho phần kết dính, lắp ráp (giúp thuận tiện cho thao tác kết dính không bị ố, bẩn, rỉ, và thuận tiện khi khách hàng sử dụng): Sau quá trình sản xuất có một số đơn hàng sẽ bóc tách phần silicon này ra và thải bỏ là chất thải công nghiệp, một số đơn hàng của khách hàng vẫn yêu cầu để nguyên phần silicon theo thành phẩm để phục vụ cho quá trình sản xuất tiếp theo của khách hàng. Vì vậy, lượng silicon thải bỏ tại nhà máy tính khoảng 50% lượng sử dụng tương ứng khoảng 3 tấn/năm.

- Vật tư phụ cho điện thoại di động, vật tư phụ cho xe có động cơ hoàn thiện bị lỗi từ công đoạn kiểm tra cuối cùng. Tỷ lệ lỗi chiếm 0,2 % tổng nguyên liệu đầu vào. Khối lượng nguyên liệu đầu vào của dự án sử dụng là 581,3 tấn/năm thì tỷ lệ sản phẩm lỗi là 1,16 tấn/năm.

- Các loại giấy thải từ hoạt động văn phòng, từ các hoạt động bao bì đóng gói hỏng, cá loại balet, thùng đựng tại khu vực kho chứa,...: 5 tấn/năm.

- Ngoài ra còn có bùn cặn nạo vét định kỳ tại công trình thoát nước mưa, thoát nước

thải của dự án (tuy nhiên, lượng chất thải này sẽ được đơn vị nạo vét vận chuyển và xử lý theo đúng quy định).

Bảng 4.8. Dự báo khối lượng chất thải rắn sản xuất trong giai đoạn vận hành

Stt	Tên chất thải	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Các loại bao bì, thùng bìa Carton, túi nilon, xốp, bavia,... thải bỏ ra từ quá trình nhập nguyên liệu về để sản xuất, các lõi cuộn từ nguyên liệu đầu vào	tấn/năm	2,9
2	Phần bavia từ quá trình dập, cắt vật tư quá trình sản xuất, không lẫn các thành phần nguy hại: khuôn, bóc tách màng nhựa, băng dính,...	tấn/năm	6,4
3	Phần silicon được sử dụng làm nguyên liệu phụ trợ để dưỡng đầu cho phần kết dính, lắp ráp (giúp thuận tiện cho thao tác kết dính không bị ố, bẩn, rỉ, và thuận tiện khi khách hàng sử dụng)	tấn/năm	3
4	Vật tư phụ cho điện thoại di động, vật tư phụ cho xe có động cơ hoàn thiện bị lỗi từ công đoạn kiểm tra cuối cùng	tấn/năm	1,16
5	Các loại giấy thải từ hoạt động văn phòng, từ các hoạt động bao bì đóng gói hỏng, cá loại balet, thùng đựng tại khu vực kho chứa,...	tấn/năm	5
6	Bùn thải từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải	tấn/năm	1,2
	Tổng cộng	tấn/năm	19,6

***Nhận xét:** Các chất thải công nghiệp phát sinh này có lượng thải tương đối lớn, nhưng cũng có giá trị tái sử dụng tương đối cao. Trường hợp không được thu gom, xử lý sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời gây lãng phí đối với những phế liệu có giá trị tái sử dụng cao.

4.2.1.4. Chất thải nguy hại

***Nguồn phát sinh và thành phần:**

- Thay thế thiết bị chiếu sáng: bóng đèn huỳnh quang thải.
- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị sản xuất định kỳ: giẻ lau, gang tay dính thành phần nguy hại, dầu động cơ và bôi trơn tổng hợp thải,...
- Hoạt động của xe nâng: pin, ắc quy.
- Bavia, sản phẩm lỗi có chứa các thành phần nguy hại khoảng 2,2 tấn/năm.
- Các loại bao bì thải lẫn các thành phần nguy hại.

***Lượng phát sinh:**

Bảng 4.9. Thống kê chất thải nguy hại tại dự án giai đoạn vận hành ổn định

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Lượng	Mã
-----	---------------	------------	-------	----

		tồn tại	(kg/năm)	CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải bao gồm cả quá trình bảo dưỡng thiết bị trong quá trình hoạt động	Lỏng	350	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bông lọc), giẻ lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	450	18 02 01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	85	18 01 03
7	Phần bavaria từ quá trình đập, cắt vật tư quá trình sản xuất lẫn các thành phần nguy hại: màng phim	Rắn	2.200	19 02 09
8	Sơn thải, cặn sơn và các loại dung môi hữu cơ (mức UV)	Rắn	25	08 01 01
Tổng			3.270	

(Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trên chỉ mang tính chất tạm tính. Số liệu thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được Công ty thống kê trong Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm và nộp về các cơ quan quản lý theo đúng quy định).

***Tác động:**

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Các chất thải này có độc tính khi tiếp xúc với da, có tác hại với sức khỏe của con người khi trực tiếp tiếp xúc. Chất thải dạng lỏng của dự án chủ yếu là dầu thải từ quá trình bôi trơn, bảo dưỡng máy móc tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đây là các chất dễ bắt cháy nên dễ gây ra sự cố cháy nổ. Đồng thời, đây là chất thải nguy hại gây tác động nhanh chóng đối với môi trường thông qua tích lũy sinh học và tác hại đến hệ sinh vật.

- Chất thải nguy hại dạng rắn: Là các chất thải có tác động mạnh đến môi trường nếu cháy. Các chất này nếu không được thu hồi, sẽ phát tán vào môi trường gây ô nhiễm môi trường đất, nước.

4.2.1.5. Tiếng ồn, độ rung

***Nguồn phát sinh:**

- Hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên liệu, hoá chất và sản phẩm tại khu vực cổng.
- Hoạt động tại khu vực nhà để xe.
- Hoạt động của dây chuyền sản xuất tại các xưởng.

***Dự báo nguồn thải:**

- Hoạt động vận tải: Theo dự báo của Tổ chức Y tế thế giới 1993, mức ồn, rung động

phát sinh của phương tiện vận tải là 88 dBA (Nguồn thải cách nguồn 1,5 m).

+ Hoạt động của xe nâng: Theo dự báo của WHO, 1993, mức ồn, rung động phát sinh của xe nâng là 80,0 – 93,0 dBA (nguồn thải cách nguồn 1,5 m).

+ Đối với dây chuyền sản xuất lắp ráp: loại hình đầu tư của dự án chủ yếu sử dụng các loại máy kiểm tra nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra đều có độ ồn phát sinh không lớn. Hơn nữa, máy móc sẽ được công nhân kiểm tra hàng ngày, bảo dưỡng định kỳ. Cộng với, không gian sản xuất thông thoáng, có đầy đủ hệ thống điều hòa kết hợp thông gió tự nhiên và cưỡng bức bằng quạt công nghiệp; công nhân sẽ được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động nên nguồn thải này hoàn toàn có thể giảm thiểu, không chế.

Căn cứ kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023 của Công ty: Giá trị tiếng ồn đo đạc nằm trong khoảng từ 64,7 đến 73,7dB. Các giá trị này đều nằm trong ngưỡng giới hạn quy định cho phép theo quy chuẩn hiện hành.

***Tác động:** Tiếng ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất và gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tác hại của tiếng ồn là gây nên những tổn thương cho các bộ phận trên cơ thể người. Trước hết là cơ quan thính giác chịu tác động trực tiếp của tiếng ồn làm giảm độ nhạy của tai, thính lực giảm sút gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra tiếng ồn gây ra các chứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch, các bệnh về hệ thống tiêu hoá. Rung động gây nên các bệnh về thần kinh, khớp xương.

Bảng 4.10. Mức độ ồn ảnh hưởng đến cơ thể

Stt	Cường độ ồn	Ảnh hưởng tới cơ thể
1	20-35 dBA	Dễ chịu (phục hồi sức nghe, sức khỏe)
2	40-50 dBA	Thích hợp (thoải mái để làm việc)
3	60-80 dBA	Chịu được (trong thời gian có hạn)
4	>80 dBA	Gây hại đến sức nghe, sức khỏe
5	130 dBA	Gây đau
6	140 dBA	Gây chấn thương (điếc, chảy máu)

***Nhận xét:** Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án không lớn và chủ yếu tác động trực tiếp đến cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà máy, tác động đến môi trường xung quanh là không đáng kể do cách xa khu dân cư. Trường hợp vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, tiếng ồn có thể ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống dọc theo tuyến đường.

4.2.1.6. Nhiệt dư

Nhiệt dư chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành máy móc hỗ trợ vận tải và máy làm sạch linh kiện bằng nước nóng kèm hơi nóng và hơi dầu cộng thêm yếu tố nền nhiệt bên ngoài môi trường, đặc biệt là vào mùa hè. Tuy nhiên, máy móc của dự án 100% vận hành bằng điện năng nên nền nhiệt phát sinh sẽ thấp hơn so với vận hành dây chuyền sử dụng nhiên liệu đốt có nguồn gốc từ dầu mỏ. Nền nhiệt dự kiến cao hơn nền nhiệt ngoài trời từ

2 – 3⁰C, cụ thể:

+ Vào mùa hè: nền nhiệt dao động khoảng 34 – 38⁰C (nhiệt độ trung bình mùa hè khoảng 32 – 35⁰C).

+ Vào mùa đông: nền nhiệt dao động khoảng 17 – 20⁰C (nền nhiệt độ ngoài trời trung bình vào mùa đông là 15 - 17⁰C).

=> Nhiệt dư quá lớn trong nhà xưởng sản xuất sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân làm việc thông qua các biểu hiện mất nước, ra mồ hôi nhiều, gây choáng váng, từ đó, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động sản xuất. Chính vì vậy, các giải pháp giảm thiểu tối đa lượng nhiệt dư phát sinh trong quá trình sản xuất kể trên sẽ được chủ dự án chú trọng.

4.2.1.7. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án

***Tích cực:**

+ Đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như sự phát triển chung của thành phố.

+ Đóng góp hàng năm vào ngân sách Nhà nước, ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kích thích đầu tư tiêu dùng và đảm bảo an ninh xã hội.

+ Dự án sẽ mở ra cơ hội việc làm trực tiếp và gián tiếp cho nhân dân địa phương tham gia, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân.

+ Dự án còn mang lại lợi ích lâu dài và là tiền đề cho sự phát triển của thành phố và khu vực thông qua việc tạo ra các chuỗi dịch vụ đi kèm, nâng cao ý thức và tác phong công nghiệp, tạo ra cảnh quan và môi trường tích cực cho các nguồn đầu tư mới.

***Tiêu cực:** Bên cạnh những lợi ích mà dự án mang lại, chúng ta không phủ nhận những tác động tiêu cực tiềm ẩn sau:

- Việc tập trung một lượng công nhân lớn trong một không gian rất dễ gây mất trật tự tại khu vực nếu không có biện pháp quản lý phù hợp.

+ Hoạt động vận tải gia tăng mật độ giao thông trên tuyến đường giao thông trục chính, giao thông nội bộ KCN, gia tăng tình trạng tắc nghẽn và tai nạn giao thông. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động này gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân 2 bên đường vận tải hay trong trường hợp, nguyên vật liệu và thành phẩm không được chằng chéo phù hợp sẽ rơi xuống đường ảnh hưởng đến người tham gia giao thông và rất dễ gây xích mích, khiếu kiện, mất trật tự an ninh khu vực.

+ Công tác an toàn lao động tại Nhà máy không tốt sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng công nhân, kéo theo nhiều hệ lụy cho xã hội.

4.2.1.8. An toàn lao động, sức khỏe công nhân lao động

- Đối với vấn đề an toàn lao động: Bất kỳ quá trình sản xuất nào cũng tiềm ẩn những nguy cơ về tai nạn lao động. Mặc dù các công đoạn sản xuất của nhà máy không có nhiều

nguy cơ rủi ro gây tác động đến con người, tài sản và môi trường, song cũng cần chú ý đến những yếu tố như vấn đề an toàn khi sử dụng điện, an toàn trong quá trình sản xuất, vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa,... Đây là những nguồn có khả năng gây tác động lớn đến giá trị về tài sản, tính mạng con người và môi trường.

- Đối với sức khỏe, bệnh nghề nghiệp: Đối với hoạt động sản xuất của dự án thì vấn đề về sức khỏe và bệnh nghề nghiệp cần quan tâm là ảnh hưởng đến hệ thống xương cột sống khi cán bộ, công nhân phải đứng hoặc ngồi nhiều; mùi và hơi nhựa cũng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, hệ thần kinh của cán bộ công nhân viên.

Tuy nhiên, những tác động này sẽ ở mức độ nhỏ và chưa có biểu hiện thành bệnh lý (chưa có tài liệu nào thể hiện). Chủ dự án sẽ áp dụng chế độ bồi dưỡng, BHYT, BHXH để đảm bảo sức khỏe của người lao động.

4.2.1.9. Sự cố, rủi ro

a. Sự cố cháy nổ

***Nguyên nhân dẫn đến sự cố này được xác định gồm:**

- Nguồn lửa: tàn thuốc lá, những va chạm làm phát sinh tia lửa điện... tiếp xúc với nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện và sản phẩm tại cơ sở.

- Chập điện: các đường dây truyền tải điện năng tại cơ sở qua thời gian sử dụng có thể bị hư hỏng tại các mối nối hay vỏ bọc gây hiện tượng ngắt mạch hoặc có thể bị quá tải điện dẫn đến phát sinh nhiệt gây ra cháy.

- Cháy nổ do thiên tai, sấm sét;

- Do sấm sét, nắng nóng.

- Cháy nổ do quá trình lưu kho và vận chuyển sản phẩm không đúng quy cách, không đảm bảo an toàn.

- Không tuân thủ quy trình sản xuất đề ra.

***Tác động:**

+ Gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động, thậm chí còn đe dọa tính mạng con người, từ đó, kéo theo nhiều hệ lụy khác đến với gia đình của nạn nhân.

+ Gây thiệt hại về tài sản, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Công ty và làm gián đoạn hoạt động sản xuất hiện trạng.

+ Ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên (đất, nước, không khí).

+ Ảnh hưởng tới tâm lý cán bộ công nhân viên trong Nhà xưởng.

Trong quá trình vận hành máy móc thiết bị sản xuất có thể gây ra sự cố chập điện, nổ cầu chì hoặc va chạm làm phát sinh tia lửa điện dẫn đến cháy nổ, đặc biệt trong khu vực có lưu chứa vải, sản phẩm bao bì dễ cháy. Các sự cố cháy nổ nếu xảy ra có thể gây thiệt hại tới tính mạng, tài sản, con người và có thể cháy lan sang các xưởng bên cạnh hoặc ảnh

hưởng trực tiếp đến cộng đồng xung quanh... Các sự cố cháy nổ sẽ gây hậu quả rất nghiêm trọng, ngoài thiệt hại về tài sản, con người còn gây ô nhiễm môi trường do đổ tràn hóa chất, nước thải, bụi bẩn... Tuy nhiên, nguy cơ xảy ra các sự cố này là rất nhỏ, do các thiết bị của dự án đều được lắp đặt các cầu dao tự ngắt (*sẽ tự ngắt cục bộ khi xảy ra sự cố*) để giảm thiểu sự cố lan tràn ra các khu vực lân cận.

b. Tai nạn lao động

- Sự cố tai nạn lao động được xác định chủ yếu từ các nguyên nhân sau:
 - + Không phát hiện các nguy hiểm và ô nhiễm tại nơi làm việc, thiếu kiểm tra và xử lý những trường hợp nguy hiểm và ô nhiễm đang tồn tại trong môi trường lao động.
 - + Không huấn luyện an toàn lao động cho công nhân, họ sẽ không nhận biết được các yếu tố nguy hiểm khi họ tiếp cận vận hành với máy móc, thiết bị, do đó nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp rất cao.
 - + Không khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, không phát hiện được tình trạng sức khỏe, từ đó có thể họ phải làm việc trong điều kiện quá sức (hay kiệt sức do có bệnh nghề nghiệp mà không phát hiện để chữa trị) sẽ gây mỏi mệt, thiếu quan sát, mất bình tĩnh, vận hành máy móc không chính xác, khả năng xảy ra tai nạn lao động cao
 - + Ý thức chấp hành quy định của người lao động kém, từ đó xuất hiện các hiện tượng làm bừa, làm ẩu, không tuân thủ quy trình, không trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân, không chấp hành mệnh lệnh, làm việc không có sự phân công, những lao động trẻ thường chủ quan, lơ là với các mối nguy hiểm, với những lời cảnh báo an toàn trong lao động, họ lại thiếu kinh nghiệm trong lao động sản xuất. Vì vậy tất yếu những mối nguy hiểm và tai nạn luôn ở bên cạnh họ.
 - + Thiếu kiểm tra, xử lý từ người làm công tác an toàn lao động nhằm phát hiện các điều kiện lao động xấu nơi làm việc, phát hiện việc làm bừa, làm ẩu của người lao động, đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động trong quá trình sản xuất sẽ gây ra các nguy cơ về mất an toàn lao động.

- Đối tượng chịu tác động: công nhân làm việc.

- Quy mô tác động: lớn

=> Hệ lụy mà sự cố để lại là rất lớn cho sức khỏe công nhân làm việc, nhẹ thì xước ngoài da, gãy chân tay, nặng thì tàn tật, mất sức khỏe lao động và thậm chí là trả giá bằng tính mạng.

c. Sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị

- Máy móc thiết kế, lắp đặt chưa tính đến yếu tố kỹ thuật an toàn lao động, đối với người trực tiếp sử dụng, vận hành.

- Máy không hoàn chỉnh trong công nghệ chế tạo, sai quy cách kỹ thuật, các cơ cấu điều khiển hay cơ cấu an toàn vận hành chưa đáp ứng được quy chuẩn an toàn lao động.

- Vị trí lắp đặt, khai thác sử dụng máy không phù hợp, chưa tính đến hoặc không đảm bảo những yếu tố vệ sinh môi trường lao động công nghiệp.

- Chế độ công nghệ, quy trình vận hành máy chưa được thiết kế và thực hiện phù hợp các quy chuẩn an toàn lao động, tùy theo đặc điểm an toàn ngành nghề...

- Quá trình vận hành thiết bị không tuân thủ theo đúng hướng dẫn vận hành, không trang bị hoặc sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động,...

d. Sự cố do thiên tai (bão, mưa lũ, nắng nóng, sấm sét)

- Các hiện tượng thiên tai đặc trưng hàng năm tại Hải Phòng gồm bão, mưa lớn, nắng nóng, sấm sét.

- Phạm vi tác động: rộng

- Đối tượng chịu tác động: tính mạng con người, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện trạng; hoạt động sản xuất của Nhà máy. Cụ thể:

+ Ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, thậm chí là tính mạng công nhân

+ Cuốn trôi tài sản, công trình trên mặt bằng Nhà máy gây tổn thất cho doanh nghiệp

+ Gián đoạn hoạt động sản xuất, gây thiệt hại về tài chính

+ Gây hư hỏng công trình tiêu thoát nước mưa, nước thải hiện trạng

d. Sự cố đối với công trình thu thoát nước thải, nước mưa chảy tràn

- Sự cố tại công trình tiêu thoát nước mưa chảy tràn: do đường ống thu gom, dẫn nước mưa bị nứt vỡ; bùn cặn tại hố ga lắng cặn nhiều, tiềm ẩn nguy cơ gây tắc nghẽn dòng chảy.

- Sự cố tại công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: do đường ống thu gom, dẫn nước thải bị nứt vỡ, gây rò rỉ dẫn đến việc nước thải không được thu gom, xử lý triệt để; bùn thải tại bể tự hoại 3 ngăn, hệ thống xử lý nước thải làm giảm hiệu suất xử lý, chất lượng nước đầu ra không đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Hệ thống đường ống thoát nước, cấp nước bị vỡ, tắc nghẽn làm tràn nước thải ra xung quanh, gây ngập lụt,...

e. Sự cố đối với máy móc thiết bị hỗ trợ

- ***Sự cố đối với xe nâng:***

Nguyên nhân dẫn đến sự cố đối với thiết bị này gồm: Lỗi hư hỏng ở cần điều khiển số; Lỗi hư hỏng húc (Mayo) và niền bánh sau; Lỗi khi sử dụng pin ở xe nâng điện; Lỗi tràn xước các ty thủy lực; Lỗi hư hỏng hộp số...

Xe nâng bị lỗi sẽ phát sinh nhiều bụi, khí thải gây ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc trong xưởng, phát tán rộng ra là gây ô nhiễm không khí xung quanh; đồng thời, các sự cố này cũng có thể dẫn đến việc rò rỉ dầu ra sàn xưởng, những chỗ mà xe nâng chạy qua, gây ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là vào ngày mưa.

- Sự cố đối với máy nén khí:

Nguyên nhân dẫn đến sự cố gồm: cầu chì cháy; pha sai hoặc thiếu pha; dây cáp nối lỏng chỗ tiếp xúc nhỏ; mô-tơ không hoạt động; dầu bôi trơn thiếu; máy làm mát bên sườn bị tắt; lọc dầu bị tắt; van điều khiển không hoạt động; cảm biến nhiệt độ bị hỏng;...

Máy nén khí đóng vai trò quan trọng trong việc vận hành dây chuyền lắp ráp tự động; khi máy bị hỏng do nguyên nhân chủ quan hay khách quan đều sẽ làm ngừng trệ quá trình lắp ráp của Nhà máy, ảnh hưởng đến tiến độ làm việc. Cầu chì của máy bị cháy tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cục bộ cho cơ sở, khí thải phát sinh từ đám cháy sẽ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc.

f. Sự cố do dịch bệnh

Hải Phòng là thành phố có khí hậu nhiệt đới gió mùa với bốn mùa trong 1 năm. Do khí hậu thường xuyên thay đổi cùng với độ ẩm lớn nên khả năng xảy ra dịch bệnh là khá lớn. Các dịch bệnh thường xuyên xuất hiện theo mùa như bệnh sởi, quai bị, đậu mùa, sốt vi rút, lao,... đặc biệt trong hai năm trở lại đây, dịch bệnh Covid bùng phát mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới. Dịch bệnh xuất hiện đã gây ra tác động nghiêm trọng, ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp trên địa bàn nói chung, cụ thể:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng trệ, ảnh hưởng tới việc tiếp cận khách hàng.
- Các chuyên gia nước ngoài không sang Việt Nam làm việc được, doanh nghiệp cũng không thể ra nước ngoài tiến hành các hoạt động giao thương theo kế hoạch.
- Chuỗi cung ứng bị gián đoạn, đơn hàng bị giảm, sản phẩm không xuất khẩu được dẫn tới giảm doanh thu cũng như vấp phải những rủi ro về thu hồi nợ, mất khả năng thanh toán.
- Ngoài ra còn tác động nghiêm trọng tới người lao động do không đi làm được, ảnh hưởng tới việc trang trải cuộc sống.

g. Sự cố rò rỉ điện năng

Hiện tượng rò rỉ dòng điện ở các thiết bị điện trong nhà máy sản xuất xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau, một trong số nguyên nhân đó là:

- Thiết bị điện đang sử dụng đã quá cũ: Tuổi thọ của thiết bị càng cao thì nguy cơ rò rỉ điện càng lớn.
- Thiết bị điện đặt sát tường, gần nơi ẩm ướt
- Trong quá trình lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện, các bộ phận, linh kiện của thiết bị bị tháo ra, lắp vào không đúng kỹ thuật, không đúng thứ tự,...hiện tượng rò rỉ sẽ xảy ra tại các khớp nối, các vị trí thay đổi này.
- Ngoài ra hiện tượng rò rỉ điện cũng có thể do các yếu tố bên ngoài tác động như côn trùng, chuột cắn làm hở dây điện,...

Như vậy, các rủi ro về rò rỉ điện năng xảy ra sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe

cũng như tính mạng của công nhân gây tổn thất lớn về tinh thần cho các gia đình có người gặp nạn và ảnh hưởng đến chính chủ đầu tư trong quá trình kinh doanh, hoạt động sản xuất.

h. Sự cố ngộ độc thực phẩm

- Biểu hiện ngộ độc: Sau khi ăn hay uống một thực phẩm bị nhiễm độc (sau vài phút, vài giờ, thậm chí có thể sau 1 ngày), người bệnh đột ngột có những triệu chứng buồn nôn và nôn ngay, có khi nôn cả ra máu, đau bụng, đi ngoài nhiều lần (phân nước, có thể lẫn máu), có thể không sốt hoặc sốt cao trên 38°C.

- Nguyên nhân:

+ Nhóm 1: Ngộ độc thực phẩm do ký sinh trùng: Do vi khuẩn và độc tố của vi khuẩn, virus, do ký sinh trùng, do nấm mốc và nấm men.

+ Nhóm 2: Ngộ độc thực phẩm do thức ăn bị biến chất, ôi thiu: Một số loại thực phẩm khi để lâu hoặc bị ôi thiu thường phát sinh ra các chất độc (dầu, mỡ dùng đi dùng lại nhiều lần,...). Các chất này thường không bị phá hủy hay giảm khả năng gây độc khi được đun sôi.

+ Nhóm 3: Ngộ độc do ăn phải thực phẩm có sẵn chất độc: Khi ăn phải các thực phẩm có sẵn chất độc rất có thể bị ngộ độc như cá nóc, cá cóc, nấm độc,...

+ Nhóm 4: Ngộ độc thực phẩm do nhiễm các hóa chất hóa học: Do ô nhiễm kim loại nặng (thực phẩm được nuôi trồng, chế biến tại các khu vực mà nguồn nước, đất bị ô nhiễm các loại kim loại nặng); do dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; do phụ gia thực phẩm; do các chất phóng xạ.

- Phạm vi tác động: rộng

- Đối tượng chịu tác động: công nhân trong nhà máy

=> Chỉ một sai sót nhỏ trong khâu lựa chọn nguyên liệu, chế biến cũng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của 230 người làm việc tại dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

4.2.2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải

a. Hoạt động vận tải vận chuyển nguyên, nhiên liệu và sản phẩm

- Bố trí các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và các phương tiện giao thông đi lại của cán bộ công nhân viên ra vào Công ty hợp lý. Đối với các loại xe cá nhân khi ra vào Công ty phải tắt máy, dắt xe, không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

- Khi vận chuyển nguyên liệu (*chủ yếu là container*) từ nơi cung cấp đến khu vực Nhà máy và sản phẩm để xuất bán thị trường, các phương tiện vận chuyển đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về an toàn trong lưu thông: đăng kiểm, bảo dưỡng và không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của xe.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên phun nước rửa đường (*dạng phun mưa*), tạo độ ẩm của bề mặt đường giao thông nội bộ xung quanh nhà máy để giảm bụi trong điều kiện thời tiết khô hanh.

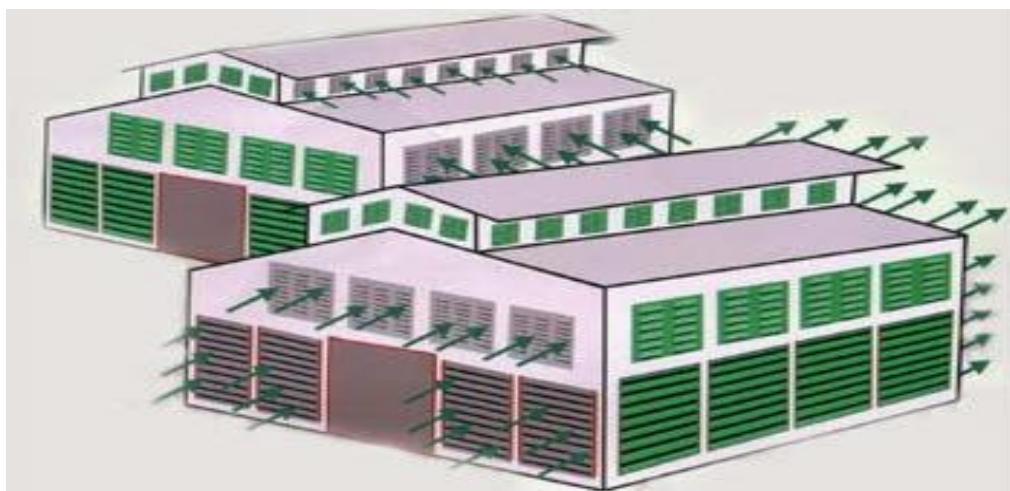
b. Hoạt động phương tiện cá nhân của cán bộ công nhân viên

- Công ty bố trí tổ bảo vệ điều tiết các phương tiện ra vào Nhà máy, cụ thể:
 - + Đối với xe máy của công nhân, khách hàng: yêu cầu tắt đèn đỏ, xuất trình giấy tờ, dắt xe vào khu vực để xe.
 - + Đối với xe ô tô, ô tô con của lãnh đạo, khách hàng giao dịch: yêu cầu xuất trình giấy tờ, đi chậm và đỗ tại vị trí đỗ quy định theo điều tiết của bảo vệ, tắt động cơ trong suốt thời gian chờ giao dịch.
- Ngoài ra, công tác vệ sinh công nghiệp Nhà máy luôn được thực hiện hàng ngày như quét dọn, phun ẩm, tưới bụi.

c. Từ hoạt động sản xuất

c1. Giải pháp thông gió nhà xưởng sản xuất

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ cho xưởng: Hệ thống điều hòa nhiệt độ mà Nhà máy lắp đặt sử dụng môi chất lạnh R32 – đây là loại dung môi lạnh an toàn, có mức độ tác động đến tầng ozon thấp và vẫn được phép sử dụng tại Việt Nam.
 - + Đảm bảo các chỉ tiêu về nhiệt độ, độ ẩm và độ sạch của không khí theo tiêu chuẩn tiện nghi và bảo vệ sức khỏe cho người dùng đồng thời phù hợp với các yêu cầu thiết kế.
 - + Toàn bộ hệ thống điều hòa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, định kỳ thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Nhà xưởng được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công nghiệp: Nhà xưởng khép kín, có tường bao, có mái che và được bố trí hệ thống cửa sổ, cửa chớp, cửa ra để điều hoà không khí bên trong và bên ngoài nhà xưởng. Mô hình hệ thống thông gió nhà xưởng:



Hình 4.1. Mô hình nhà xưởng sản xuất của Nhà máy

- Biện pháp giảm thiểu khác:

+ Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc để giảm thiểu đáng kể phát tán bụi vào môi trường.

+ Đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại.

+ Trang bị đầy đủ phương tiện, bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang chuyên dụng, quần áo bảo hộ, mũ vải, găng tay, giày...

c2. Giải pháp quy hoạch nhà xưởng sản xuất

- Phân chia khu vực sản xuất theo đặc trưng của từng công đoạn sản xuất;

- Bố trí khoảng trống thích hợp trong và ngoài xưởng để tận dụng gió tự nhiên điều hoà không khí, giảm ô nhiễm không khí cục bộ.

- Bổ sung thêm quạt công nghiệp tại khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ; nâng cao công tác quản lý, theo dõi, giám sát từng khu vực hoạt động sản xuất.

c3. Giải pháp nâng cao ý thức của công nhân làm việc:

+ Trang bị thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của công nhân.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường làm việc chung cho công nhân làm việc để cùng nhau góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và sức khỏe của chính mình.

+ Thường xuyên vệ sinh máy móc, thiết bị định kỳ kết hợp vệ sinh xưởng sản xuất để giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh gây ô nhiễm không khí cục bộ trong khu vực sản xuất.

+ Bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh nền xưởng sản xuất vào cuối mỗi ngày làm việc.

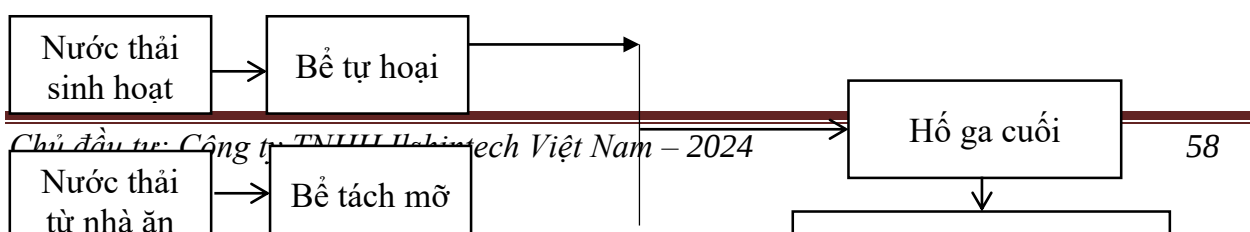
4.2.2.2. Công trình biện pháp xử lý nước thải

4.2.2.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt (bao gồm cả nước thải sinh hoạt của các đơn vị thuê và nước thải của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam) sẽ được đầu nối chung vào hệ thống hạ tầng thu gom, xử lý với nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam quản lý và chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước; Công ty cổ phần KCN Sài Gòn – Hải Phòng.

a. Mạng lưới thu gom:

Căn cứ theo đặc trưng hoạt động của dự án nên nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của 230 cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam và 78 người từ đơn vị thuê nhà xưởng để hoạt động sản xuất. Lượng nước thải phát sinh là 19,61 m³/ngày đêm. Quy trình cụ thể như sau:





Hình 4.2. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

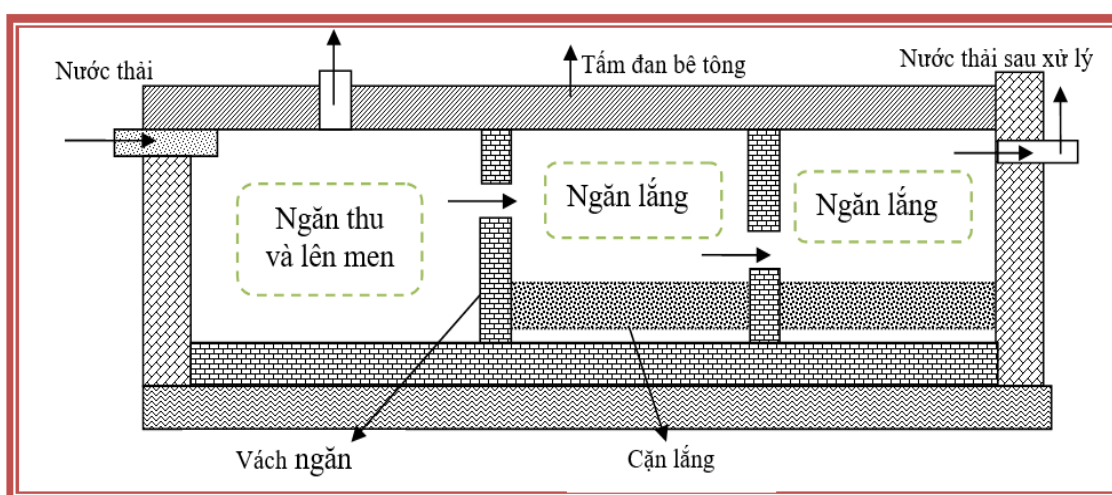
- Nước thải vệ sinh từ khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng được về bể tự hoại theo đường ống PVC D110 để xử lý sơ bộ rồi theo đường ống PVC D110 chảy về hố thu gom cuối, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của KCN và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

- Nước thải khu vực nhà bếp: Nước thải của khu vực nhà bếp được đưa về bể tách mỡ để loại bỏ dầu mỡ động thực vật và rác thải có kích thước lớn có trong nước thải sau đó thoát ra ga thu cuối bằng đường ống PVC D110 trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN, sau đó tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

b. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

b1. Bể tự hoại: Công ty đã xây dựng 04 bể tự hoại 3 ngăn có tổng dung tích 55 m³, để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà vệ sinh của dự án.

***Sơ đồ công nghệ:**



Hình 4.3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

***Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải xử lý trong bể tự hoại được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn lắng. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy

trong bể là 3 ngày) quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí tạo thành khí CH_4 , H_2S ... Cặn lắng được phân huỷ giảm mùi hôi, thu hẹp thể tích bể chứa đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Quá trình chuyển hóa chất hữu cơ nhờ vi sinh kỵ khí chủ yếu được diễn ra theo nguyên lý lên men qua các bước sau:

- + Vi sinh vật phân huỷ các chất hữu cơ phức tạp và lipit thành các chất hữu cơ đơn giản có trọng lượng riêng nhẹ.
- + Vi khuẩn tạo men axit, biến đổi các chất hữu cơ đơn giản thành axit hữu cơ.
- + Vi khuẩn tạo men metan chuyển hóa hydro và các axit được tạo thành ở giai đoạn trước thành khí metan và cacbonic.

***Công trình:**

- Số lượng: 04 bể gồm 01 bể 14 m³; 01 bể 18 m³; 01 bể 03 m³; 01 bể 20 m³
- Tổng dung tích 55 m³
- Được xây dựng ngầm dưới hạng mục công trình nhà xưởng, nhà văn phòng và dãy nhà vệ sinh công cộng.
- Kết cấu: BTCT, tường gạch, nền láng xi măng chống thấm, có nắp đậy.

b2. Bể tách mỡ:

- Nước thải từ nhà ăn sau khi qua lớp lưới lọc bể tách dầu mỡ, giữ lại các cặn bẩn và tạp chất lớn như xương động vật, rau thừa, rác thải lớn,... có trong nước thải. Chức năng này giúp bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải lẫn dầu mỡ sẽ chảy tràn vào ngăn thứ 2, đây là ngăn xử lý chính của bể, sau thời gian lưu 30 phút, dầu mỡ có tỷ trọng nhẹ hơn nước sẽ nổi lên trên mặt bể, lớp mỡ tích tụ dần tạo thành lớp váng trên mặt nước. Váng mỡ sẽ được vớt định kỳ 1 tuần/lần và xử lý cùng với chất thải sinh hoạt phát sinh tại Công ty. Phần nước trong được dẫn sang ngăn thứ 03, là ngăn cuối cùng của quá trình lọc mỡ trước khi ra khỏi bể tách mỡ, với đầu ra thấp hơn vách ngăn hướng dòng của ngăn thứ 2, đảm bảo nước có lượng mỡ thấp nhất sẽ ra khỏi bể. Nước thải sau đó thoát ra ga thu cuối bằng đường ống PVC D110 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN, sau đó tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý.

- Công trình thu gom, xử lý sơ bộ nước thải từ nhà bếp:
- + 01 bể tách dầu mỡ tại khu vực bếp nấu ăn của Công ty, dung tích 8 m³.

+ Kết cấu: bể có cấu tạo 3 ngăn, bằng BTCT, đáy dày 150mm, mác 200, trát vữa dày 1,5cm, bê tông lót đáy dày 100mm, mác 100. Thành bể xây gạch đặc 150mm, trát vữa dày 1cm, bề mặt trong của các ngăn được chống thấm 2 lớp.

***Sức chịu tải của công trình:** Căn cứ theo phần a mục 4.2.1.2, tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 13,86 m³/ngày đêm (10,35m³ là của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam; 3,51m³ là của đơn vị thuê). Lượng nước thải đi vào bể tự hoại tính toán bằng khoảng 80% còn lại là nước thải rau rửa tay chân,... Do đó, báo cáo tính toán dung tích của bể tự hoại cần và đủ để đảm bảo thu gom, xử lý 80% x 13,86 = 11,088m³ nước thải/ngày đêm. Tổng thể tích bể tự hoại được xác định bằng công thức sau:

$$W_{th} = W_n + W_b \quad (1)$$

- Thể tích phần nước: $W_n = T_1 \times Q_{ngđ}$

T_1 : thời gian lưu nước trong bể tự hoại, từ 1 - 3 ngày, chọn 3 ngày.

Q : lưu lượng nước thải trung bình, $Q = 11,088 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

$$\Rightarrow W_n = 11,088 \times 3 = 33,264 \text{ m}^3$$

$$\text{- Thể tích phần bùn: } W_b = \frac{a.N.T_2.C}{1000} \quad (2)$$

Trong đó:

+ N : Số công nhân làm việc, $N = 308$ người (230 người của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam và 78 người của đơn vị thuê nhà xưởng);

+ a : Tiêu chuẩn cần lắng của một người trong một ngày, $a = 0,4 - 0,5$ lít/ngày đêm. Chọn $a = 0,5$;

+ T_2 : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại (thời gian giữa hai lần hút cặn), $T_2 = 01 - 06$ tháng, chọn $T_2 = 90$ ngày.

+ C : Hệ số tính đến 20% cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn khi hút cặn giúp cho quá trình lên men cặn tươi tiếp theo được nhanh chóng và dễ dàng hơn, $C = 1,2$;

$$\Rightarrow \text{Thay số liệu vào công thức (2): } W_b = (0,5 \times 308 \times 90 \times 1,2)/1000 = 16,632 \text{ m}^3$$

$$\Rightarrow \text{Thay số liệu vào công thức (1) ta được tổng thể tích bể tự hoại: } W_{th} = W_n + W_b = 33,264 + 16,632 = 49,896 \text{ m}^3.$$

Như vậy, dung tích bể tự hoại 3 ngăn tối thiểu để xử lý nước thải sinh hoạt của 308 người (230 người của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam và 78 người của đơn vị thuê nhà xưởng) là 49,896 m³. Tuy nhiên tại khu vực dự án, Công ty đã có 04 bể tự hoại dung tích 55 m³ xây ngầm tại khu vực nhà vệ sinh $\Rightarrow$ đảm bảo cho việc thu gom và thoát nước thải của 308 công nhân.

***Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ trong thời gian vừa qua:**

Bảng 4.11. Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ

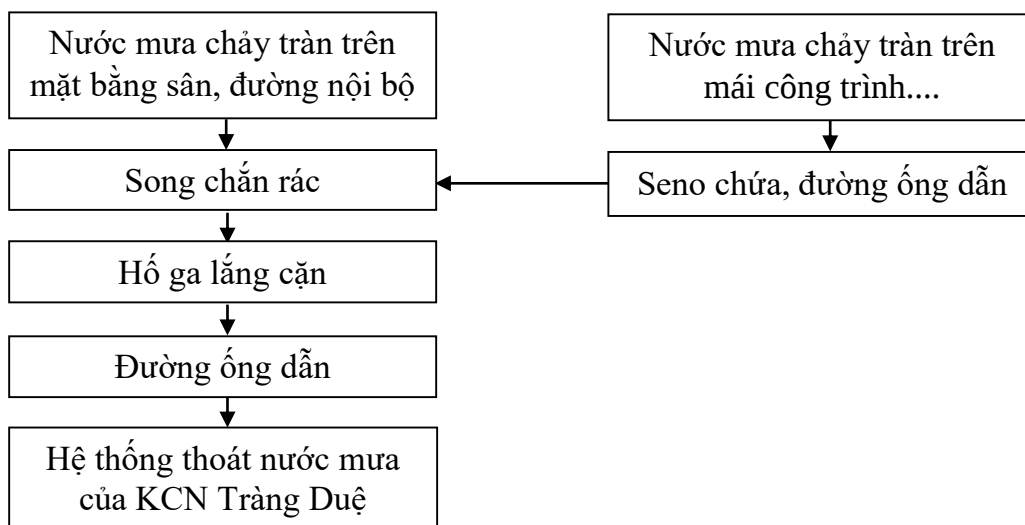
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 2023		TCCP KCN Trảng Duệ
			Đợt 1: 23/6/2023	Đợt 2: 01/12/2023	
1	pH	-	7,15	7,2	5-9
2	TDS	mg/l	352	294	-
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	38,08	34	200
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	72,3	43	250
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,97	4	30
6	Nitrat	mg/l	3,99	7,3	-
7	Phosphat	mg/l	4,430	0,84	
8	Sunfua	mg/l	0,49	0,25	2,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (MDL=0,02)	1,15	-
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	2,6	3,4	-
11	Coliform	MPN/ 100ml	4.900	2.200	-

- **Tiêu chuẩn so sánh:** TC⁽¹⁾: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung KCN Trảng Duệ.

- **Nhận xét chung:** Quá trình lấy mẫu tại thời điểm hoạt động của Công ty diễn ra bình thường. Căn cứ vào kết quả quan trắc và phân tích môi trường nước thải của Công ty trong năm 2023 cho thấy: Các chỉ tiêu phân tích môi trường tại điểm xả cuối của Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam đều nằm dưới ngưỡng các tiêu chuẩn cho phép so với Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ.

4.2.2.2.2. Công trình biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

***Sơ đồ thu gom:**



Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn của dự án

***Thuyết minh:**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế và xây dựng độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải bao gồm:

+ Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mái các hạng mục công trình: Toàn bộ lượng nước mưa này được thu gom vào senô chứa theo đường ống dẫn PVC lắp đứng đầu nối vào hệ thống tiêu thoát nước mặt bằng được bố trí xung quanh khuôn viên dự án.

+ Thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, đường nội bộ: Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sân, đường nội bộ được thu gom vào hố ga lắng cặn. Rác thải có kích thước lớn được giữ lại tại song chắn rác và được định kỳ thu gom, xử lý cùng với rác thải sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy. Sau đó, nước theo đường ống dẫn đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Trảng Duệ.

- Các biện pháp khác: Công ty bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh mặt bằng cơ sở hàng ngày; thực hiện nghiêm túc quá trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; bố trí nhân viên môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra đường ống thu nước, cống BTCT, ga thu thường xuyên để phát hiện hỏng hóc để có phương án khắc phục kịp thời; đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn định kỳ tại ga thu nước mưa đảm bảo công trình vận hành ổn định (thời điểm nạo vét là trước mùa mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày). Bùn cặn phát sinh sẽ được đơn vị này có trách nhiệm thu gom, xử lý theo đúng quy định.

***Thông số kỹ thuật:**

- Công trình thoát nước mưa trên mái: senô chứa, đường ống đứng DN125MM (ống PVC).

- Công trình thoát nước mưa mặt bằng:

+ Cống BTCT D300 – D600mm

+ Hồ ga lắng cặn được xây dựng bằng BTCT. Song chắn rác được thiết kế bằng thép không gỉ.

- Công ty đã xây dựng 01 điểm đầu nổi nước mưa.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước mưa của dự án là hệ thống thoát nước chung của KCN Trảng Duệ.

***Các biện pháp khác:** Chủ dự án bố trí lao công dọn dẹp vệ sinh mặt bằng Nhà máy hàng ngày; thực hiện nghiêm túc quá trình thu gom, lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại, bố trí nhân viên môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra đường thu nước, cống BTCT, ga thu thường xuyên để phát hiện hỏng hóc để có phương án khắc phục kịp thời; dự kiến định kỳ 6 tháng/lần, thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại ga thu nước mưa đảm bảo công trình vận hành ổn định (*thời điểm nạo vét là trước mùa mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày*).

4.2.2.3. Công trình biện pháp xử lý chất thải rắn thông thường

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Phân loại tại nguồn: các loại rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thực hiện phân loại đảm bảo theo nguyên tắc được quy định tại Điều 75 Luật BVTMT năm 2020, Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Cụ thể, rác thải sinh hoạt được phân thành 3 loại:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Chất thải thực phẩm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác.

- Phương tiện lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt: đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng. Chất thải rắn sinh hoạt của dự án được thu gom và lưu chứa trong thùng nhựa, có nắp đậy kín và được bố trí cố định trong khuôn viên của Nhà máy. Màu sắc của các thùng chứa tương ứng theo thành phần đã được phân loại ở trên. Cụ thể:

+ Màu xanh lá cây: sử dụng chứa rác thải là thực phẩm.

+ Màu trắng/trong suốt: sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

+ Màu vàng: sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác.

- Phương thức thu gom:

+ Trong quá trình hoạt động Công ty thực hiện thu gom, phân loại vào các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy và được bố trí tại nhà xưởng, nhà văn phòng và khuôn viên sân đường nội bộ xung quanh Nhà máy.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải để thu gom, vận chuyển chất thải xử lý tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài.

+ Ngoài ra, cũng thiết lập nội quy nhà xưởng, yêu cầu công nhân bỏ rác đúng nơi quy

định, không xả rác bừa bãi trong khuôn viên Nhà máy.

- Công ty đã ký hợp đồng Vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty cổ phần môi trường đô thị & công nghiệp 11-URENCO11 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và mua bán phế liệu

- Tần suất thu gom: Hằng ngày (*phương tiện vận chuyển là của đơn vị có chức năng*).

b. Chất thải rắn công nghiệp

***Biện pháp thu gom:**

- Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được thu gom, phân loại tại nguồn, tập kết vào kho chứa và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp có khả năng tái chế (*bao bì, thùng carton thải; sản phẩm lỗi, ...*) Công ty sẽ bán lại cho các đơn vị có chức năng tái chế.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp không có khả năng tái chế Công ty sẽ thu gom, tập kết vào kho chứa chất thải công nghiệp (*diện tích 8,54 m²*) và chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ.

+ Đối với bùn cặn nạo vét định kỳ tại công trình xử lý nước thải, nước mưa: Công ty thuê đơn vị có chức năng đến nạo vét đồng thời, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Do đó, loại chất thải này không tồn chứa trong kho. Thời điểm nạo vét dự kiến trước thời điểm mưa bão hoặc sau thời điểm mưa lớn kéo dài nhiều ngày.

- Công ty đã ký hợp đồng Vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty cổ phần môi trường đô thị & công nghiệp 11-URENCO11 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và mua bán phế liệu.

- Ngoài ra, Công ty sẽ thiết lập nội quy sản xuất tại xưởng, yêu cầu công nhân thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải ngay tại nguồn, hạn chế việc vất rác thải bừa bãi các chất thải ra ngoài Nhà máy. Mỗi bộ phận sản xuất đều có cán bộ giám sát theo dõi.

***Công trình xử lý chất thải rắn thông thường:** Công ty không tiến hành xử lý chất thải rắn thông thường tại dự án mà tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

***Công trình lưu giữ:** 01 nhà rác thải công nghiệp, diện tích 8,54 m². Kho chứa được xây dựng khép kín, có mái che và được trang bị đầy đủ biển báo và các thiết bị PCCC.

***Tần suất thu gom, chuyển giao:** Tùy vào lượng phát thải thực tế theo từng giai đoạn hoạt động sản xuất của Công ty. Chủ dự án cam kết sẽ phối hợp với đơn vị chuyển giao tăng tần suất vận chuyển, đảm bảo không lưu chứa quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm.

4.2.2.5. Công trình biện pháp xử lý CTNH

***Biện pháp thu gom:**

- Cam kết thực hiện các biện pháp quản lý, chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Công ty đã ký hợp đồng Vận chuyển và xử lý chất thải với Công ty cổ phần môi trường đô thị & công nghiệp 11-URENCO11 về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và mua bán phế liệu.

- Thực hiện thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào thùng phuy chứa, dung tích 100 lít/thùng, có nắp đậy, ghi đầy đủ tên, mã số CTNH; tập kết vào kho chứa và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- Lập, sử dụng, lưu trữ, quản lý chứng từ chất thải nguy hại và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

***Công trình xử lý chất thải nguy hại:** Công ty không tiến hành xử lý chất thải nguy hại tại dự án mà ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ tiến hành đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

***Công trình lưu giữ:** 01 kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 2,7 m², thiết kế theo đúng quy định tại Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường như: khép kín, có biển báo, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn CTNH lỏng (*trường hợp tràn đổ*) và được trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC (*bình bột chữa cháy, xẻng, thùng cát*).

***Tần suất thu gom, chuyển giao:** khoảng 03 tháng/lần hoặc tùy vào lượng phát thải thực tế theo từng giai đoạn hoạt động sản xuất của Công ty. Chủ dự án cam kết sẽ phối hợp với đơn vị chuyển giao tăng tần suất vận chuyển, đảm bảo không lưu chứa quá nhiều chất thải trong kho gây mất mỹ quan và ô nhiễm.

4.2.2.6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

***Đối với hoạt động giao thông vận tải:**

- Đối với phương tiện của cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy: bố trí các đỗ xe hợp lý.

- Đối với phương tiện vận chuyển hàng hoá, yêu cầu lái xe tắt máy khi thực hiện việc luân chuyển hàng hoá, yêu cầu đi chậm và không bấm còi inh ỏi gây ồn cho khu vực xung quanh.

- Hạn chế vận chuyển nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện, hàng hoá vào ban đêm.

- Bố trí bảo vệ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện, sản phẩm hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại các tuyến đường đi vào khu dự án.

***Đối với hoạt động sản xuất tại nhà xưởng:**

- Cam kết thực hiện bảo dưỡng động cơ máy móc, tần suất dự kiến 03 tháng/lần

- Máy móc sản xuất được cố định trên sàn xưởng nhờ thiết bị bulong, đinh vít, theo đó, cũng giảm thiểu tiếng ồn, rung trong quá trình vận hành

- Lên kế hoạch sản xuất cụ thể, bố trí máy móc vận hành hợp lý, tránh chồng chéo gây ô nhiễm tiếng ồn, rung cục bộ; tắt những máy móc hoạt động không hiệu quả.

- Nhà máy thiết lập nội quy nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và yêu cầu công nhân nghiêm túc thực hiện.

4.2.2.7. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

- Nhà xưởng sản xuất được thiết kế cao ráo, thông thoáng, mái nhà xưởng bố trí nóc gió, bố trí cửa sổ, cửa ra vào để lợi dụng gió tươi từ ngoài vào và lắp đặt quạt công nghiệp nhằm điều hòa không khí bên trong nhà xưởng.

- Dây chuyền sản xuất tại Nhà máy vận hành chủ yếu bằng điện và quy trình sản xuất.

- Dây chuyền sản xuất tại Nhà máy vận hành chủ yếu bằng điện và quy trình sản xuất đơn giản nên việc phát sinh nhiệt dư là không nhiều.

- Mặt bằng nhà xưởng được bố trí các khu vực sản xuất phù hợp theo từng công đoạn

- Bố trí thời gian làm việc, nghỉ lao giữa giờ đồng thời cung cấp đầy đủ nước uống cho công nhân. Vào mùa nắng nóng thì thời gian nghỉ ngơi sẽ dài hơn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như quần áo, găng tay, khẩu trang,...

4.2.2.8. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Bố trí bảo vệ điều tiết các phương tiện ra vào, đồng thời, quản lý công nhân.

- May đồng phục cho cán bộ công nhân viên để thuận tiện cho việc quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để quản lý công nhân nhà máy.

4.2.2.9. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực

- Tuyển dụng lái xe có kinh nghiệm, tuân thủ luật giao thông, chú ý quan sát tại những điểm giao cắt trên tuyến đường vận chuyển; tuyệt đối không được chở quá tải trọng cho phép.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp: Bố trí thời gian vận chuyển tránh vào các khung giờ đi làm (7h -8h) và tan ca của công nhân trong khu vực (17h – 18h).

- Phối hợp với chặt chẽ với chính quyền địa phương, công an giao thông trong việc điều tiết giao thông, xử lý kịp thời các sự cố xảy ra do hoạt động này.

- Yêu cầu lái xe kiểm tra chốt đóng thùng xe, kiểm tra lô hàng đã được chằng, định vị cẩn thận hay chưa trước khi di chuyển.

4.2.2.10. Sự cố, rủi ro

a. Sự cố cháy nổ

- Toàn bộ nhà xưởng đã được lắp đặt đầy đủ hệ thống PCCC gồm bình bột chữa cháy, hộp kỹ thuật, thiết bị báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Spinkler, keng báo cháy, nội quy, tiêu lệnh PCCC,...và đã được Cảnh sát PCCC TP. Hải Phòng cấp

nghiệm thu, Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ngày 24/8/2019; Biên bản Kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy ngày 09/11/2023.

- Định kỳ, Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam cũng đã phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về PCCC, thực hiện theo QCVN 06:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Cấm hút thuốc tại khu vực nhà xưởng sản xuất, không mang bật lửa, diêm quẹt và các dụng cụ phát ra lửa.

- Các loại máy móc, thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn gàng và có khoảng cách an toàn cho công nhân phòng trường hợp có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ dự án thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy.

- Định kỳ, phối hợp với đơn vị có chức năng đánh giá tình trạng sử dụng của thiết bị PCCC hiện trạng để cơ sở có phương án thay thế kịp thời.

- Niêm yết tên, đơn vị PCCC của UBND huyện, UBND xã, Cảnh sát PCCC, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng để liên lạc trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ: Công nhân sẽ sử dụng bình bột chữa cháy cầm tay và chăn ướt để dập tắt đám cháy. Liên hệ sự hỗ trợ của các Công ty hoạt động xung quanh khu vực để phối hợp chữa cháy. Trường hợp quy mô cháy lớn sẽ liên hệ với Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ thành phố Hải Phòng.

b. Sự cố tai nạn lao động

- Thiết lập nội quy Nhà máy và yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm túc để bảo vệ chính bản thân mình.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ...

- Niêm yết quy trình vận hành của dây chuyền sản xuất để công nhân được biết, hạn chế tình trạng vận hành sai gây sự cố đáng tiếc.

- Nhà xưởng thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn công nghiệp về mức độ thông gió, điều kiện chiếu sáng... tạo môi trường làm việc tốt cho công nhân.

- Thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ môi

trường đồng thời vận hành thường xuyên công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở.

- Yêu cầu tổ trưởng sản xuất nhắc nhở công nhân chú ý an toàn khi thực hiện các công đoạn sản xuất.

c. Sự cố hỏng hóc máy móc thiết bị

- Thực hiện bảo dưỡng động cơ dây chuyền sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần nhằm đảm bảo thiết bị vận hành ổn định trong suốt thời gian hoạt động.

- Dừng hoạt động khi các thiết bị sản xuất gặp sự cố hoặc có dấu hiệu sự cố, báo với bộ phận kỹ thuật chuyên trách sửa chữa, khắc phục

d. Sự cố đối với xe nâng

- Sử dụng xe nâng có nguồn gốc, thực hiện kiểm tra động cơ hàng ngày trước khi vận hành, thực hiện bảo dưỡng động cơ định kỳ, tần suất dự kiến 3 tháng/lần.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ (quần áo bảo hộ, mũ, găng tay, nút bịt tai,...) và yêu cầu công nhân vận hành xe nâng mặc đầy đủ.

- Yêu cầu công nhân vận hành xe nâng thực hiện đúng theo kế hoạch sản xuất, tắt dừng động cơ khi chờ xếp, dỡ hàng hóa trong xưởng.

=> Xe nâng và các máy móc thiết bị khác thực hiện kiểm định và bảo dưỡng theo QCVN 25:2015/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với xe nâng hàng sử dụng động cơ, có tải trọng nâng từ 1.000 kg trở lên do Bộ LĐTBXH ban hành.

e. Sự cố mất điện, rò rỉ điện năng

- Nối đất tất cả các thiết bị điện trong Nhà máy để tránh bị giật khi thiết bị rò rỉ điện ra ngoài.

- Định kỳ vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị theo khuyến cáo của đơn vị cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra máy biến áp, đường dây, kịp thời phát hiện nguy cơ đe dọa an toàn lưới để sớm khắc phục; bố trí nhân viên kỹ thuật hoặc bộ phận chuyên quản lý về điện để tiện việc theo dõi, sửa chữa.

- Thực hiện theo QCVN 01:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

f. Sự cố do thiên tai

*Phòng chống sự cố bão lũ, mưa lớn: Khu vực dự án nằm trong khu vực có hạ tầng cơ sở thoát nước khá tốt nên khi xảy ra thiên tai như bão, mưa lớn,... thì khả năng lụt lội là khá thấp. Tuy nhiên vào mùa mưa bão Công ty vẫn phải có những biện pháp để phòng chống nhằm ứng phó khi có sự cố do mưa bão gây ra, cụ thể như sau:

- Bố trí lực lượng công nhân viên thường trực phòng chống bão lũ để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra tại khu vực xưởng sản xuất và toàn bộ các hoạt động khác của Công ty.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa để giảm thiểu hiện tượng

tắc nghẽn.

****Phòng chống sự cố sét đánh:***

- Lắp đặt đầy đủ thiết bị hệ thống chống sét cho các nhà xưởng - đầu thu sét loại phát xạ sớm (ESE) với bán kính bảo vệ $R = 107m$, lắp trên cột cao 5m. Bán kính bảo vệ của kim thu sét đảm bảo bao phủ toàn bộ khu vực nhà xưởng.

- Điện trở nối đất được thiết kế đạt trị số cho phép ($R \leq 10 \Omega m$).

g. Sự cố đối với công trình thu thoát nước mưa, nước thải

Bố trí bộ phận kỹ thuật kiểm tra thiết bị, công trình xử lý đảm bảo chúng luôn vận hành ổn định, không nứt vỡ hay ùn ứ tại bất kỳ đoạn nào; thực hiện nghiêm túc biện pháp thu gom, lưu chứa, chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn, bùn thải tại công trình thoát nước mưa, thoát nước thải.

i. Sự cố bình áp lực của máy nén khí

- Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định an toàn thiết bị theo quy định của pháp luật; cấm sử dụng thiết bị đã quá thời hạn kiểm định.

- Lập sổ theo dõi quản lý thiết bị, trong đó bắt buộc có các nội dung quản lý như: lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra, kiểm định.

- Thực hiện các quy định an toàn lao động khi sử dụng máy nén khí như không kiểm tra máy nén khí trực tiếp bằng ngọn lửa, trang bị găng tay, quần áo, mũ bảo hộ khi vào khu vực đặt máy nén khí...;

- Máy nén khí phải có đầy đủ các bộ phận an toàn như van an toàn, áp kế mới được đưa vào sử dụng.

- Khu vực đặt máy nén khí hợp lý, riêng biệt, cách xa nơi có ngọn lửa, nơi phát sinh tia lửa; không để các loại nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện dễ cháy nổ trong khu vực đặt máy.

k. Phòng ngừa sự cố dịch bệnh

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động;

- Tuân thủ đúng hướng dẫn của Bộ lao động – Thương Binh và Xã hội về thời gian làm việc, các chế độ bồi dưỡng để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho người lao động từ đó hạn chế được việc nhiễm các dịch bệnh.

- Khuyến khích các lao động bị mắc các bệnh truyền nhiễm điều trị ở nhà hoặc các cơ sở y tế đảm bảo khỏi bệnh mới đi làm trở lại để tránh lây nhiễm cho các lao động khác của Nhà máy.

- Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ y tế về việc phòng chống dịch bệnh.

l. Sự cố ngộ độc thực phẩm

- Tại Nhà máy, có bố trí phòng y tế để cấp cứu, cơ cứu các trường hợp ngộ độc hay tai nạn lao động xảy ra. Phối hợp chặt chẽ với trạm y tế/phòng khám chữa bệnh gần nhất

tại địa phương để sẵn sàng cấp cứu các trường hợp ngộ độc khi xảy ra.

- Bố trí tủ lưu mẫu thức ăn hàng ngày; bố trí khu vực rửa tay trước cửa phòng ăn.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.12. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Stt	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	
1	Nước thải	Hệ thống thu gom riêng biệt nước mưa, nước thải
		04 Bể tự hoại, tổng dung tích 55 m ³
2	Chất thải rắn	Thiết bị thu gom, lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại
		Kho chứa chất thải công nghiệp và kho chứa chất thải nguy hại
3	Các hạng mục công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố và các công trình khác	Biện pháp an toàn giao thông
		Biện pháp khắc phục sự cố từ công trình bảo vệ môi trường
		Biện pháp giáo dục tuyên truyền nâng cao nhận thức BVMT
		Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

4.3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị xử lý chất thải, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

Dự án “Ilshintech Việt Nam” do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam làm chủ đầu tư tại Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 (đối với nước thải) và Khoản 2 Điều 98 (đối với khí thải) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

4.3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.13. Dự toán kinh phí vận hành các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn hoạt động ổn định

Stt	Nội dung	Đơn giá (đồng/năm)	Kinh phí (đồng/năm)
1	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	20.000.000	20.000.000
2	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	2.000.000/tháng	24.000.000
3	Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp	50.000.000	50.000.000

4	Hút bùn bể phốt, nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải	40.000.000	40.000.000
Tổng			134.000.000

4.3.5. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

- Nhân viên môi trường quản lý vấn đề môi trường tại dự án giai đoạn vận hành ổn định.
- Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và ban quản lý Khu công nghiệp trong việc thực hiện các giải pháp đảm bảo vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự chung của khu vực.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu đã nêu trong hồ sơ môi trường.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.4.1. Mức độ chi tiết của các đánh giá

Báo cáo đã thực hiện phân tích đánh giá tác động môi trường do bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Việc đánh giá tác động tới môi trường của dự án tuân thủ theo trình tự:

- + Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.
- + Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- + Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

=> Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Trên cơ sở các đánh giá, chủ dự án đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường một cách khả thi.

4.4.2. Độ tin cậy của các đánh giá

Các số liệu tính toán, phân tích dựa trên phương pháp tính toán của tổ chức WHO và Ban môi trường, an toàn hạt nhân và bảo vệ cộng đồng thuộc Ủy ban Châu Âu về phát thải. Các đánh giá được dựa trên cơ sở tính toán, mô hình, số liệu tài liệu khoa học. Đồng thời căn cứ vào đặc điểm vị trí mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng dự án, hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và các đơn vị hoạt động xung quanh khu vực dự án để đánh giá ảnh hưởng của các tác động.

Dự báo nguồn thải dựa trên các phương tiện, máy móc, vật liệu sử dụng; công nghệ áp dụng; nhân lực thực hiện theo những định mức do Nhà nước Việt Nam, các tổ chức quốc tế ban hành.

Việc dự báo các tác động và quy mô tác động được xác định dựa trên tính nhạy cảm của đối tượng tiếp nhận và quy mô của nguồn thải. Đánh giá mức độ ô nhiễm được thực hiện theo phương pháp so sánh giữa kết quả dự báo với các Quy chuẩn về môi trường cũng như các Tiêu chuẩn quốc tế quy định áp dụng cho các nước đang phát triển. Phương pháp

luận là hợp lý. Tuy nhiên, do còn nhiều thay đổi nhỏ trong việc thực hiện thi công của nhà thầu và những biến động về thời tiết... Thêm vào đó, một số phương pháp định lượng và bán định lượng áp dụng trong báo cáo là những phương pháp tính nhanh, cùng với việc đầu vào có mức độ định lượng tương đối, nên kết quả định lượng có độ chính xác chưa cao. Do vậy, kết quả giám sát từ bước chuẩn bị xây dựng và suốt quá trình xây dựng sẽ bổ sung các tác động chưa dự báo được và điều chỉnh các tác động đã được dự báo.

CHƯƠNG V. PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án “Ilshintech Việt Nam” do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam làm chủ đầu tư không thuộc dự án khai thác khoáng sản, dự án chôn lấp chất thải nên trong mục này dự án không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

CHƯƠNG VI. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

6.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

6.1.1. Nội dung cấp phép

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ, không xả ra môi trường).

6.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

6.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

- Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại đặt ngầm dưới các công trình (số lượng: 04 bể tự hoại, tổng dung tích 55 m³).

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn được thu gom, xử lý qua bể tách mỡ 8 m³.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và bể tách mỡ được theo đường ống dẫn thoát về ga thu cuối trước khi đấu nối về hệ thống thoát nước thải chung về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: {Nước thải sinh hoạt → 04 bể tự hoại (tổng dung tích: 55 m³)} + {nước thải từ nhà ăn → 01 bể tách mỡ 8 m³/bể} → Hố ga nước thải cuối → Hệ thống thoát nước thải chung của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Duệ.

+ Công suất thiết kế:

✓ 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 55m³ (trong đó: 01 bể 14 m³; 01 bể 18 m³; 01 bể 03 m³; 01 bể 20 m³).

✓ 01 bể tách mỡ 3 ngăn dung tích 8m³.

6.1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

6.1.2.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

+ Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

+ Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc

nghe; duy trì hiệu suất xử lý của hệ vi sinh vật; bổ sung hoá chất vào bể khử trùng.

+ Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì dừng hoạt động của toàn bộ cơ sở để tiến hành khắc phục.

6.1.2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở

- Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Công ty có trách nhiệm cải tạo, nâng công suất của các hệ thống xử lý nước thải và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

6.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

6.2.1. Nội dung cấp phép

Không

6.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện, thiết bị chuyển tải đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân làm việc như: khẩu trang, quần áo.. và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động.

- Lắp đặt hệ thống quạt thông gió để đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

- Xe chở hàng hóa, sản phẩm ra vào công ty đúng trọng tải quy định.

6.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

6.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực nhà để xe.

- Nguồn số 02: Khu vực sản xuất tại tầng 1 xưởng 1

- Nguồn số 03: Khu vực sản xuất tầng 2 xưởng 1.

- Nguồn số 04: Khu vực sản xuất xưởng 2

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: $X(m) = 2307732$; $Y(m) = 584200$

- Nguồn số 2: $X(m) = 2307780$; $Y(m) = 584243$

- Nguồn số 3: $X(m) = 2307779$; $Y(m) = 584241$

- Nguồn số 4: $X(m) = 2307795$; $Y(m) = 584242$

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

c. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Bảng 6.1. Tiếng ồn và giới hạn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn			

- Độ rung:

Bảng 6.2. Độ rung và giới hạn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
2	70	60	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung			

6.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn,

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

6.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

6.4.1. Quản lý chất thải

a. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 6.3. Các loại chất thải nguy hại đăng ký kiểm soát

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	30	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải bao gồm cả quá trình bảo dưỡng thiết bị trong quá trình hoạt động	Lỏng	350	17 02 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bông lọc), giẻ lau, găng tay bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	450	18 02 01
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	85	18 01 03
7	Phần bavia từ quá trình dập, cắt vật tư quá trình sản xuất lẫn các thành phần nguy hại: màng phim	Rắn	2.200	19 02 09
8	Sơn thải, cặn sơn và các loại dung môi hữu cơ (mức UV)	Rắn	25	08 01 01
Tổng			3.270	

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại, bavia, thùng bìa carton, túi nilon,...): 19,6 tấn/năm.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 98,9 kg/ngày đêm ~ 2.571,4 kg/tháng

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

***Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và chứa vào các thùng riêng biệt có nắp đậy, có dán nhãn, ghi rõ tên và mã chất thải nguy hại, đảm bảo đáp ứng

quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa chất thải: 01 kho lưu chứa chất thải (đối với nước lã bùn tại hệ thống làm sạch trước khi son, định kỳ xả đáy sẽ được đơn vị thu gom thực hiện xả trực tiếp và tank chứa, và vận chuyển luôn trong ngày; không lưu chứa trong kho).

+ Diện tích: 2,7m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Xây bằng gạch, mặt sàn kín thít đảm bảo không bị thấm thấu, mái lợp tôn mạ kẽm che mưa, nắng, hồ thu gom chất thải lỏng, biển báo, gờ chống tràn CTNH lỏng, trang bị bình bột chữa cháy, xẻng, thùng cát.

+ Hiện tại, Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam đang ký Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị & công nghiệp 11-URENCO11 về việc vận chuyển chất thải. Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam có trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, lưu giữ các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

***Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa

- Thiết bị lưu chứa: 01 kho lưu chứa chất thải

+ Diện tích: 8,54 m²

+ Thiết kế, cấu tạo: Xây bằng gạch, mặt sàn kín thít đảm bảo không bị thấm thấu, mái lợp tôn mạ kẽm che mưa, nắng và được trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC.

***Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy có dung tích 50 lít/thùng, 100 lít/thùng tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, khuôn viên nhà máy, xưởng sản xuất.

- Thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt theo Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiện nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

6.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện trách nhiệm và phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

***Phương án cụ thể:**

a. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ: lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, bình bột chữa cháy, hộp đựng vòi chữa cháy, thiết bị báo cháy tự động, nội quy, tiêu lệnh PCCC, bố trí lối thoát hiểm (cửa thoát hiểm, đường thoát hiểm trong xưởng và ngoài xưởng...).

b. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống thoát nước mưa, nước thải:

- Đường ống cấp nước sạch, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Duy trì, cải tạo hệ thống đường ống dẫn nước thải sinh hoạt.
- Duy trì bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, và sử dụng các chế phẩm vi sinh cho các bể tự hoại, hóa chất khử trùng, hóa chất xử lý nước thải.
- Kiểm tra hệ thống đường ống, các bể xử lý nước thải, tránh rò rỉ nước gây ô nhiễm nguồn nước.
- Quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy định.
- Sự cố đường ống xử lý nước thải bị vỡ. Dừng ngay các hoạt động xả nước thải và có biện pháp khắc phục kịp thời, sau khi đã thay thế đoạn ống bị vỡ mới tiếp tục xả nước thải.

c. Phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố máy nén khí

Để hạn chế rủi ro cũng như sự cố do bình áp lực của máy nén khí gây ra, Công ty đã ban hành các nội quy quy định đến bộ phận công nhân chịu trách nhiệm vận hành, bảo dưỡng máy nén khí như sau:

- Không được phép sửa chữa bình và các chi tiết chịu áp lực của bình trong khi thiết bị đang làm việc.
- Không được chèn hãm, trao thêm vật nặng dùng mọi biện pháp để tăng thêm tải trọng của van an toàn trong khi bình đang hoạt động.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định an toàn thiết bị theo quy định của pháp luật; cấm sử dụng thiết bị đã quá thời hạn kiểm định.
- Niêm yết quy định vận hành, xử lý sự cố và lập sổ theo dõi lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra, kiểm định.
- Không được phép sử dụng bình và phải lập tức ngưng quá trình hoạt động vận hành của bình trong các trường hợp sau:
 - + Khi bình chịu lực áp suất vượt mức cho phép kể cả trường hợp các thông số kỹ thuật khác đều đảm bảo an toàn theo quy định.
 - + Khi phát hiện thấy trong các bộ phận của bình có vết nứt, xì vỏ, phồng rộp, thành bình bị rỉ sét hoặc chảy nước ở các mối hàn, rò rỉ các mối nối bằng bulong hoặc đinh tán, các miếng đệm bị xơ,...
 - + Khi cháy nổ xảy ra trực tiếp đe dọa bình đang có áp suất.
 - + Khi các nắp, các cửa không tốt, các chi tiết bắt chặt nắp bình bị hư hỏng hoặc không đủ số lượng.
 - + Khi các dụng cụ kiểm tra đo lường, các cơ cấu an toàn hư hỏng hoặc thiếu so với quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, kiểm định độ an toàn của bình áp lực trong máy nén khí.
- Bố trí khu vực đặt máy nén khí hợp lý, riêng biệt, cách xa nơi có ngọn lửa, nơi phát sinh tia lửa ít nhất 10m; không để các loại nguyên liệu dễ cháy nổ trong khu vực đặt máy.

CHƯƠNG VII. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

7.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

7.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 7.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án

Stt	Công trình xử lý chất thải	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Công trình thu thoát nước thải	Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	+ 04 bể tự hoại, tổng dung tích 55 m ³ + 01 bể tách mỡ, dung tích 8 m ³
2	Công trình thu thoát nước mưa chảy tràn		Đường ống dẫn PVC, seno chứa, rãnh thu BTCT và hố ga
3	Kho chứa chất thải công nghiệp		Diện tích 8,54 m ²
4	Kho chứa chất thải nguy hại		Diện tích 2,7 m ²

- Quy mô, công suất tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Bảng 7.2. Công suất tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm

Stt	Sản phẩm	Công suất	
		Sản phẩm/ năm	Tấn/năm
1	Vật tư phụ cho điện thoại di động	950.000	2,53
2	Vật tư phụ cho xe có động cơ	120.000.000	563,2
3	Doanh thu dự kiến từ hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư.	200.00 Đô la Mỹ	

7.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường diễn ra trong 3 ngày liên tiếp trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Vị trí, số lượng mẫu và thông số giám sát được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 7.3. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Giá trị giới hạn cho phép
I	Nước thải			
1.1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN Toạ độ: X(m) = 2307426;	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật,	3 lần trong 3 ngày liên tiếp	TC KCN Trảng Duệ

Y(m) = 583943	tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng Coliforms.		
---------------	---	--	--

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Đơn vị có đủ điều kiện về quan trắc, lấy mẫu và phân tích theo quy định của BTNMT.

- Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích:

Bảng 7.4. Thiết bị đo đạc, lấy mẫu và phân tích

Stt	Thông số	Thiết bị	Phương pháp	Tiêu chuẩn áp dụng
1	pH	Máy đo nhanh pH Sension 3	Đo nhanh	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅	Tủ ổn nhiệt BOD, máy đo BOD ₅	Phương pháp pha loãng và cấy bổ sung	TCVN 6001-1:2008
3	TSS	Cân, tủ sấy, giấy lọc	Phương pháp trọng lượng, lọc qua sợi lọc thủy tinh	TCVN 6625:2000
4	TDS	Bút đo TDS/Nhiệt độ	Đo nhanh	SOP.QT.N.07
5	Sunfua	Máy quang phổ	Phương pháp đo quang dùng metylen xanh	TCVN 6637:2000
6	Amoni	bếp điện, buret	Phương pháp chưng cất và chuẩn độ	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat	Bút đo ion NO ₃ ⁻ , hãng Horiba	Đo nhanh	SMEWW 4500. NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Dầu mỡ ĐTV	Máy phân tích dầu trong nước Ocma-310 Horida	Trọng lượng hoặc đo hồng ngoại	SMEWW 5520.B&F:2012
9	Chất HDBM	Máy đo Hanna HI97769	Phương pháp đo phổ dùng metylen xanh	TCVN 6622-1:2009
10	Phosphat	Máy quang phổ UV-VIS	Phương pháp đo quang	TCVN 6202:2008
11	Coliform	Buồng vô trùng nuôi cấy vi sinh, thiết bị đếm lạc khuẩn HACH	Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-2:1996

7.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

7.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

b. Quan trắc bụi, khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

7.2.2. Chương trình quan trắc liên tục, tự động chất thải

a. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

b. Quan trắc bụi, khí thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

7.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: Không

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Với quan điểm phát triển bền vững, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu nguồn thải đã nêu trong hồ sơ;
- Vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường theo đúng cam kết;
- Cam kết chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

- Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hỏa hoạn, sự cố cháy nổ trong suốt quá trình hoạt động.

- Đào tạo hướng dẫn và tập huấn cho nhân viên ở các vị trí làm việc để có nguy cơ xảy ra cháy nổ và chập điện về khả năng xử lý nhanh các tình huống tai nạn và sử dụng thuần thục trang thiết bị cứu hỏa, cứu hộ.

- Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; công khai thông tin môi trường và công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết đền bù và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

- Cam kết không sử dụng các loại hoá chất trong danh mục cấm của Việt Nam và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường thì Công ty chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201724644

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 05 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 15 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ILSHINTECH VIETNAM LIMITED
COMPANY

Tên công ty viết tắt: ILSHINTECH VIETNAM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô L5, khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225. 3556660/3556661

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 94.515.483.600 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ năm trăm mười lăm triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng

Tương đương 4.225.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: ILSHINTECH CO., LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 134-81-80397

Ngày cấp: 01/03/2002 Nơi cấp: Cục thuế quận Ansan, Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: #7, Seonjin 4-gil, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do, HÀN QUỐC

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CHO KYUHWAL

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 18/03/1969 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

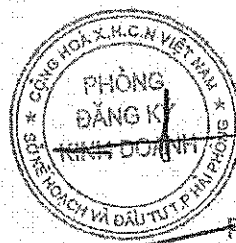
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M676A3033

Ngày cấp: 08/03/2024 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Room 1101, 202, Shinsegae Town, 17 Sangsaseo-ro, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1611, tầng 16, tòa Lotus, dự án H1 Hoang Huy Commerce, Phường Kênh Dương, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TR. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Lâm

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **9806081708**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 25 tháng 4 năm 2016

Chứng nhận thay đổi lần thứ 13: Ngày 17 tháng 4 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của
Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động
đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư
và Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt
động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến
đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 06 năm
2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý
Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9806081708 do Ban
Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 4
năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 12 năm 2023;

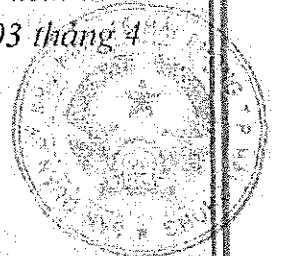
Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo
do Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam nộp đầy đủ tài liệu ngày 03 tháng 4
năm 2024,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư ILSHINTECH VIỆT NAM; Mã số dự án số
9806081708 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần
đầu ngày 25 tháng 4 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 27
tháng 12 năm 2023; được đăng ký điều chỉnh quy mô dự án,

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:



Nhà đầu tư:**Ilshintech Co., Ltd.,**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 134-81-80397

Ngày cấp: 01/3/2002

Cơ quan cấp: Cục thuế quận Ansan, Hàn Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: #7, Seonjin 4-gil, Sangnok-gu, Ansan-si,
Gyeonggi-do, Korea**Thông tin về người đại diện theo pháp luật:**Họ tên: **Son Chang Ho** Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc đại diện

Ngày sinh: 06/4/1964 Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu số: M12501112 Ngày cấp: 23/05/2019

Nơi cấp: Bộ ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: #7, Seonjin 4-gil, Sangnok-gu, Ansan-si,
Gyeonggi-do, KoreaChỗ ở hiện tại: #12-5, Bakwoomull-gil, Sangrok-gu, Ansan-si,
Gyeonggi-do, KoreaĐiện thoại: +82 314171378 Email: cgs@e-ilsin.co.kr

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0201724644 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 09/5/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/03/2024. Mã số thuế: 0201724644.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

ILSHINTECH VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

T T	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành VSIC
1	Sản xuất, gia công vật tư phụ cho điện thoại di động	Sản xuất linh kiện điện tử	2610 ⁰
2	Sản xuất, gia công vật tư phụ cho xe có động cơ	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
3	In nh ấn má c các lo ại	In ấn	1811
4	Cho thuê văn phòng,	Kinh doanh bất động sản,	6810

	nhà xưởng dôi dư	quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	
--	------------------	--	--

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định):

T T	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng/năm
1	Vật tư phụ cho điện thoại di động	Sản phẩm	950.000
2	Vật tư phụ cho xe có động cơ	Sản phẩm	120.000.000
3	In nhãn mác các loại	Sản phẩm	1.000.000
4	Doanh thu dự kiến từ hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng dôi dư	Đô la Mỹ	200.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Dũ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích dự kiến sử dụng: 10.178 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 222.600.000.000 (hai trăm hai mươi hai tỷ, sáu trăm triệu) đồng, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 94.515.483.600 (chín mươi tư tỷ, năm trăm mười lăm triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm), tương đương 4.225.000 (bốn triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 42,25% tổng vốn đầu tư

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Tên nhà đầu tư	Số vốn góp USD	Tỷ lệ	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
Ilshintech Co., Ltd	2.800.000	66,27	Tiền mặt	Đã góp đủ tính đến tháng 09/2019
	1.253.240	29,66	Máy móc, thiết bị	
	45.000	1,07	Tiền mặt	Đã góp đủ tính đến tháng 12/2019
	126.760	3,00	Máy móc, thiết bị	
Tổng cộng	4.225.000	100		

7. Thời hạn hoạt động của dự án: kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 25/4/2016 đến ngày 27/8/2064.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Số vốn góp 2.845.000 đô la Mỹ bằng tiền mặt và 1.380.000 đô la Mỹ bằng máy móc thiết bị đã được góp đủ tính đến tháng 12/2019;

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Hoạt động sản xuất vật tư phụ cho điện thoại di động và cho xe có động cơ đã hoạt động chính thức từ tháng 11/2016;

- Hoạt động in nhãn mác các loại đã hoạt động chính thức từ tháng 5/2017;
- Phần dự án đầu tư tăng thêm đã hoạt động chính thức từ tháng 01/2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.
2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:
Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Các loại thuế khác: Chỉ được hưởng ưu đãi nếu đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành về thuế.
4. Nhà đầu tư thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư tương ứng với từng loại ưu đãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị Định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam khi thực hiện dự án:

1. Chấp hành quy định về lĩnh vực đầu tư, môi trường, lao động, phòng cháy chữa cháy, nhập khẩu máy móc thiết bị và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
3. Phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện khi hoạt động đầu tư kinh doanh các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư 2020, theo quy định của pháp luật; đồng thời bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh;
4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 9806081708 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 4 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 12 năm 2023.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; Nhà đầu tư - Ilshintech Co., Ltd được cấp 01 (một), 01 (một) bản

cấp cho Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

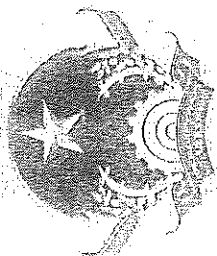
- Như Điều 5;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN



Lê Trung Kiên

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

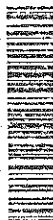
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH MTV, mã số doanh nghiệp
0201724644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu
ngày 09/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/02/2018.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô L5, Khu Công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong,
huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

CQ 604944

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311159319000470

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Số hiệu thửa đất:

Số tờ bản đồ:

Số phát hành GCN: CQ 604944

Số vào sổ cấp GCN: CT09400

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ
quan có thẩm quyền

Ngày 23/10/2019

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất thuê tại Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên SHINHAN VIỆT NAM - Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Thửa 19, lô B7 khu B1, khu đô thị mới Ngã Năm sân bay Cát Bi, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, theo hồ sơ số 0004701.TC.002/J.1



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Xuân Phong



Số: ⁶1442/GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

- Địa chỉ: Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

(Thuộc dự án Ilshintech Việt Nam)

- Theo thiết kế do Công ty TNHH Kiến trúc và Kỹ thuật YS (Việt Nam) lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Xây dựng Tuổi trẻ Thủ đô.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

+ Diện tích: 10.178 m².

+ Cốt nền xây dựng công trình: $\geq +4,5$ m (Cao độ Hải đồ).

+ Mật độ xây dựng: 37,7 %; Hệ số sử dụng đất: 0,43 lần.

+ Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ.

+ Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.

+ Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm).

+ Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình;

Số tầng: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Hợp đồng thuê đất số 57/HĐTD-TD/2016 ký ngày 11/5/2016 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng với Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, QHXS.



Đỗ Trung Thoại
Đỗ Trung Thoại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 1492^B/GPXD-BQL ngày 12 / 8 /2016)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

- Địa chỉ: Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m ²)	TDTs (m ²)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Xưởng sản xuất + văn phòng	3.176	3.762	02	4,3	11,4
2	Nhà bảo vệ	65	65	01		3,8
3	Nhà để xe máy	117	117	01		2,8
4	Nhà ăn	199	199	01		3,9
5	Nhà bơm và bể nước ngầm	176	176			3,8
6	Cột cờ	7,5	7,5			9,2
7	Cổng và tường rào	101	101			
	Tường rào gạch 131 m	70,98				1,74
	Hàng rào lưới 203 m	52,56				1,65
	Hàng rào thép 126 m	7,50				2,10

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTs), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).

Số: 83 /GPXD-BQL

Hải Phòng, ngày 09 tháng 01 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH IL Shintech Việt Nam.
 - Địa chỉ: Lô L5 (nay thuộc lô L2), Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án IL Shintech Việt Nam giai đoạn 2.
 - Tổng số công trình: 04.
 - Theo thiết kế do Công ty TNHH Sang-A Architects&Partner lập.
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng S5 Việt Nam.
 - Đơn vị thẩm định: Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô L5 (nay thuộc lô L2), Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Diện tích: 10.178 m².
 - + Cốt nền xây dựng công trình: $\geq +4,5$ m (Cao độ Hải đồ).
 - + Mật độ xây dựng: 60 %; Hệ số sử dụng đất: 0,77 lần.
 - + Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới thuê đất, giao đất.
 - + Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3 m so với chỉ giới đường đỏ.
 - + Màu sắc công trình: Phù hợp với chức năng và loại công trình.
 - + Chiều sâu công trình (đối với công trình có tầng hầm):
 - + Diện tích xây dựng; Tổng diện tích sàn; Chiều cao tầng 1; Chiều cao công trình; Số tầng: Theo phụ lục đính kèm.
3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CQ 604944 (số vào sổ cấp GCN: CT09400) ngày 02/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH IL Shintech Việt Nam.
4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:
5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, PTB Trần Vĩnh Hoàn;
- Lưu VP, QHXD.

TRƯỞNG BAN

Phạm Văn Mọi

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép Xây dựng số 83 /GPXD-BQL ngày 09/01/2020)

1. Cấp cho: Công ty TNHH IL Shintech Việt Nam.

- Địa chỉ: Lô L5 (nay thuộc lô L2), Khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng các công trình:

TT	Hạng mục công trình	DTXD (m ²)	TDTS (m ²)	Số tầng	CCT1 (m)	CCCT (m)
1	Nhà xưởng mới	2055,71	3232,45	02	5,50	13,63
2	Nhà để xe máy số 02	61,56	61,56	01		3,38
3	Nhà để xe máy số 03	74,52	74,52	01		3,38
4	Nhà ăn số 02	77,88	77,88	01		3,95

Ghi chú: Diện tích xây dựng (DTXD), Tổng diện tích sàn (TDTS), Chiều cao tầng 1 (CCT1), Chiều cao công trình (CCCT).



Hải Phòng, ngày 24 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

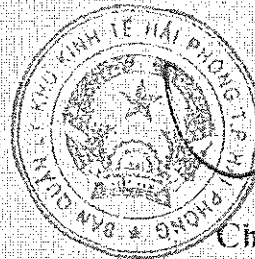
Số: 427/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM.
2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Dự án đầu tư ILSHINTECH VIỆT NAM.
 - Tổng số công trình: 01 công trình.
 - Do Công ty TNHH PNS E&C thiết kế.
 - + Chủ trì kiến trúc: Bà Nguyễn Thị Trâm.
 - + Chủ trì kết cấu: Ông Bùi Quang Nam
 - Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Đại Dương.
 - + Chủ trì thẩm tra: Ông Phạm Phan Anh
 - Gồm các nội dung sau:
 - + Vị trí xây dựng: Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duê, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
 - + Diện tích: 10.178 m².
 - + Cốt nền xây dựng công trình: $\geq + 0,5$ m (Cao độ Hải đồ).
 - + Mật độ xây dựng dự án: 60 %; Hệ số sử dụng đất: 0,77 lần.
 - + Chi giới đường đỏ, Chi giới xây dựng: Theo quy hoạch được duyệt.
 - + Màu sắc công trình (nếu có): Phù hợp với chức năng và loại công trình
 - + Chiều sâu công trình (tính từ cốt 0,00 đối với công trình có tầng hầm):
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 72m²; Tổng diện tích sàn 72m²; Chiều cao công trình 5m; Số tầng: 01 tầng.
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 604944 ngày 20/5/2019 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM.
4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB. các PTB;
- Công ty CP KCN Sài Gòn – Hải Phòng;
- Lưu VP, P. QH&XD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Chu Đức Anh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 435/GXN-UBND

An Dương, ngày 27 tháng 7 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ủy ban nhân dân huyện An Dương xác nhận Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện Dự án: ILSHINTECH VIỆT NAM tại Ủy ban nhân dân huyện vào ngày 27 tháng 7 năm 2016.

Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

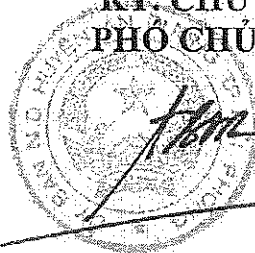
1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM phải báo cáo với UBND huyện An Dương khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản Kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện An Dương.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: ILSHINTECH VIỆT NAM kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. *T. Tru*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM;
- Xã Hồng Phong;
- Phòng TNMT huyện;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trường Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **57** /GXN-UBND

An Dương, ngày **17** tháng **01** năm 2019

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

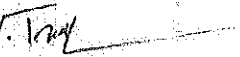
Ủy ban nhân dân huyện An Dương xác nhận Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án ILSHINTECH VIỆT NAM tại Ủy ban nhân dân huyện An Dương vào ngày **17** tháng **01** năm 2019.

Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

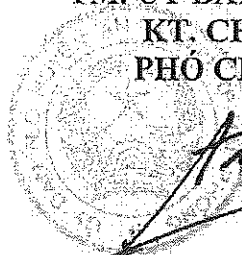
3. Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM phải báo cáo với UBND huyện An Dương khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản Kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện An Dương.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án ILSHINTECH VIỆT NAM tại lô L5, khu công nghiệp Trảng Duê, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. 

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng TNMT huyện;
- UBND xã Hồng Phong;
- Lưu VTQ/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Trường Sơn

Số: 143/GXN-UBND

An Dương, ngày 18 tháng 11 năm 2019

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Ủy ban nhân dân huyện An Dương xác nhận Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy ILSHINTECH - Giai đoạn 2” tại Ủy ban nhân dân huyện An Dương vào ngày 18 tháng 11 năm 2019.

Địa điểm thực hiện dự án: Lô L5, KCN Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/01 lần (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.
5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. *Trần*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng TNMT huyện;
- UBND xã Hồng Phong;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Cường
Lê Văn Cường

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
(CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM)

폐기물 운송 및 처리업무
계약서



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG/ 계약서

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI/ 폐기물운송및처리

Số 제: 078/2019/HĐCN

CĂN CỨ VÀO/근거

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;
2015년 11월 24일에 베트남 사회주의 공화국의 국회가 통과한 민사법 제 91/2015/QH13호;
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
2014년 11월 26일에 베트남 사회주의 공화국의 국회가 통과한 기업법 제 68/2014/QH13호;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014;
2014년 6월 23일에 베트남 사회주의 공화국의 국회가 통과한 환경보호법 제 55/2014/QH13호;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu ban hành ngày 24/4/2015;
2015년 4월 24일에 정부가 발행한 시행령 제 38/2015/NĐ-CP호:
“배출물 및 폐기물 관리에 대한 규정”
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường ban hành ngày 01/7/2016;
2016년 7월 1일에 정부가 발행한 시행령 제 60/2016/NĐ-CP호:
“자원 환경 분야에 경영 투자 조건에 대한 규정”;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường về quản lý chất thải nguy hại ban hành ngày 30/6/2015;
2015년 6월 30일에 자원 환경부가 발행한 안내서 제 36/2015/TT-BTNMT호:
“유해 배출물 관리”;
- Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 625/HĐHTKD/U11-DUJUN ngày 31/12/2016 ký giữa Công Ty CP Môi trường đô thị & Công nghiệp 11 – Urenco11 và Công ty CP Thương mại & Đầu tư DUJUN;
2016년 12월 31일에 체결된 Urenco11과 DUJUN간의 경영 원칙 계약서
제 625/HĐHTKD/U11-DUJUN호;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của các bên.
당사자들의 요구 및 실제적인 능력에 근거하여.

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2019, chúng tôi gồm: / 금일 2019년 06 월 19일

BÊN A : CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

Địa chỉ (주소) : Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (전화) : 0225 2299 161/162 Fax : 0225 2299 163

Mã số thuế (세금코드) : 0201724644

Người đại diện (대표자) : Ông Ju Jong Chan Chức vụ : Tổng Giám đốc

Số tài khoản (거래은행 및 계좌) : 700 006 185 355 tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN Hải Phòng (sau đây gọi là “Bên A”) và;

BÊN B:

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ & CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO11

Địa chỉ : Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng – Huyện Văn Lâm – Hưng Yên

Điện thoại : 0221.399.9072/2477.178 Fax: 0221.3981.489

Mã số thuế : 0900291087

Đại diện : Ông Nguyễn Đình Hải Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 4661 0000 228302 tại Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển chi nhánh Bắc Hưng Yên
(sau đây gọi là “Bên B1”)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ DUJUN

Địa chỉ : Phòng 1403, tầng 14, toà nhà Silver Wings, 137A Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3365 8899 Fax: 024. 3352 8899

Mã số thuế : 0102791512

Đại diện : Ông Nguyễn Huy Hoàn Chức vụ : Giám đốc

Tài khoản số : 0117 0406 333 7777– Ngân hàng VIB – chi nhánh Long Biên

(sau đây gọi là “Bên B2”)

XÉT RÀNG/ 다음과 같이 판단

- Bên A là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu được cung cấp các dịch vụ liên quan đến thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại; và

A는 베트남에서 설립되어 합법적으로 활동하고 있는 회사이며 유해한 공업폐기물 수집, 운송, 보관 및 처리에 관련한 서비스 제공을 요구하고 있고;

- Bên B1 là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực môi trường và có đủ năng lực, trình độ chuyên môn cung cấp các dịch vụ liên quan đến thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại; và

B1은 베트남에서 설립되어 합법적으로 활동 하고있는 회사이며 환경분야에서 활동하고 유해한 공업폐기물 수집, 운송, 보관 및 처리에 관련한 서비스를 제공하기 위한 역량과 수준을 충분하게 갖춘 회사이고;

- Bên B2 là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực môi trường và có quan hệ sâu rộng với nhiều doanh nghiệp, đơn vị để có thể góp phần hỗ trợ Bên A và Bên B1 trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động thu gom vận chuyển và xử lý chất thải.

B2는 베트남에서 설립되어 합법적으로 활동하고 있는 회사이며 환경분야에서 충분한 활동 경험을 갖추고 폐기물수집, 운송 및 처리활동에 대한 A와B1의활동 지원을 위한 많은기업 및 단체와 깊은관계를 가진회사 이기때문에.

VẬY, NAY, Bên A và Bên B thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng với các điều kiện và điều khoản như sau:

금일 A와B의 동의하에 다음과 같은 조항 및 조건으로 계약서를 체결하기로한다:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG/제1조: 계약내용

Bên A đồng ý giao, Bên B1 đồng ý nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A. Bên B2 hỗ trợ Bên B1 trong việc Bên B1 thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của Bên A về kho chứa của Bên B1 để Bên B1 xử lý. Danh mục chất thải nguy hại phù hợp với giấy phép xử lý chất thải nguy hại của Bên B1 và danh mục chất thải nguy hại Bên A đăng ký tại sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

A의 생산과정에 발생하는 생활및 일반공업폐기물, 유해폐기물에 대하여 A가 인계하고 B1은 해당폐기물을 수집, 운송및 처리를 하기로한다. A의 생활및 일반공업용 폐기물, 유해폐기물에

관하여 B1이 수집하여 B1의 창고로 운송하여 처리하는작업에 대하여 B2는 지원한다. 유해폐기물리스트는 B1의 유해폐기물처리 허가서에 부합하고, 폐기소스 장부에 등기된 A측의 유해폐기물 발생 리스트에 따른다;

Bên A đồng ý bán và Bên B2 đồng ý mua toàn bộ các loại phế liệu do Bên A phát sinh trong quá trình sản xuất.

A의 생산과정에서 발생하는 배출물(재활용 폐기물)에 대하여는 A가 판매하고 B2는 구매하기로한다;

Danh mục chất thải và phế liệu, số lượng, chủng loại, đơn giá nêu trên theo Phụ lục kèm Hợp đồng này.

폐기물및 배출물 리스트, 종류, 수량, 단가는 본계약서의 별첨부록에 명기한다;

Trong trường hợp Bên A phát sinh loại chất thải nào mới so với các chủng loại nêu trong bảng trên thì khi đó các bên sẽ thỏa thuận đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải bằng các Phụ lục hợp đồng để đảm bảo có lợi cho các bên khi tham gia hợp tác.

상기표에 기재된 종류들에 포함되지않는 폐기물이 발생시 양측의 이익 확보를 위하여 폐기물 운송및처리 단가를 재협의 하여 부록에 추가한다.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN/ 제2조: 인수인계장소, 시간, 물량, 운송수단

2.1. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

폐기소스 발주처: ILSHINTECH VIET NAM 주식회사.

2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Bên A – tại Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM, Lô L5, Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

2.3. 폐기물인수인계장소: A측의 폐기물 보관창고 - 주소: Hai Phong 성, An Duong 현, Trang Due 공업단지.

2.4. Địa điểm xử lý: Tại, xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

처리장소: Hưng Yên성 Van Lam현, Dai Dong리.

2.5. Thời gian giao nhận: Bên A có trách nhiệm thông báo bằng điện thoại, fax, email cho Bên B về thời gian giao nhận Chất thải trước ít nhất hai (02) ngày so với thời gian dự kiến.

인수인계기간: A측이 필요한 최소 02일 전에 B측에게 폐기물 인수인계시간에 대해 통보 한다.

2.6. Phương tiện và nhân lực vận chuyển: Bên B2 chịu trách nhiệm hỗ trợ Bên B1 trong việc Bên B1 bố trí phương tiện, nhân lực thu gom, bốc xếp chất thải, rác thải lên xe vận chuyển về kho của Bên B1 để Bên B1 xử lý.

운송수단및인력: B1이 폐기물, 배출물을 수집하고 B1의 창고로 운송하여 처리함에 있어서 B2는 B1을 지원할 책임이있다.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN/제3 조: 단가및정산방식

3.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý: (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

운송및처리단가: (별첨부록에명기)

3.2. Phương thức nghiệm thu và thanh toán/ 점검및정산방식

3.2.1. Các bên sẽ lập chứng từ giao nhận chất thải mỗi khi phát sinh và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến để làm cơ sở cho việc thanh toán.

A와B2는 폐기물 발생시 마다 폐기물 인수인계증서및 이동편 각각의 인수인계 물량종합표를 작성하여 정산의 근거로한다.

3.2.2. Thời hạn thanh toán chi phí xử lý chất thải: Bên A thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B1 theo thông tin tài khoản của Bên B1 tại Hợp đồng này trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B1 xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

지불기간: 폐기물 처리에 대하여 B1이 A에게 합법적인 재정영수증을 발급한

날로부터 15일 이내 A는 본계약서에 명기된 B1의계좌정보에 따라 결제한다.

- 3.2.3. Thời hạn thanh toán cho phế liệu tái chế: Bên B2 thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên A theo thông tin tài khoản của Bên A tại Hợp đồng này trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên B2.

Thời gian: 배출물(재활용폐기물)처리에 대하여 A가 B2에게 합법적인

계정 영수증을 발급한 날로부터 15일이내 B2는 본계약서에 명기된 A의
계좌정보에 따라 결제한다.

- 3.2.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

사용화폐: 베트남동

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN / 제4조: 각측의책임

4.1. Trách nhiệm của Bên A/ A의책임

- 4.1.1. Bên A có trách nhiệm phân định, phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại.

A는 시행령제38/2015/NĐ-CP: “폐기물및 배출물관리”및 안내서

제36/2015/TT-BTNMT“ 유해폐기물관리”의 규정에 따라 출처에서 폐기물
분류및보관할 책임이 있다.

- 4.1.2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không giao cho Bên B1 thu gom, vận chuyển và xử lý

B1이 수집, 운송및 처리 하지않는 폐기물에 대하여 전적으로 책임을 진다.

- 4.1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của Bên B1 vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp rác thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp. Hỗ trợ xe nâng hàng giúp Bên B1 bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng)

B1이 부합한 운송수단으로 폐기물을 적재 하기위하여 B1의 인력및 운송수단이
폐기물 저장소에 투입이 용의하도록 지원해준다 B1이 운송차로적재할시
지게차를 마련해준다 (무거운 물품의 경우).

- 4.1.4. Lập phiếu xuất hàng cho mỗi lần giao nhận chất thải và làm các thủ tục cần thiết để phương tiện của Bên B1 mang chất thải ra khỏi cổng nhà máy của Bên A.

폐기물 인수인계 할 때 마다 출고서를 작성하고 B1이 폐기물을 A의공장 외부로
운송 하기위하여 필요한 절차를 수행한다.

- 4.1.5. Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng Bên B1 thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

업무수행 과정에서 발생하는 문제를 해결 하기위한 담당직원을 지명하여 이후에
물량점검및 정산등을 관리 하도록한다.

- 4.1.6. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B1 toàn bộ tiền vận chuyển, xử lý chất thải mà Bên B1 đã thực hiện cho Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

현행 법적규정에따라 B1이 A를 위해 폐기물운송및 처리비용을 모두 정산 할
책임이 있다.

- 4.1.7. Đảm bảo cho Bên B2 được mua và nhận toàn bộ phế liệu, chất thải có thể tái chế được trong thời gian thực hiện hợp đồng.

계약 수행기간에 B2측이 재생 가능한 모든 재활용 폐기물과 일반폐기물을 받거나
구입할 수 있도록 해준다.

- 4.1.8. Tạo điều kiện cho Bên B1 áp dụng phương pháp mới cho việc tái sử dụng chất thải công nghiệp trong điều kiện có thể.

B1측이 공업 폐기물재활용에 최선의 새로운 방법을 적용하는 것을 허락해준다.

- 4.1.9. Cung cấp cho Bên B1 01 bản photo copy có công chứng Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại được Sở Tài nguyên & Môi trường cấp cho Bên A.

자원환경청으로 부터 발급된 유해폐기물 소유주등록서의 공증된사본을 B1에게 제공한다.

4.2. Trách nhiệm của Bên B/B의책임

4.2.1. Trách nhiệm của Bên B1/ B1의책임

- Phối hợp, tạo điều kiện và thông báo tới Bên B2 trong việc Bên B1 tổ chức, quản lý và thực hiện việc xây dựng phương án vận chuyển và xử lý chất thải.
폐기물 운송및 처리방안 작성및 관리, 업무 수행과정에 B2와 협력해서 지원하고 내용을 통보한다;
- Cam kết có đầy đủ chức năng theo quy định pháp luật để thực hiện các công việc như thoả thuận tại hợp đồng này.
본계약서에 협의된 업무를 수행하기 위한 법적규정에 따른 경력을 충족함을 확약한다;
- Chịu trách nhiệm thực hiện xử lý chất thải và cung cấp Hồ sơ, giấy tờ, chứng từ hợp lệ cho Bên A sau khi đã xử lý xong chất thải và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý chất thải của mình.
폐기물 처리후 A에게 합법적인 서류와 문서,증서를 제공하고 본인의 폐기물 처리에 대한 법적인 책임을진다;
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của Bên A.
A의 폐기물을 철저히 처리하고 끝까지 책임을 진다;
- Xác nhận chứng từ chất thải và xuất hóa đơn cho Bên A.
폐기물 증서를 확인하고 A에게 영수증을 제공해준다;
- Gửi cho Bên A những giấy phép hoạt động Quản lý chất thải có liên quan (Bản công chứng có giá trị) để Bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương.
A가 해당업무에 대한 점검이 있을때마다 설명 할 수 있도록 관련 폐기물관리 활동에 대한 법적가치가 있는 공증사본을 A에게 제공한다;
- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho Bên A và B2 để cùng phối hợp giải quyết.
계약 수행과정에 어떤 문제가 발생할때 A에게 문서로 통보하여 A와B2가 같이 해결하도록 협력한다.

4.2.2. Trách nhiệm của B2/ B2의책임:

- Phối hợp với Bên B1 trong việc Bên B1 tổ chức, quản lý và thực hiện sắp xếp phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
B1이 베트남의 현행 규정에따른 폐기물을 운반 하기위한 운반기준및 위생기준을 충족하는 운송수단을 배치, 관리및 사용함에 있어서 B1과 협력한다;
- Chịu trách nhiệm hỗ trợ Bên B1 trong việc Bên B1 thu gom, bốc xếp và vận chuyển chất thải của Bên A mỗi khi phát sinh và hỗ trợ vận chuyển về kho chứa của Bên B1.
A의 폐기물이 발생시 마다 B1이 해당폐기물 수집,적재및 B1의 창고로 운송함에 있어서 B1을 지원할 책임이있다;
- Có trách nhiệm cùng đối chiếu, tổng hợp công nợ hàng tháng với Bên A và B1, sau khi Bên B1 xuất hóa đơn, Bên B2 gửi hóa đơn về công ty của Bên A.
매월 A와 B1과 함께 재무를 비교하고 종합할 책임이 있으며 B1이 재정영수증을 발행하면 B2는 A에게 해당 영수증을 송부한다;
- Có trách nhiệm giám sát Bên B1 hoàn thành công việc theo đúng quy định của pháp luật.
B1이 규정을 준수하며 업무를 수행하도록 확인할 책임이있다.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT/ 제5조: 비밀유지

- 5.1. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật) nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.
법적규정에 따라 강제한 경우를 제외하고 본계약서 및 본계약서에 관한 모든 문서 및 서류는 계약당사자 간의 개별서류로서 어느측에도 상대방의 동의문서 없이 제3자에게 유출하면 안된다.
- 5.2. Bên A không được tiết lộ hoặc cung cấp cho người khác các bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của Bên B1 và Bên B2 trong thời gian các bên hợp tác và trong thời hạn 02 năm, kể từ khi hợp đồng này chấm dứt.
A는 협력기간동안 또는 계약 종료후 2년 이내 B1과 B2의 경영활동, 경영비결에 관련된 비밀을 제3자에게 유출또는 제공하면 안된다.

ĐIỀU 6. BẤT KHẢ KHÁNG/ 제6조: 불가항력

- 6.1. Nếu một trong các Bên bị ngăn cản hay bị chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong hợp đồng bởi các sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát của mình thì sự kiện này được coi là bất khả kháng, bên còn lại sẽ được coi là không có lỗi và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với bên kia theo hợp đồng này.
양측중 한측이 계약서의 어떠한 임무를 수행함에 있어 각측이 관리할 수 있는 능력을 벗어나는 사건으로 인하여 방해 또는 지연하게 되면 그사건이 불가항력이라고 여긴다. 해당측의 잘못이 없는 것으로 여기며 본계약서에 따라 다른 한측에게 어떠한 책임도 지지 않는다.
- 6.2. Các sự kiện được coi là bất khả kháng là: chiến tranh, bạo động, sự thay đổi chính sách của chính phủ, cháy nổ, lũ lụt, động đất hoặc các điều kiện tự nhiên không bình thường khác...
불가항력으로 보는 사건은 전쟁, 소동, 정부의 정책 변경, 화재, 홍수, 지진, 그리고 정상적이지 않는 천재지변등.

ĐIỀU 7. THỎA THUẬN SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG/ 제7조: 계약변경및 해지협의

- 7.1. Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Việc sửa đổi có thể dưới dạng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc phụ lục hợp đồng và sẽ tạo thành bộ phận không tách rời của hợp đồng này.
본계약서는 당사자들간의 문서방식의 협의를 통하여 변경,추가될수 있으며,변경은 변경, 추가된 계약서,또는 부록으로 진행 될 수 있고 이는 본계약서와 분리 할 수 없는 일부분이다.
- 7.2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:
본계약은 다음과 같은 경우에 해지된다:
- Hợp đồng hết hạn và không được gia hạn theo thỏa thuận của các bên;
계약기간이 만료되고 당사자들간의 협의에따라 연장되지 않을경우;
 - Các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận các điều kiện cụ thể liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng;
당사자들이 계약 만료전에 해지하기로 할 경우.이러한 경우에는 당사자들이 계약 해지관련 구체적인 조항에 대하여 협의한다;
 - Một trong các Bên Bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận cách thức chấm dứt hợp đồng và/ hoặc thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.
한쪽 당사자가 청산,해체 또는 활동정지 될 경우,이러한 경우 당사자들이 계약해지 관련 구체적인 조항에 대하여 협의 하거나 베트남 법적규정에 따른다.

ĐIỀU 8. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG/ 제8조: 계약효력

- 8.1. Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2019 đến hết ngày 19 tháng 06 năm 2020.
본 계약서가 2019년 06월 20일부터 2020년 06월19일까지 1년 효력이 있다.
- 8.2. Nếu hai bên không có yêu cầu bằng văn bản về thời hạn của hợp đồng trước ngày hết hạn 30 ngày, hợp đồng đã ký sẽ được tự động gia hạn với các kỳ hạn 01 năm cho tới khi một trong các bên có yêu cầu bằng văn bản chấm dứt hợp đồng.
효력이30일 만료되기전까지 양측이 계약 효력기간에 대한 문서가 없으면 계약이 자동으로 1년 더 연장된다.

- 8.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn hay thay đổi ngoài dự tính, các bên phải thông báo cho nhau kịp thời, cùng bàn bạc giải quyết

계약 수행과정중에 예상보다 어려움 또는 변경이 발생되면 양측이 서로 즉시 통보하여 협의 및 해결하도록 해야 한다.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP/ 제 9조: 분쟁해결

- 9.1. Các bên cam kết rằng trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Hợp đồng này sẽ cùng thương lượng giải quyết trên cơ sở hữu nghị, hợp tác và trung thực.

본 계약서에 관련한 모든 분쟁에 대하여 우호,협력및 성실함을 바탕으로 하여 협의하고 해결 하도록 당사자들이 약속한다.

- 9.2. Tuy nhiên bất chấp những cố gắng của các bên, vào bất cứ thời điểm nào, bất cứ bên nào cho rằng Tranh chấp đó không thể được giải quyết hữu nghị thông qua thương lượng, bên này sẽ có thể gửi thông báo về Tranh chấp này ("Thông báo Tranh chấp") tới bên kia và đưa ra những nội dung ngắn gọn về Tranh chấp. Nếu Tranh chấp này không được giải quyết thông qua việc tiếp tục thương lượng trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày gửi Thông báo Tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

다만 당사자들의 노력에도 불구하고 일정시점에 어느한측이 분쟁이 상호 협의를 통하여 우호협력 할 수 없다고 판단 할경우 이렇게 판단한측이 해당분쟁에 대한 통보서 ("분쟁통보서")를 상대방에게 송부하여 분쟁 내용을 공지한다.분쟁 통보서가 송부된 날로부터60일 이 지나도 분쟁이 협의로 해결되지 않을 경우 베트남 법적규정에따라 권한이 있는 하노이재판소에서 해결한다.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/ 제10 조: 일반조항

- 10.1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều kiện và điều khoản nêu trên.

양측이 상기 조항 및 조건을 제대로 준수한다고 약속한다.

- 10.2. Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động từ 5% trở lên, một trong các bên có quyền gửi văn bản đề nghị xem xét và điều chỉnh.

시장가격이 5%이상 변동이될경우 양측중 한측이 문서를 발송하여 조정 검토 요청 할 수 있다.

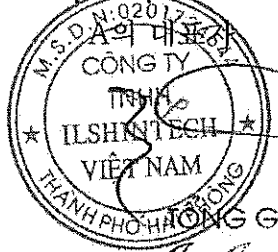
- 10.3. Trong quá trình thực hiện, mọi sự thay đổi, bổ sung, chi tiết hoá sẽ được các bên thống nhất lập thành phụ lục không tách rời của Hợp đồng này.

이행 과정에는 변경,추가,보완은 본계약서와 분리 할 수없는 부록으로 작성된다.

- 10.4. Hợp đồng được lập bằng 03 (ba) bản bằng tiếng Việt và tiếng Hàn Quốc, mỗi bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai bản tiếng Hàn Quốc và Tiếng Việt thì sẽ áp dụng theo bản tiếng Việt.

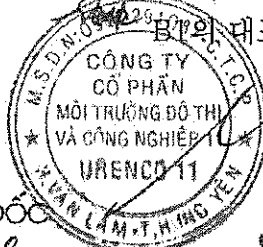
본 계약서는 법적가치가 동등한 03(세)부로 작성되어 당사자 각각 01(한)부씩 보관한다. 베트남어본, 한국어본중에 언어 차이가 있을 경우 베트남어본을 우선 적용한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Luu Long Chan

ĐẠI DIỆN BÊN B1



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B2



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Hoàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01/ 부록 01

ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI / 폐기물처리단가

*(Kèm theo của Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN ngày 19/06/2019
2019/06/19 에 폐기물운송및 처리에대 한계약서 제 078/2019/HĐCN 호의별첨)*

- Căn cứ Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN ngày 19 tháng 06 năm 2019;
2019/06/19 년월일에 폐기물 운송및 처리에 대한 계약서제 078/2019/HĐCN 호에 근거;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM về việc thu gom, vận chuyển và xử lý
chất thải của công ty.
ILSHINTECH VIỆT NAM 회사의 폐기물수집, 운송및 처리에 대한 요구에 근거하여

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2019, chúng tôi gồm: / 금일 2019 년 06 월 19 일

BÊN A : CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

Địa chỉ (주소) : Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Hải
Phòng, Việt Nam

Điện thoại (전화) : 0225 2299 161/162 Fax : 0225 2299 163

Mã số thuế : 0201724644

(세금코드)

Người đại diện : Ông Ju Jong Chan Chức vụ : Tổng Giám đốc

(대표자)

Số tài khoản : 700 006 185 355 tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN Hải Phòng

(거래은행 및 계좌)

(sau đây gọi là “Bên A”) và;

BÊN B:

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ & CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO11

Địa chỉ : Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng – Huyện Văn Lâm – Hưng Yên

Điện thoại : 0221.399.9072/2477.178 Fax: 0221.3981.489

Mã số thuế : 0900291087

Đại diện : Ông Nguyễn Đình Hải Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 4661 0000 228302 tại Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển chi nhánh Bắc Hưng Yên

(sau đây gọi là “Bên B1”)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ DUJUN

Địa chỉ : Phòng 1403, tầng 14, toà nhà Silver Wings, 137A Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long
Biên, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3365 8899 Fax : 024. 3352 8899

Mã số thuế : 0102791512

Đại diện : Ông Nguyễn Huy Hoàn Chức vụ : Giám đốc

Tài khoản số : 0117 0406 333 7777– Ngân hàng VIB – chi nhánh Long Biên

(sau đây gọi là “Bên B2”)

Các bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung như sau:

계약 당사자들 은다음과 같은 내용으로 계약 부록을 체결한다:



1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải/ 폐기물 운송및 처리 단가

No.	Hạng mục - Items	Mã CTNH	Đơn vị Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú Note
1	Rác thải tổng hợp không nguy hại <i>Mixed nonhazardous wastes/ 혼합 일반 폐기물</i>		Kg	2,200	산업/일반 쓰레기
2	Bóng đèn huỳnh quang thải <i>Fluoresce lamp 형광램프</i>	16 01 06	Kg	4,000	
3	Dầu thải động cơ / nước lẫn dầu thải <i>Engine wasted oil/ wasted mixed water & oil/오일 혼합물,폐 엔진류등..</i>	17 02 03	Kg	2,000	
4	Mực in / hộp mực in thải <i>Discharged ink / Discharged ink cartridge/ 잉크,인크카트리지</i>	08 02 01	Kg	4,000	
5	Pin, ắc quy thải <i>Scrap batteries/ 폐 배터리</i>	08 02 04	Kg	4,000	
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải <i>Sludge from water treatment process/ 폐수처리 슬러지</i>	07 03 05	Kg	2,500	
7	Keo/ Sơn/ vecni/ bột mài thải <i>Colloidal/ paint/ vecni/ powder waste 페인트,도료</i>	08 03 01 08 01 01	Kg	4,000	
8	Dung môi, chất tẩy rửa thải nhiễm thành phần nguy hại <i>Solvent waste, detergent with hazardous contaminant/ 솔벤트,세척제류</i>	07 01 06	Kg	2,500	
9	Xi hàn, chất trợ hàn Flux <i>Welding waste, welding flux/ 인두팁,플럭스</i>	07 04 02	Kg	2,000	
10	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại <i>Clothes with hazardous contaminant 오염걸래,오염천류</i>	18 02 01	Kg	5,500	
11	Bao bì nhựa/ kim loại bì nhiễm thành phần nguy hại <i>Metal/ plastic packaging for containing chemical/ 금속 및 플라스틱약품통</i>	18 01 03 18 01 02	Kg	2,500	

Ghi chú:Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.

비고: 상기 단가는 부가세 미 포함한 단가임.

2. Thời gian thực hiện/기간:

Bản Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2019

본 부록은 2019 년 06 월 20 일부터까지 유효하다.

3. Điều khoản chung/기본조항

- Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ sự thay đổi nào các bên sẽ tiến hành bổ sung Phụ lục hợp đồng tiếp theo.
수행기간 동안에 모든 변경에 대하여 계약 당사자들이 다음 부록을 체결 함을 통하여 추가한다.
- Bản Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN
본 부록은 폐기물 운송 및 처리에 대한 계약서 제 078/2019/HĐCN 호의 분리 할 수 없는 부분이다.
- Các điều khoản không đề cập tại Phụ lục này được áp dụng theo các quy định tại Hợp đồng số 078/2019/HĐCN.
본 부록에 정하지 않은 조항은 계약서 제 078/2019/HĐCN 호의 규정으로 적용한다.

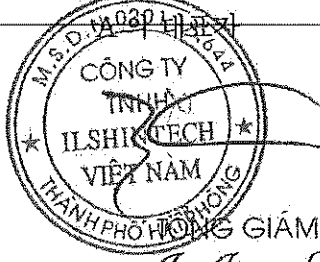
08/06/2019
T.Y.
S.N.
00
H
H
025499.C
IG T.Y.
PHÂN
JNG MAI
DẦU TƯ
UJUN
DIEN - TP. H

02017
JNG TY
NHH
INTEC
NAM
CHAI PH

- Bản Phụ lục hợp đồng này được lập thành 03 bản Tiếng Việt và tiếng Hàn, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý.

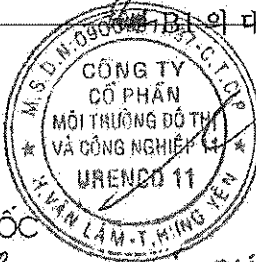
본 부록은 베트남어 법적 가치가 동등한 03 부로 작성하며 당사자가 각각 01 부씩 보관한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A/



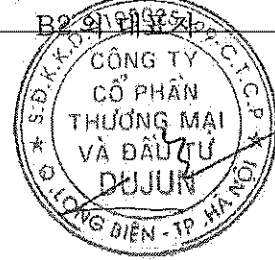
TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Truong Chan

ĐẠI DIỆN BÊN B1/

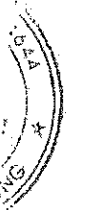


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B2/



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Hoàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02/ 부록02

ĐƠN GIÁ MUA BÁN PHÉ LIỆU/ 폐기물매매단가

*(Kèm theo của Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN ngày 19/06/2019
2019/06/19 에 폐기물 운송및 처리에 대한계약서 제 078/2019/HĐCN호의별첨)*

- Căn cứ Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN ngày 19 tháng 06 năm 2019;
2019/06/19 년월일에 폐기물 운송및 처리에 대한 계약서제 078/2019/HĐCN호에 근거;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của công ty.
ILSHINTECH VIỆT NAM 회사의 폐기물수집, 운송및 처리에 대한 요구에 근거하여

Hôm nay, ngày 19 tháng 06 năm 2019, chúng tôi gồm:/ 금일2019년06 월19일

BÊN A : CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

Địa chỉ (주소) : Lô L5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (전화) : 0225 2299 161/162 Fax : 0225 2299 163

Mã số thuế : 0201924644
(세금코드)

Người đại diện : Ông Ju Jong Chan Chức vụ : Tổng Giám đốc
(대표자)

Số tài khoản : 700 006 185 355 tại ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN Hải Phòng
(거래은행 및 계좌)
(sau đây gọi là “Bên A”) và;

BÊN B:

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ & CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO11

Địa chỉ : Thôn Đại Từ - Xã Đại Đồng – Huyện Văn Lâm – Hưng Yên

Điện thoại : 0221.399.9072/2477.178 Fax: 0221.3981.489

Mã số thuế : 0900291087

Đại diện : Ông Nguyễn Đình Hải Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 4661 0000 228302 tại Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển chi nhánh Bắc Hưng Yên
(sau đây gọi là “Bên B1”)

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI & ĐẦU TƯ DUJUN

Địa chỉ : Phòng 1403, tầng 14, toà nhà Silver Wings, 137A Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3365 8899 Fax: 024. 3352 8899

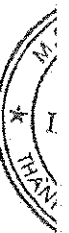
Mã số thuế : 0102791512

Đại diện : Ông Nguyễn Huy Hoàn Chức vụ : Giám đốc

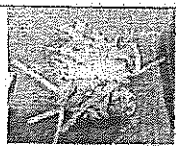
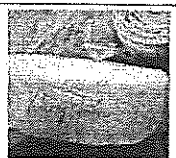
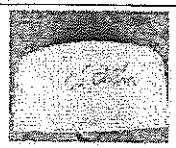
Tài khoản số : 0117 0406 333 7777– Ngân hàng VIB – chi nhánh Long Biên
(sau đây gọi là “Bên B2”)

Các bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với nội dung như sau:

계약 당사자들은 다음과 같은 내용으로 계약 부록을 체결한다:



1. Đơn giá mua bán phế liệu/ 재활용폐기물 매매 단가:

No.	Hạng mục - Items	Đơn vị Unit	Đơn giá/ Unit price (VNĐ)	Ghi chú - Note
1	Sắt phế liệu Wasted iron/ 고철	Kg	5,000	
2	Bìa hộp cát tông carton box/ 골판지 인쇄전	Kg	2,500	코팅지 제외
3	Giấy phế liệu Scrap of paper / 폐지	Kg	2,000	
4	Lõi giấy phế liệu Paper pipe/ 종이지관	Kg	2,000	
5	Nhựa mềm trắng, nylon trắng White soft plastic, , white nylon / 흰색비닐, 흰색 소프트 플라스틱	Kg	10,000	비닐일반
6	Cuộn nylon trắng (loại 1) White nylon (class 1) Non PET 흰색 비닐테프(class 1 - 비 접착성) PET 제외	Kg	5,000	
7	Cuộn nylon trắng (loại 2) White nylon (class 2) Non PET 흰색 비닐테프(class 2 - 약 접착성) PET 제외	Kg	2,000	
8	Nhựa đen, nhựa cứng, nhựa màu phế liệu Black plastic, hard plastic, colored plastic waste 검정 플라스틱, 유색 플라스틱	Kg	5,000	
9	Ống nhựa cứng trắng PP white plastic pipe/ 백색pp 플라스틱 지관	Kg	11,000	
10	Gỗ (Pallet gỗ/ gỗ nhẹ/ xà gỗ...) Wood (wooden pallet, wooden frame, ...)/ 목재류	Kg	500	
11	Đồng vụn chân linh kiện Copper scraps/ 폐동	Kg	75,000	

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT.

비고: 상기 단가는 부가세 포함한 단가임.

2. Thời gian thực hiện/기간:

Bản Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2019

본 부록은 2019년06월20일부터까지 유효하다

3. Điều khoản chung/기본조항

- Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ sự thay đổi nào các bên sẽ tiến hành bổ sung Phụ lục hợp đồng tiếp theo.
수행기간 동안에 모든 변경에 대하여 계약 당사자들이 다음 부록을 체결 함을 통하여 추가한다.
- Bản Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải số 078/2019/HĐCN
본 부록은 폐기물 운송 및 처리에 대한 계약서 제078/2019/HĐCN호의 분리 할 수 없는 부분이다

316
GT
HÀ
NG
HÀ
NG

343
TY
HÀ
NG
JAU
DIEN

D.N:020
CÔNG
TY TNHH
SHINTE
TET NAM
HỒ HẢI P

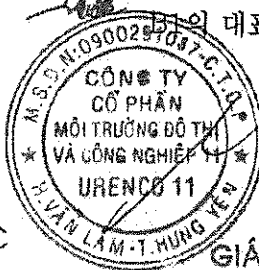
- Các điều khoản không đề cập tại Phụ lục này được áp dụng theo các quy định tại Hợp đồng số 078/2019/HĐCN.
본 부록에 정하지 않은 조항은 계약서 제078/2019/HĐCN호의 규정으로 적용한다.
- Bản Phụ lục hợp đồng này được lập thành 03 bản Tiếng Việt và tiếng Hàn, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý.
본 부록은 베트남어 법적 가치가 동등한 03부로 작성하며 당사자가 각각 01부씩 보관한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A/



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ju Jong Chan

ĐẠI DIỆN BÊN B1/

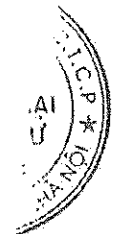


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B2/



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Hoàn



HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

租賃房屋

Số 編號 : 202312-01/ILSHIN-VT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005- QHXI Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- 根據越南社會主義共和國民法第 33/2005-QHXI 條

- 33/2005 베트남 사회주의 공화국 민사법에 근거 하여

- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của các bên.

- 基於各方的需求和能力。

- 양측의 수요 및 능력에 근거 하여

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2023 。 今天 , 2023 年 12 月 12 日

오늘, 2023 년 12 월 12 일

Sau khi trao đổi, bàn bạc, Bên A và Bên B đã nhất trí ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng với các nội dung chi tiết như sau:

經討論，甲、乙雙方同意簽訂《廠房租賃契約》，契約內容如下：

교환 및 논의 후, 당사자 A 와 당사자 B 는 다음 세부 정보를 사용하여 공장 임대 계약에 서명하는 데 동의했습니다.

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A) : CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM 出租人 (甲方) :
ILSHINTECH VIETNAM COMPANY LIMITED**

- Trụ sở: Lô L5, KCN Trảng Dục, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam - 地址: 越南海防市安陽區洪豐公社長瑞工業區 L5 號地塊

- Mã số thuế 公司稅碼 : 0201724644

- Điện thoại 電話 : 0225 3556 660/661

- Người đại diện 合法代表人: JUNG CHAN IL

- Chức vụ 職務: Tổng Giám đốc 總經理

- Tài khoản: 700-007-336835 tại Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng. 帳戶 : 700-007-336835 新韓銀行越南有限公司 - 海防分行。

BÊN THUÊ (BÊN B) : CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG VIỆT THÀNH 承租人 (乙方) : 越成供應鏈管理有限公司

- Địa chỉ: Số 39 Khả Lễ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam 地址: 越南北寧省北寧市武強坊卡禮 39 號

- Mã số thuế 公司稅碼 : 2301228629

- Điện thoại 電話 : 0961962183

- Người đại diện 合法代表人: ZHANG RUI . Chức vụ 職務: Giám đốc 經理

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第 1 條: 合約內容

제 1 조: 계약서 내용

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê 1 phần diện tích nhà xưởng

甲方同意租賃，乙方同意租賃部分廠區

당자 A 는 당자 B 에게 공장의 일부분을 임대해준다

Diện tích thuê 租賃面積: 330 m² tại tầng 1 一樓 330 平方米

임대 면적 : 330 m² s

Mục đích thuê 出租用途: làm xưởng sản xuất hàng hóa 工廠生產商品

임대 목표: 상품 가공 공장 건설한다.

Tiền thuê hàng tháng 每月租金: 36,011,250 VND / tháng 月

(4.5 \$/m², 4.5 \$*330m²*24,250 vnd/\$)

(tỷ giá ngân hàng Shinhan 新韓銀行匯率)

Phí quản lý chung 一般管理費 : 2,000,000 VND

Tổng cộng 總共 : 38,011,250 VND / tháng 月 위에 금액이

- Đã bao gồm tiền 已包含: Nước, quản lý chung 水費, 管理費물, 일반 관리비용은 포함한다
- Chưa bao gồm 未包含 : Điện (Sẽ tính theo số thực tế phát sinh), Chi phí xử lý rác công nghiệp ,phí ăn ca , internet Chưa bao gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa, lắp đặt bổ sung

電費 (以實際產生量計算)、工業廢棄物處理費、班次費、網路費、不包括裝修、修理及額外安裝費用

- 전기요금 (실제로 사용 용량), 산업 폐기물 처리비용, 식사비용 당 포함하지안다, 인터넷, 개조, 보수, 추가 설치 비용 미포함
- Chưa bao gồm tiền thuê
- 不含增值稅 VAT 10%
- VAT 10%는 포함하지 않는다

THANH TOÁN 支付 結算

Tài khoản nhận thanh toán 接收付款的帳戶 받은자의 계좌번호

Tên tài khoản: Công ty TNHH ILshintech Việt Nam

帳戶名稱 : ILshintech Vietnam Company Limited

Tài khoản 帳號 : 700-007-336835

Tại Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng. 越南新韓銀行有限公司 - 海防分行。

Thời hạn thanh toán 付款期限 結算 기한

- Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền thuê hàng tháng cho bên A trong vòng 30 ngày sau khi sau khi nhận được đầy đủ hóa đơn và các chứng từ kèm theo
- 乙方負責在收到完整發票及隨附文件後 30 天內向甲方支付每月租金金額。
- 당사자 B 는 전체 청구서와 동봉 된 문서를 받은 후 30 일 이내에 당사자 A 에게 월 임대료를 지불 할 책임이 있습니다.

ĐIỀU 2: ĐẶT CỌC

第二條: 訂金

제 2 조: 계약금

- Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho bên A sau 05 ngày hợp đồng được ký kết. Số tiền đặt cọc không tính lãi. Số tiền đặt cọc bằng 02 lần số tiền thuê xưởng của 01 tháng : 76,022,500 VND

- 乙方須在合約簽訂後 5 天內向甲方支付訂金。 存款金額不計利息。
押金金額等於 01 個月工廠租金的 02 倍 : 76,022,500 越南盾
- 계약서는 05 일 후에 사인했으면 당사자 B 가 당사자 A 에게 보증금을 줘야 한다.
(무이자 보증금액이다). 보증금은 공장 임대 1 개월 분의 2 배(2 개월치) : 76,022,500 VND
- Bên A phải hoàn trả tiền ký gửi cho bên B trong vòng 1 tuần kể từ ngày hợp đồng chấm dứt
- 甲方必須在合約終止之日起 1 週內將訂金退還給乙方。
- A 당사자는 계약 종료일로부터 1 주일 이내에 B 당사자에게 보증금을 환불해야한다.
- Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì tiền đặt cọc sẽ được coi như khoản tiền phạt của hợp đồng và bên A không có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền đặt cọc cho bên B.
- 如果乙方在截止日期前終止合同，該押金將被視為合約罰款，甲方沒有義務將押金退還給乙方。
- 당사자 B 가 마감일 전에 계약을 종료하면 계약금은 계약의 벌금으로 간주되며 당사자 A 는 보증금을 당사자 B 에게 반환할 의무가 없다.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu có thiệt hại về vật chất trong thiết bị, số tiền tương ứng sẽ được khấu trừ vào số tiền đặt cọc sau khi có sự thỏa thuận của hai bên
- 合約期滿後，若設備出現實質損壞，經雙方協商一致，將從押金中扣除相應金額。
- 계약 만료 후 건물에 물리적인 손실이 있는 경우 해당 금액 협의 후 계약금액에서 차감된다.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

第 3 條：雙方的權利和責任

제 3 조 : 당사자의 권리 및 책임

Bên A 甲方：

- Quyền Yêu cầu bên B sử dụng nhà xưởng theo đúng mục đích như thỏa thuận hợp đồng.
- 有權要求乙方將工廠用於合約約定的正當用途。
- 당사자 B 에게 계약 계약으로 올바른 목적으로 공장을 사용하도록 요청한다
- Quyền yêu Bên B phải quản lý công nhân và nhân viên của Bên B khi làm việc tại nhà xưởng thuê này phải tuân thủ những quy định về quản lý nhân sự, việc ra vào nhà xưởng và các quy định quản lý khác do Bên A đề ra
- 有權要求乙方管理乙方在該租賃工廠工作的工人和僱員，必須遵守甲方制定的人事管理、進廠規定和其他管理規定。

- 이 고용 된 공장에서 일할 때 당사자 B 는 당사자 B 의 근로자와 직원을 관리해야 합니다. 인사 관리, 공장 출입에 관한 규정 및 당사자 A 가 정한 기타 관리 규정을 준수해야 한다.
- Quyền Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại hoặc sửa chữa phần hư hỏng do lỗi của Bên B gây ra; hoặc nhân viên của Bên B gây ra
- 因乙方過失造成的損壞，有權要求乙方賠償或修理；或乙方員工造成的
- 당사자 B 의 과실 또는 B 당사자의 직원에 의해 발생한 손상에 대한 보상 또는 수리를 당사자 B 에게 요청한다.
- Bên A có trách nhiệm bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định nhà xưởng trong thời hạn thuê
- 甲方負責保證租賃期間乙方工廠的穩定使用
- 당사자 A 는 임대 기간 동안 당사자 B 의 안정적인 공장 사용을 보장 할 책임이 있다.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ diện tích, và các dịch vụ theo qui định tại điều 1.
- 甲方負責提供第一條規定的足夠的區域和服務。
- 당사자 A 는 제 1 조에 규정 된 적절한 지역과 서비스를 제공 할 책임이 있다.
- Tòa nhà phát sinh hư hỏng mà không thuộc trách nhiệm của bên B thì trong vòng 2 ngày, bên A phải tiến hành sửa chữa .
- 如仓库发生非乙方责任的损坏，甲方须在 2 天内修复
- 건물의 손상 발생시 B 의 책임이 아닌 경우 2 일 이내 A 가 수리 한다.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ cho bên B hàng tháng
- 甲方負責每月向乙方提供完整的發票和文件
- 당사자 A 는 매월 당사자 B 에게 전체 송장 및 문서를 제공 할 책임이 있다.

Bên B 乙方 :

- Có quyền yêu cầu bên A giao nhà xưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng
- 有權要求甲方依合約約定移交工廠
- A 당사자에게 계약에 동의 한대로 공장 인도를 요청한다.
- Có quyền Yêu cầu bên A sửa chữa nhà xưởng trong trường hợp nhà xưởng bị hư hỏng không phải do lỗi của mình gây ra
- 非自身原因造成工廠損壞的，有權要求甲方修復工廠。
- B 당사자의 과실로 인한 것이 아닌 공장이 손상된 경우 A 당사자에게 공장 수리를 요청한다
- Bên B có trách nhiệm sử dụng diện tích thuê theo đúng mục đích thỏa thuận ban đầu
- 乙方負責依原約定用途使用租賃區域
- 당사자 B 는 원래 계약에 따라 임대 지역을 사용할 책임이 있다

- Sau khi hết thời hạn thuê, bên B có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của bên B trong vòng 30 ngày, trả lại nguyên trạng nhà xưởng cho bên A. Nếu bên B không di dời đúng thời hạn trên, bên A có quyền tự di dời tài sản trên mà không cần đảm bảo tính nguyên vẹn của tài sản
- 租賃期滿後，乙方負責在 30 天內搬遷乙方所有資產，並將原廠房歸還給甲方。乙方未按時搬遷的，甲方有權在不保證財產完整的情況下對上述財產進行搬遷。
- 임대 기간이 만료 된 후 당사자 B 는 30 일 이내에 당사자 B 가 소유 한 모든 자산을 제거하고 공장 상태를 당사자 A 에게 반환 할 책임이 있다. 당사자 B 가 제 시간에 재배치하지 않는 경우, 당사자 A 는 재산의 무결성을 보장하지 않고 위 재산을 제거 할 권리가 있다.
- Có trách nhiệm Sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng do lỗi của mình gây ra. Không được thay đổi, cải tạo, phá dỡ nhà xưởng nếu không có sự đồng ý của bên A.
- 負責修復因您自己的過錯造成的工廠損壞。未經甲方同意，不得對工廠進行改造、改造、拆除
- 그의 과실로 인한 작업장의 손상을 수리할 책임이 있다. A 당사자의 동의없이 작업장을 변경, 개조 또는 철거하지 않는다.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra
- 賠償乙方的過失造成的損失
- 당사자 B 에 의해 발생한 손상에 대해 당사자 A 에게 보상한다.
- Bên B sẽ thanh toán tiền cho Bên A sau 30 ngày, kể từ ngày phát hành hóa đơn, và sau khi nhận được đầy đủ chứng từ liên quan.
- 乙方將在發票開立之日起 30 天後並收到所有相關文件後向甲方付款。
- 당사자 B 는 송장 발행일로부터 30 일 후 그리고 모든 관련 문서를받은 후 당사자 A 에게 돈을 지불한다.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

第 4 條：合約期限

제 4 조: 계약 기간

- Thời hạn thuê nhà xưởng là 03 năm được tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2023 đến ngày 11 tháng 05 năm 2026. Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn
- 工廠租賃期間為 03 年，自 2023 年 12 月 12 日起至 2026 年 05 月 11 日計算。合約到期後，雙方可依實際情況協商延長。
- 공장 임대 기간은 2023 년 12 월 12 일부터 2026 년 05 월 11 일까지 3 년이다. 계약이 만료되는 경우 실제 상황에 따라 양 당사자는 연장에 동의할 수 있다.
- Trường hợp một trong hai bên ngừng hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 1 tháng

- 如果任何一方在約定期限之前終止合同，則必須至少提前 1 個月通知另一方。
- 일방 당사자가 합의 된 시간 이전에 계약을 해지하는 경우 최소 1 개월 전에 상대방에게 통보해야한다.

ĐIỀU 5: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

第 5 條：單方面終止合約履行

제 4 조 : 계약 이행의 해지

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng khi bên B có một trong các hành vi sau đây

乙方有下列行為之一的，甲方有權單方終止履行工廠租約。

당사사 A 는 당사자 B 가 다음 행위 중 하나를 저지르면 공장 임대 계약의 이행을 일방적으로 종료 할 권리가 있다:

- Thanh toán tiền thuê nhà xưởng chậm 03 tháng trở lên so với thời điểm thanh toán tiền đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của bên A. Sử dụng nhà xưởng, kho bãi không đúng mục đích thuê Có ý gây hư hỏng nghiêm trọng nhà xưởng thuê
- 未經甲方同意，比合約規定的付款時間遲付 3 個月或以上的工廠租金。將工廠或倉庫用於錯誤的租賃目的。故意造成損壞，嚴重租賃工廠。
- A 당사자의 승인없이 일정보다 3 개월이상 늦게 공장 임대료를 지불 한 경우. 공장, 창고를 부적절한 임대 목적으로 사용. 임대 공장에 고의로 심각한 피해를 입힌 경우

ĐIỀU 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第 6 條：爭議解決

제 6 조 : 분쟁 해결

- Tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này hoặc việc vi phạm hợp đồng sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, hợp tác. Nếu thương lượng không thành thì vụ việc sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền xét xử.
- -與本合約有關的爭議或違約行為將本著友好合作的精神首先透過協商解決。如果談判失敗，案件將提交給有管轄權的法院。
- 본 계약 또는 계약 위반과 관련하여 발생하는 분쟁은 먼저 친선 및 협력 협상을 통해 해결됩니다. 협상이 실패하면 관할 법원에 사건이 제기된다.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第 7 條：一般規定

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 12 năm 2023 đến ngày 11 tháng 05 năm 2026
- 本合約有效期限為 2023 年 12 月 12 日至 2026 年 05 月 11 日
- 본 계약은 2023 년 12 월 12 일부터 2026 년 15 월 11 일까지 유효한다
- Tiến hành thảo luận với bên B về các nội dung liên quan đến hợp đồng khi thời hạn hợp đồng kết thúc

- 合約到期時與乙方討論合約相關內容
- 계약기간 만기시 계약 관련하여 B 와 우선 협상한다.

Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau. Tiếng Việt sẽ được coi là ngôn ngữ chuẩn nhất trong mọi giao dịch.

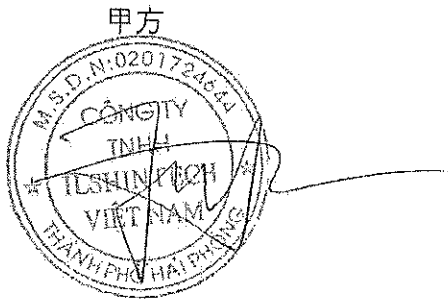
本合約一式二份，雙方各執一份，等值。越南語將被認為是所有交易中最標準的語言。

본계약은 똑 같은 법적가치를 가진 02 부로작성되며 각측은 01 부를보관 하여 시행한다.

베트남어는 모든 거래에서 가장 표준적인 기준으로 사용된다

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ZHANG RUI

TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG CHAN IL



HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ XƯỞNG

공장 임대차 계약서

Số: 202305-01/ILSHIN-VT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005- QH/XI Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

- 33/2005 베트남 사회주의 공화국 민사법에 근거 하여
- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của các bên.
- 양측의 수요 및 능력에 근거 하여

Hôm nay, ngày 12 tháng 05 năm 2023

오늘, 2023 년 05 월 12 일

Sau khi trao đổi, bàn bạc, Bên A và Bên B đã nhất trí ký kết Hợp đồng thuê nhà xưởng với các nội dung chi tiết như sau:

교환 및 논의 후, 당사자 A와 당사자 B 는 다음 세부 정보를 사용하여 공장 임대 계약에 서명하는 데 동의했습니다.

BÊN CHO THUÊ (BÊN A) : CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM

- Trụ sở: Lô L5, KCN Trảng Dục, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam
- Mã số thuế : 0201724644
- Điện thoại : 0225 3556 660/661
- Người đại diện: Ông JUNG CHAN IL - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Tài khoản: 700-007-336835 tại Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng.

BÊN THUÊ (BÊN B) : CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ CHUỐI CUNG ỨNG VIỆT THÀNH

- Địa chỉ: Số 39 Khả Lễ 1, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Mã số thuế : 2301228629
- Điện thoại : 0961962183
- Người đại diện: ông ZHANG RUI .Chức vụ: Giám đốc

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

제 1 조: 계약서 내용

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê 1 phần diện tích nhà xưởng

당자 A 는 당사 B 에게 공장의 일부분을 임대해준다

Diện tích thuê: 1,150 m² tại tầng 2

임대 면적 : 1,150 m²

Mục đích thuê: làm xưởng sản xuất hàng hóa

임대 목표: 상품 가공 공장 건설한다.

(Thời gian để bên thuê lắp đặt công xưởng là 30 ngày, trong thời gian 30 ngày này bên cho thuê không thu tiền cho thuê 공사 기간 30 일은 임대료를 받지 않는다.)

Tiền thuê hàng tháng: 122,078,250 VND / tháng (4.5 \$/m², 4.5 \$*1,150m²*23,590)

(tỷ giá ngân hàng Shinhan)

Phí quản lý chung : 2,000,000 VND

Tổng cộng : 124,078,250 VND / tháng

Số tiền trên – 위에 금액이

- Đã bao gồm tiền: Nước, bảo vệ, vệ sinh chung, quản lý chung, rác sinh hoạt -전기, 인터넷, 보안, 일반 청소, 일반 관리비용은 포함한다 .
- Chưa bao gồm : Điện (Sẽ tính theo số thực tế phát sinh), Chi phí xử lý rác công nghiệp ,phí ăn ca - 전기요금 (실제로 사용 용량) , 산업 폐기물 처리비용, 식사비용 당 포함하지안다 .
- Chưa bao gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa, lắp đặt bổ sung - 개조, 보수, 추가 설치 비용 미포함
- Chưa bao gồm tiền thuế VAT 10% - VAT 10%는 포함하지 않는다

THANH TOÁN – 결산

Tài khoản nhận thanh toán – 받은자의 계좌번호 :

Tên tài khoản: Công ty TNHH ILshintech Việt Nam

Tài khoản : 700-007-336835

Tại Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng.

Thời hạn thanh toán – 결산 기한

- Bên B có trách nhiệm thanh toán số tiền thuê hàng tháng cho bên A trong vòng 30 ngày sau khi nhận được đầy đủ hóa đơn và các chứng từ kèm theo
- 당사자 B 는 전체 청구서와 동봉 된 문서를 받은 후 30 일 이내에 당사자 A 에게 월 임대료를 지불 할 책임이 있습니다.

ĐIỀU 2: ĐẶT CỌC

제 2 조: 계약금

- Bên B phải thanh toán tiền đặt cọc cho bên A sau 05 ngày hợp đồng được ký kết. Số tiền đặt cọc không tính lãi. Số tiền đặt cọc bằng 02 lần số tiền thuê xưởng của 01 tháng : 248,156,500 VND - 계약서는 05 일 후에 사인했으면 당사자 B 가 당사자 A 에게 보증금을 줘야 한다. (무이자 보증금액이다). 보증금은 공장 임대 1 개월 분의 2 배(2 개월치) : 248,156,500 VND
- Bên A phải hoàn trả tiền ký gửi cho bên B trong vòng 1 tuần kể từ ngày hợp đồng chấm dứt. - A 당사자는 계약 종료일로부터 1 주일 이내에 B 당사자에게 보증금을 환불해야한다.
- Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì tiền đặt cọc sẽ được coi như khoản tiền phạt của hợp đồng và bên A không có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền đặt cọc cho bên B- 당사자 B 가 마감일 전에 계약을 종료하면 계약금은 계약의 벌금으로 간주되며 당사자 A 는 보증금을 당사자 B 에게 반환할 의무가 없다.
- Sau khi hết hạn hợp đồng, nếu có thiệt hại về vật chất trong thiết bị, số tiền tương ứng sẽ được khấu trừ vào số tiền đặt cọc sau khi có sự thỏa thuận của hai bên - 계약 만료 후 건물에 물리적인 손실이 있는 경우 해당 금액 협의 후 계약금액에서 차감된다.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

제 2 조 : 당사자의 권리 및 책임

Bên A – A 당사자 :

- Quyền Yêu cầu bên B sử dụng nhà xưởng theo đúng mục đích như thỏa thuận hợp đồng. - 당사자 B 에게 계약 계약으로 올바른 목적으로 공장을 사용하도록 요청한다 .
- Quyền yêu Bên B phải quản lý công nhân và nhân viên của Bên B khi làm việc tại nhà xưởng thuê này phải tuân thủ những qui định về quản lý nhân sự, việc ra vào nhà xưởng và các qui định quản lý khác do Bên A đề ra - 이 고용 된 공장에서 일할 때 당사자 B 는 당사자 B 의 근로자와 직원을 관리해야합니다. 인사 관리, 공장 출입에 관한 규정 및 당사자 A 가 정한 기타 관리 규정을 준수해야한다 .
- Quyền Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại hoặc sửa chữa phần hư hỏng do lỗi của Bên B gây ra; hoặc nhân viên của Bên B gây ra -당사자 B 의 과실 또는 B 당사자의 직원에 의해 발생한 손상에 대한 보상 또는 수리를 당사자 B 에게 요청한다 .
- Bên A có trách nhiệm bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định nhà xưởng trong thời hạn thuê - 당사자 A 는 임대 기간 동안 당사자 B 의 안정적인 공장 사용을 보장 할 책임이 있다.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ diện tích, và các dịch vụ theo qui định tại điều 1. - 당사자 A 는 제 1 조에 규정 된 적절한 지역과 서비스를 제공 할 책임이 있다.
- Tòa nhà phát sinh hư hỏng mà không thuộc trách nhiệm của bên B thì trong vòng 2 ngày, bên A phải tiến hành sửa chữa - 건물의 손상 발생시 B 의 책임이 아닌 경우 2 일 이내 A 가 수리 한다.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ cho bên B hàng tháng - 당사자 A 는 매월 당사자 B 에게 전체 송장 및 문서를 제공 할 책임이 있다.

Bên B – B 당사자 :

- Có quyền yêu cầu bên A giao nhà xưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng - A 당사자에게 계약에 동의 한대로 공장 인도를 요청한다.
- Có quyền Yêu cầu bên A sửa chữa nhà xưởng trong trường hợp nhà xưởng bị hư hỏng không phải do lỗi của mình gây ra - B 당사자의 과실로 인한 것이 아닌 공장이 손상된 경우 A 당사자에게 공장 수리를 요청한다.
- Bên B có trách nhiệm sử dụng diện tích thuê theo đúng mục đích thỏa thuận ban đầu - 당사자 B 는 원래 계약에 따라 임대 지역을 사용할 책임이 있다.
- Sau khi hết thời hạn thuê , bên B có trách nhiệm di dời toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của bên B trong vòng 30 ngày , trả lại nguyên trạng nhà xưởng cho bên A . Nếu bên B

không di dời đúng thời hạn trên, bên A có quyền tự di dời tài sản trên mà không cần đảm bảo tính nguyên vẹn của tài sản - 임대 기간이 만료 된 후 당사자 B 는 30 일 이내에 당사자 B 가 소유 한 모든 자산을 제거하고 공장 상태를 당사자 A 에게 반환 할 책임이 있다. 당사자 B 가 제 시간에 재배치하지 않는 경우, 당사자 A 는 재산의 무결성을 보장하지 않고 위 재산을 제거 할 권리가 있다.

- Có trách nhiệm Sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng do lỗi của mình gây ra - 그의 과실로 인한 작업장의 손상을 수리할 책임이 있다.
- Không được thay đổi, cải tạo, phá dỡ nhà xưởng nếu không có sự đồng ý của bên A - A 당사자의 동의없이 작업장을 변경, 개조 또는 철거하지 않는다.
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra - 당사자 B 에 의해 발생한 손상에 대해 당사자 A 에게 보상한다.
- Bên B sẽ thanh toán tiền cho Bên A sau 30 ngày , kể từ ngày phát hành hóa đơn, và sau khi nhận được đầy đủ chứng từ liên quan. -당사자 B 는 송장 발행일로부터 30 일 후 그리고 모든 관련 문서를받은 후 당사자 A 에게 돈을 지불한다 .

ĐIỀU 3: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

제 3 조: 계약 기간

- Thời hạn thuê nhà xưởng là 03 năm được tính từ ngày 12 tháng 05 năm 2023 đến ngày 11 tháng 05 năm 2026- 공장 임대 기간은 2023 년 05 월 12 일부터 2026 년 05 월 11 일까지 3 년이다.
- Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn- 계약이 만료되는 경우 실제 상황에 따라 양 당사자는 연장에 동의할 수 있다.
- Trường hợp một trong hai bên ngừng hợp đồng trước thời hạn đã thỏa thuận thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 1 tháng- 일방 당사자가 합의 된 시간 이전에 계약을 해지하는 경우 최소 1 개월 전에 상대방에게 통보해야한다.

ĐIỀU 4: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

제 4 조 : 계약 이행의 해지

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thuê nhà xưởng khi bên B có một trong các hành vi sau đây- 당사자 A 는 당사자 B 가 다음 행위 중 하나를 저지르면 공장 임대 계약의 이행을 일방적으로 종료 할 권리가 있다:

- Thanh toán tiền thuê nhà xưởng chậm 03 tháng trở lên so với thời điểm thanh toán tiền đã ghi trong hợp đồng mà không được sự chấp thuận của bên A - A 당사자의 승인없이 일정보다 3 개월이상 늦게 공장 임대료를 지불 한 경우.

- Sử dụng nhà xưởng, kho bãi không đúng mục đích thuê - 공장, 창고를 부적절한 임대 목적으로 사용
- Cố ý gây hư hỏng nghiêm trọng nhà xưởng thuê - 임대 공장에 고의로 심각한 피해를 입힌 경우

ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

제 5 조 : 분쟁 해결

- Tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng này hoặc việc vi phạm hợp đồng sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, hợp tác. Nếu thương lượng không thành thì vụ việc sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền xét xử. - 본 계약 또는 계약 위반과 관련하여 발생하는 분쟁은 먼저 친선 및 협력 협상을 통해 해결됩니다. 협상이 실패하면 관할 법원에 사건이 제기된다.

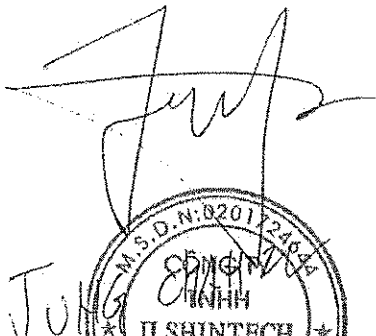
ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

제 6 조 : 일반 조항

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 05 năm 2023 đến ngày 11 tháng 05 năm 2026
- 본 계약은 2023 년 05 월 12 일부터 2026 년 05 월 11 일까지 유효한다.
- Tiến hành thảo luận với bên B về các nội dung liên quan đến hợp đồng khi thời hạn hợp đồng kết thúc - 계약기간 만기시 계약 관련하여 B 와 우선 협상한다.

Hợp đồng được lập thành 02 (Hai) bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau. 본계약은 똑 같은 법적가치를 가진 02 부로작성되며각측은 01 부를보관 하여 시행한다.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
JUNG CHAN IL

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ZHANG RUI

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC)

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Tại công trình: Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2).

Phạm vi nghiệm thu: Toàn bộ công trình. -> Khu vực trục (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 chuyển đổi công năng từ sản xuất thành kho.

Địa chỉ: Lô L5, khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Lần kiểm tra: 01.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng - Trưởng đoàn kiểm tra;

- Ông Phạm Anh Đức; Cấp bậc: Thiếu tá; Chức vụ: Phó đội trưởng;

- Ông Nguyễn Xuân Anh; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ;

- Bà Hoàng Thị Nhân; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2) theo đề nghị của chủ đầu tư tại văn bản số 15/CV ghi ngày 28/9/2023 và kế hoạch kiểm tra của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

- Ông Jung Chan Il; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Bà Đỗ Thị Thái; Chức vụ: Phiên dịch.

2. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Sao Vàng Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Triều Dương; Chức vụ: Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty TNHH giải pháp công nghệ Duy Phú.

- Ông Vũ Duy Sĩ; Chức vụ: Giám đốc.

- Ông Nguyễn Tuấn Long; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

4. Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH PNS E&C.

- Ông Jang Jae Ho; Chức vụ: Giám đốc.

- Ông Phạm Cao Sơn; Chức vụ: Chỉ huy trưởng.



5. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH xây dựng và thương mại DL&H.

- Ông Nguyễn Khắc Lực; Chức vụ: Giám đốc điều hành.

- Ông Nguyễn Văn Hưng; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG.

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô công trình:

- Tổng diện tích khu đất là 10.178m² bao gồm:

+ Hạng mục hiện trạng đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC: Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m²; Nhà xưởng + văn phòng xây 01 tầng, 2.945m² và các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà để xe, phòng bơm, cây xanh, đường giao thông). Nhà kho xây 01 tầng, 72m².

+ Hạng mục cải tạo: Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m².

+ Nội dung cải tạo: Khu vực trục (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 chuyển đổi công năng từ sản xuất thành kho.

- Tính chất hoạt động: Công trình phục vụ sản xuất linh kiện điện tử.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1 Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đảm bảo số lượng, thành phần quy định tại điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn,...đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra đánh giá về công tác PCCC của công trình: Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2).



II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao các giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm duyệt của cơ quan Cảnh sát PCCC:

* Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 472/TD-PCCC ngày 28/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an TP Hải Phòng đối với công trình “Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2)” với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- + Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C);
- + Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- + Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức);
- + Giải pháp thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động;
- + Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler với chiều cao sắp xếp hàng hoá từ 3m đến 4m, hệ thống chữa cháy trong nhà và sử dụng hiện trạng hệ thống chữa cháy ngoài nhà);
- + Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC;
- + Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.
- + Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay hiện trạng, dụng cụ phá dỡ thô sơ);

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình:

+ Biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 2237/BBKD-TT2 ngày 30/9/2023 đối với ống gió hệ ống hở - ống loại B (EI45) của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật phòng cháy chữa cháy - Trường Đại học phòng cháy chữa cháy.

+ Số 1608/KĐ-PCCC-P7 ngày 25/4/2023 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

+ Số 3025/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/6/2021 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với đầu phun chữa cháy.

+ Số 3177/KĐ-PCCC-P7 ngày 01/8/2023 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với vách panel ngăn cháy EI45.

+ Số 2056/KĐ-PCCC-P7 ngày 30/5/2023 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với đầu báo cháy, chuông, còi, nút ấn báo cháy.

+ Công bố kết quả thử nghiệm số 0479-2023/TNCL ngày 11/7/2023 của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật phòng cháy chữa cháy - Trường Đại học phòng cháy chữa cháy.

+ Số 3586/KĐ-PCCC-P7 ngày 14/7/2022 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với ống mềm bằng kim loại kết nối đầu phun chữa cháy Sprinkler.

- Các Biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống PCCC: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC và các hệ thống liên quan đến PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC:

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 31/GXN-PCCC ngày 28/6/2018 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH giải pháp công nghệ Duy Phú (đơn vị tư vấn giám sát).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 29/GXN-PCCC ngày 03/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại DL&H (đơn vị thi công hệ thống PCCC).

Nhận xét, đánh giá: Hồ sơ đáp ứng được thành phần theo quy định.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC.

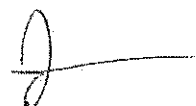
Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC tại công trình.

3.1. Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ:

- Bố trí công năng: Khu vực trục (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 của Nhà xưởng bố trí công năng sử dụng là kho.

- Hạng nguy hiểm cháy nổ:

+ Công trình phục vụ sản xuất linh kiện điện tử: hạng nguy hiểm cháy nổ Hạng C;



* Kiểm tra bố trí công năng tại các khu vực.

Nhận xét, đánh giá: Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.2. Về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

* Diện tích khoang cháy:

- Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m². Nhà có bậc III chịu lửa. Hạng nguy hiểm cháy nổ Hạng C. Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 của Nhà xưởng bố trí công năng sử dụng là kho.

* Ngăn cách giữa các khu vực có công năng khác nhau:

- Tại tầng 1: Khu vực kho trực (X1-X4; Y3A-Y5) ngăn cách với khu vực sản xuất bằng vách panel chống cháy EI45 cao tới sàn tầng 2.

- Đường dây, cáp điện đi xuyên qua tường được chèn bịt kín.

* Kiểm tra giải pháp ngăn cháy giữa các khu vực có công năng khác nhau, diện tích khoang cháy của các hạng mục công trình.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.3. Về giải pháp thoát nạn:

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có số lượng người làm việc 05 người trong 1 ca, có 01 cửa (loại cửa bản lề, mở xuôi theo chiều thoát nạn) thoát trực tiếp ra ngoài nhà.

* Kiểm tra vị trí, số lượng, khoảng cách thoát nạn, chiều rộng, chiều cao, hướng cửa trên đường thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp thoát nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.4. Về giải pháp chống tụ khói:

- Công ty lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng với 01 quạt có $Q = 20.000\text{m}^3/\text{h}$.

+ Đường ống hút khói đảm bảo EI45.

+ Khi có cháy, các cửa hút khói được điều khiển bằng 2 cách: nút ấn bật tắt và tín hiệu báo cháy.

+ Cửa hút khói bố trí cách tường không quá 15m. Cửa thải khói bố trí trên tường nhà, thải khói trực tiếp ra ngoài, cách mặt đất trên 2m.

- Công ty có lắp đặt hệ thống cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên qua ô cửa để bù lại khối tích khói đã bị hút. Tổng diện tích của các lỗ cửa mở đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6m/s.

* Kiểm tra: Chung loại, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật của quạt (lưu lượng, cột áp); Khoảng cách lắp đặt giữa các miệng hút khói, lắp đặt van chặn lửa; Kiểm tra khả năng hút khói, cấp bù không khí tại Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng; Điều khiển hệ thống (các chế độ tự động từ đầu báo và bằng tay tại nút ấn báo cháy).

Nhân xét, đánh giá: Giải pháp chống tụ khói được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.5. Về hệ thống báo cháy tự động:

- Trung tâm báo cháy 10 kênh (hiện trạng, đã được nghiệm thu về PCCC) được đặt tại nhà bảo vệ (nơi có người thường trực 24/24h). Trung tâm báo cháy được nối đất an toàn.

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng lắp đặt đầu báo cháy khói. Các đầu báo cháy khói được lắp đặt dưới trần giả.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 0,75 \text{ mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,5m.

* Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Kiểm tra thi công lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, đầu báo cháy, tủ trung tâm báo cháy;

+ Kiểm tra dây tín hiệu của hệ thống báo cháy;

+ Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy (nút ấn, đầu báo cháy...).

Nhân xét, đánh giá: Hệ thống báo cháy tự động đã được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6. Về hệ thống cấp nước chữa cháy:

3.6.1 Trạm bơm chữa cháy (đã được nghiệm thu về PCCC).

- Hệ thống cấp nước chữa cháy kết nối tới trạm bơm chữa cháy hiện trạng (đã được nghiệm thu về PCCC) gồm 01 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện có $Q = 410 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 60 \text{ mcn}$; 01 máy bơm dự phòng động cơ Diesel $Q = 410 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 60 \text{ mcn}$; 01 máy bơm bù áp động cơ điện có $Q = 40-170 \text{ l/phút}$, cột áp $H = 96,1-43 \text{ mcn}$; 01 bình tích áp loại 300 lít.

- Các máy bơm chữa cháy được bố trí tại phòng bơm riêng biệt. Đã niêm yết quy trình vận hành hệ thống cấp nước chữa cháy.

* Kiểm tra, thử nghiệm tại trạm bơm: Chứng loại, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật (lưu lượng, cột áp, công suất), tình trạng hoạt động máy bơm chữa cháy, tủ điều khiển bơm; Kiểm tra vị trí, lắp đặt trạm bơm chữa cháy.

Nhân xét, đánh giá: Trạm bơm giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.2. Nguồn nước phục vụ chữa cháy (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Bể nước ngầm chữa cháy 400m³, có bố trí miệng bể để xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước được.

* Kiểm tra số lượng, vị trí, khối tích, khả năng tiếp cận để xe chữa cháy lấy nước phục vụ công tác chữa cháy.

Nhân xét, đánh giá: Nguồn nước phục vụ chữa cháy giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC.

3.6.3. Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước là đường ống thép có đường kính D100.

- Đầu phun chữa cháy là đầu quay xuống, khoảng cách giữa các đầu phun, khoảng cách từ đầu phun tới mặt phẳng trần mái đảm bảo theo quy định.

* Kiểm tra: Công tắc dòng chảy, van chặn tầng; Hệ thống chữa cháy sprinkler tại tầng bất kỳ (vị trí, số lượng, chủng loại đầu phun; thử hoạt động của đầu phun sprinkler).

Nhân xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.4. Hệ thống chữa cháy trong nhà (đã được nghiệm thu về PCCC):

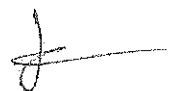
- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có lắp đặt họng nước chữa cháy vách tường (họng đơn D50) và 01 trụ tiếp nước chữa cháy hiện trạng để chữa cháy trong nhà.

- Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào; nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vòi D50, 01 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường là đường ống thép có đường kính D100.

- Tâm của họng vách tường cách sàn thao tác 1,25m.



* Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (vị trí, số lượng phương tiện tại hộp; thử khả năng làm việc) tại vị trí bất kỳ;

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy trong nhà giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.5. Hệ thống chữa cháy ngoài nhà (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Nhà máy có lắp đặt 06 trụ chữa cháy kép (2 cửa D65), kèm lăng vòi đồng bộ.
- Cách công trình <150m có trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (vị trí, số lượng; thử khả năng làm việc của trụ nước ngoài nhà).

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.7. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC:

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho hệ thống liên quan đến PCCC như: Hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, hệ thống hút khói. Nguồn cấp điện cho máy bơm, hệ thống hút khói là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực và máy phát điện dự phòng có công suất 15 KVA.

- Tủ điện được nối đất an toàn.
- Dây điện được luồn trong ống bảo vệ và đi trên thang cáp.

* Kiểm tra nguồn điện cấp đến các hệ thống PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.8. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Bên trong Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Kiểm tra vị trí, số lượng, thử khả năng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn đã được thi công theo thiết kế được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.9. Phương tiện chữa cháy xách tay (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có 03 bình chữa cháy hiện trạng trong đó, 02 bình chữa cháy bình bột ABC loại 4 kg, 01 bình khí CO₂ loại 3 kg, các bình bố trí phân tán, đảm bảo khoảng cách theo quy định.

- Tại phòng bảo vệ có trang bị 01 bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ hiện trạng.

* Kiểm tra vị trí, số lượng, chủng loại, tình trạng bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Nhận xét, đánh giá: Phương tiện chữa cháy xách tay giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và đảm bảo theo quy định.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ YÊU CẦU:

1. Nhận xét, đánh giá:

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Chủ đầu tư liên hệ với Bộ phận một cửa của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng để nhận văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Yêu cầu:

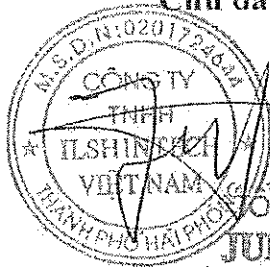
- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.



Biên bản được lập xong hồi 17 giờ 30 phút, cùng ngày gồm 10 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

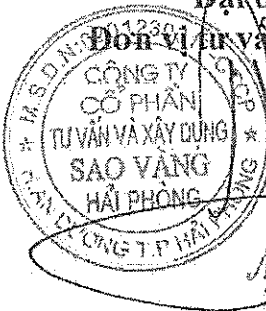
**Đại diện
Chủ đầu tư**



**TRƯỞNG PHÒNG
ĐẠI TÁ HOÀNG VĂN BÌNH**

Đại diện

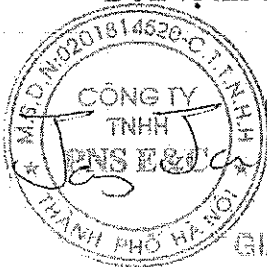
Đơn vị tư vấn giám sát



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Triều Dương

**Đại diện
Đơn vị thi công**



**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
JANG JAE HO**

**Đại diện
Đoàn kiểm tra**

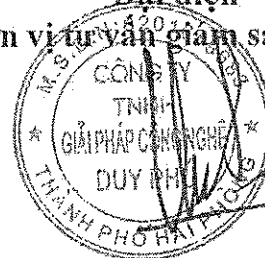


TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Hoàng Văn Bình

Đại diện

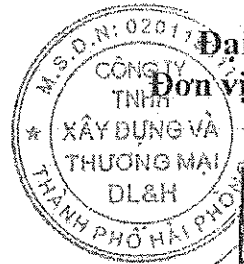
Đơn vị tư vấn giám sát PCCC



GIÁM ĐỐC

Vũ Duy Sĩ

**Đại diện
Đơn vị thi công**



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Khắc Lực

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1/ĐT Quyền số: số chứng thực bản sao từ bản chính-SCTĐT/BS-SCTĐT/BS

Ngày 12 tháng 01 năm 2024



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Dũng

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC)

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Tại công trình: Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2).

Phạm vi nghiệm thu: Toàn bộ công trình.-> Khu vực trục (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 chuyển đổi công năng từ sản xuất thành kho.

Địa chỉ: Lô L5, khu công nghiệp Trảng Duệ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Lần kiểm tra: 01.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng - Trưởng đoàn kiểm tra;

- Ông Phạm Anh Đức; Cấp bậc: Thiếu tá; Chức vụ: Phó đội trưởng;

- Ông Nguyễn Xuân Anh; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ;

- Bà Hoàng Thị Nhân; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2) theo đề nghị của chủ đầu tư tại văn bản số 15/CV ghi ngày 28/9/2023 và kế hoạch kiểm tra của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH.

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

- Ông Jung Chan Il; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Bà Đỗ Thị Thái; Chức vụ: Phiên dịch.

2. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Sao Vàng Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Triều Dương; Chức vụ: Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát PCCC: Công ty TNHH giải pháp công nghệ Duy Phú.

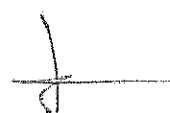
- Ông Vũ Duy Sĩ; Chức vụ: Giám đốc.

- Ông Nguyễn Tuấn Long; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

4. Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH PNS E&C.

- Ông Jang Jae Ho; Chức vụ: Giám đốc.

- Ông Phạm Cao Sơn; Chức vụ: Chỉ huy trưởng.



5. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH xây dựng và thương mại DL&H.

- Ông Nguyễn Khắc Lực; Chức vụ: Giám đốc điều hành.

- Ông Nguyễn Văn Hưng; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG.

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô công trình:

- Tổng diện tích khu đất là 10.178m² bao gồm:

+ Hạng mục hiện trạng đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC: Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m²; Nhà xưởng + văn phòng xây 01 tầng, 2.945m² và các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà để xe, phòng bơm, cây xanh, đường giao thông). Nhà kho xây 01 tầng, 72m².

+ Hạng mục cải tạo: Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m².

+ Nội dung cải tạo: Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 chuyển đổi công năng từ sản xuất thành kho.

- Tính chất hoạt động: Công trình phục vụ sản xuất linh kiện điện tử.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1 Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đảm bảo số lượng, thành phần quy định tại điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Đã đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn,...đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra đánh giá về công tác PCCC của công trình: Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2).



II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao các giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm duyệt của cơ quan Cảnh sát PCCC;

* Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 472/TĐ-PCCC ngày 28/9/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an TP Hải Phòng đối với công trình “Ilshintech Việt Nam (hạng mục nhà xưởng 2)” với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- + Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (Hạng C);
- + Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- + Giải pháp chống tụ khói (hút khói cưỡng bức);
- + Giải pháp thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động;
- + Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler với chiều cao sắp xếp hàng hoá từ 3m đến 4m, hệ thống chữa cháy trong nhà và sử dụng hiện trạng hệ thống chữa cháy ngoài nhà);
- + Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC;
- + Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.
- + Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay hiện trạng, dụng cụ phá dỡ thô sơ);

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình:

+ Biên bản kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 2237/BBKD-TT2 ngày 30/9/2023 đối với ống gió hệ ống hở - ống loại B (EI45) của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật phòng cháy chữa cháy - Trường Đại học phòng cháy chữa cháy.

+ Số 1608/KĐ-PCCC-P7 ngày 25/4/2023 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

+ Số 3025/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/6/2021 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với đầu phun chữa cháy.

+ Số 3177/KĐ-PCCC-P7 ngày 01/8/2023 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với vách panel ngăn cháy EI45.

+ Số 2056/KĐ-PCCC-P7 ngày 30/5/2023 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với đầu báo cháy, chuông, còi, nút ấn báo cháy.



+ Công bố kết quả thử nghiệm số 0479-2023/TNCL ngày 11/7/2023 của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật phòng cháy chữa cháy - Trường Đại học phòng cháy chữa cháy.

+ Số 3586/KĐ-PCCC-P7 ngày 14/7/2022 do Cục Cảnh sát PCCC & CNCH cấp đối với ống mềm bằng kim loại kết nối đầu phun chữa cháy Sprinkler.

- Các Biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống PCCC: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC và các hệ thống liên quan đến PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC:

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 31/GXN-PCCC ngày 28/6/2018 của Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH giải pháp công nghệ Duy Phú (đơn vị tư vấn giám sát).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 29/GXN-PCCC ngày 03/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại DL&H (đơn vị thi công hệ thống PCCC).

Nhận xét, đánh giá: Hồ sơ đáp ứng được thành phần theo quy định.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC.

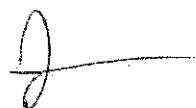
Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC tại công trình.

3.1. Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ:

- Bố trí công năng: Khu vực trục (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 của Nhà xưởng bố trí công năng sử dụng là kho.

- Hạng nguy hiểm cháy nổ:

+ Công trình phục vụ sản xuất linh kiện điện tử: hạng nguy hiểm cháy nổ Hạng C;



* Kiểm tra bố trí công năng tại các khu vực.

Nhận xét, đánh giá: Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.2. Về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

* Diện tích khoang cháy:

- Nhà xưởng xây 02 tầng, 2.037m². Nhà có bậc III chịu lửa. Hạng nguy hiểm cháy nổ Hạng C. Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) diện tích 300m² tại tầng 1 của Nhà xưởng bố trí công năng sử dụng là kho.

* Ngăn cách giữa các khu vực có công năng khác nhau:

- Tại tầng 1: Khu vực kho trực (X1-X4; Y3A-Y5) ngăn cách với khu vực sản xuất bằng vách panel chống cháy EI45 cao tới sàn tầng 2.

- Đường dây, cáp điện đi xuyên qua tường được chèn bịt kín.

* Kiểm tra giải pháp ngăn cháy giữa các khu vực có công năng khác nhau, diện tích khoang cháy của các hạng mục công trình.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.3. Về giải pháp thoát nạn:

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có số lượng người làm việc 05 người trong 1 ca, có 01 cửa (loại cửa bản lề, mở xuôi theo chiều thoát nạn) thoát trực tiếp ra ngoài nhà.

* Kiểm tra vị trí, số lượng, khoảng cách thoát nạn, chiều rộng, chiều cao, hướng cửa trên đường thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp thoát nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.4. Về giải pháp chống tụ khói:

- Công ty lắp đặt hệ thống hút khói cưỡng bức cho Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng với 01 quạt có $Q = 20.000\text{m}^3/\text{h}$.

+ Đường ống hút khói đảm bảo EI45.

+ Khí có cháy, các cửa hút khói được điều khiển bằng 2 cách: nút ấn bật tắt và tín hiệu báo cháy.

+ Cửa hút khói bố trí cách tường không quá 15m. Cửa thải khói bố trí trên tường nhà, thải khói trực tiếp ra ngoài, cách mặt đất trên 2m.

- Công ty có lắp đặt hệ thống cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên qua ô cửa để bù lại khối tích khói đã bị hút. Tổng diện tích của các lỗ cửa mở đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6m/s.

* Kiểm tra: Chứng loại, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật của quạt (lưu lượng, cột áp); Khoảng cách lắp đặt giữa các miệng hút khói, lắp đặt van chặn lửa; Kiểm tra khả năng hút khói, cấp bù không khí tại Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng; Điều khiển hệ thống (các chế độ tự động từ đầu báo và bằng tay tại nút ấn báo cháy).

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp chống tụ khói được thi công đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.5. Về hệ thống báo cháy tự động:

- Trung tâm báo cháy 10 kênh (hiện trạng, đã được nghiệm thu về PCCC) được đặt tại nhà bảo vệ (nơi có người thường trực 24/24h). Trung tâm báo cháy được nối đất an toàn.

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng lắp đặt đầu báo cháy khói. Các đầu báo cháy khói được lắp đặt dưới trần giả.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 0,75 \text{ mm}^2$, được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tầm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,5m.

* Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Kiểm tra thi công lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, đầu báo cháy, tủ trung tâm báo cháy;

+ Kiểm tra dây tín hiệu của hệ thống báo cháy;

+ Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy (nút ấn, đầu báo cháy...).

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống báo cháy tự động đã được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6. Về hệ thống cấp nước chữa cháy:

3.6.1 Trạm bơm chữa cháy (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Hệ thống cấp nước chữa cháy kết nối tới trạm bơm chữa cháy hiện trạng (đã được nghiệm thu về PCCC) gồm 01 máy bơm chữa cháy chính động cơ điện có $Q = 410 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 60 \text{ mcn}$; 01 máy bơm dự phòng động cơ Diesel $Q = 410 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 60 \text{ mcn}$; 01 máy bơm bù áp động cơ điện có $Q = 40-170 \text{ l/phút}$, cột áp $H = 96,1-43 \text{ mcn}$; 01 bình tích áp loại 300 lít.

- Các máy bơm chữa cháy được bố trí tại phòng bơm riêng biệt. Đã niêm yết quy trình vận hành hệ thống cấp nước chữa cháy.

* Kiểm tra, thử nghiệm tại trạm bơm: Chứng loại, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật (lưu lượng, cột áp, công suất), tình trạng hoạt động máy bơm chữa cháy, tủ điều khiển bơm; Kiểm tra vị trí, lắp đặt trạm bơm chữa cháy.

Nhận xét, đánh giá: Trạm bơm giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.2. Nguồn nước phục vụ chữa cháy (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Bể nước ngầm chữa cháy 400m³, có bố trí miệng bể để xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước được.

* Kiểm tra số lượng, vị trí, khối tích, khả năng tiếp cận để xe chữa cháy lấy nước phục vụ công tác chữa cháy.

Nhận xét, đánh giá: Nguồn nước phục vụ chữa cháy giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC.

3.6.3. Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước.

- Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước cho Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng.

- Đường ống cấp nước chính cho hệ thống chữa cháy tự động sprinkler bằng nước là đường ống thép có đường kính D100.

- Đầu phun chữa cháy là đầu quay xuống, khoảng cách giữa các đầu phun, khoảng cách từ đầu phun tới mặt phẳng trần mái đảm bảo theo quy định.

* Kiểm tra: Công tắc dòng chảy, van chặn tầng; Hệ thống chữa cháy sprinkler tại tầng bất kỳ (vị trí, số lượng, chủng loại đầu phun; thử hoạt động của đầu phun sprinkler).

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.4. Hệ thống chữa cháy trong nhà (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có lắp đặt hòng nước chữa cháy vách tường (hòng đơn D50) và 01 trụ tiếp nước chữa cháy hiện trạng để chữa cháy trong nhà.

- Các hòng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào; nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các hòng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vòi D50, 01 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống hòng nước chữa cháy vách tường là đường ống thép có đường kính D100.

- Tâm của hòng vách tường cách sàn thao tác 1,25m.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (vị trí, số lượng phương tiện tại hộp; thử khả năng làm việc) tại vị trí bất kỳ;

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy trong nhà giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.6.5. Hệ thống chữa cháy ngoài nhà (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Nhà máy có lắp đặt 06 trụ chữa cháy kép (2 cửa D65), kèm lăng vòi đồng bộ.
- Cách công trình <150m có trụ nước chữa cháy của khu công nghiệp.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà (vị trí, số lượng; thử khả năng làm việc của trụ nước ngoài nhà).

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy ngoài nhà giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.7. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC:

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện của khu vực qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho hệ thống liên quan đến PCCC như: Hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, hệ thống hút khói. Nguồn cấp điện cho máy bơm, hệ thống hút khói là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực và máy phát điện dự phòng có công suất 15 KVA.

- Tủ điện được nối đất an toàn.
- Dây điện được luồn trong ống bảo vệ và đi trên thang cáp.

* Kiểm tra nguồn điện cấp đến các hệ thống PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.8. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Bên trong Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Kiểm tra vị trí, số lượng, thử khả năng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn đã được thi công theo thiết kế được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.9. Phương tiện chữa cháy xách tay (đã được nghiệm thu về PCCC):

- Khu vực trực (X1-X4; Y3A-Y5) tại tầng 1 của nhà xưởng có 03 bình chữa cháy hiện trạng trong đó, 02 bình chữa cháy bình bột ABC loại 4 kg, 01 bình khí CO₂ loại 3 kg, các bình bố trí phân tán, đảm bảo khoảng cách theo quy định.



- Tại phòng bảo vệ cở trang bị 01 bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ hiện trạng.

* Kiểm tra vị trí, số lượng, chủng loại, tình trạng bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ.

Nhận xét, đánh giá: Phương tiện chữa cháy xách tay giữ nguyên theo thiết kế đã được nghiệm thu về PCCC và đảm bảo theo quy định.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ YÊU CẦU:

1. Nhận xét, đánh giá:

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Chủ đầu tư liên hệ với Bộ phận một cửa của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng để nhận văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Yêu cầu:

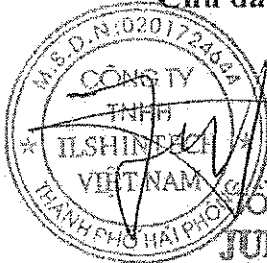
- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.



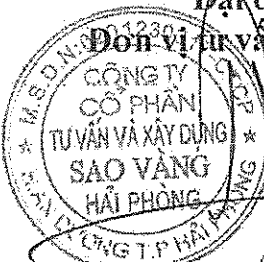
Biên bản được lập xong hồi 17 giờ 30 phút, cùng ngày gồm 10 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**Đại diện
Chủ đầu tư**



**TRƯỞNG PHÒNG
Đại tá Hoàng Văn Bình**

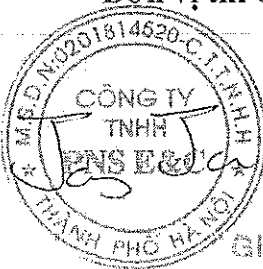
**Đại diện
Đơn vị tư vấn giám sát**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Triều Dương

**Đại diện
Đơn vị thi công**



**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR
JANG JAE HO**

**Đại diện
Đoàn kiểm tra**

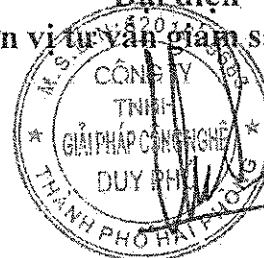


TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Hoàng Văn Bình

Đại diện

Đơn vị tư vấn giám sát PCCC



GIÁM ĐỐC

Vũ Duy Sĩ

**Đại diện
Đơn vị thi công**



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Khắc Lực

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1/ĐT Quyền số: số chứng thực bản sao từ bản chính-SCTĐT/BS-SCTĐT/BS

Ngày 12 tháng 01 năm 2024



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Đăng

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (PCCC)

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Tại công trình: Cải tạo tầng 2 nhà xưởng dự án Ilshintech Việt Nam - Giai đoạn 2.

Phạm vi nghiệm thu: Toàn bộ công trình.

Địa chỉ: Lô 5, Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Lần kiểm tra: 01

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng:

- Ông Hoàng Văn Bình; Cấp bậc: Đại tá; Chức vụ: Trưởng phòng;
- Ông Phạm Anh Đức; Cấp bậc: Thiếu tá; Chức vụ: Phó đội trưởng;
- Ông Vương Duy Khánh; Cấp bậc: Đại úy; Chức vụ: Cán bộ;
- Ông Đoàn Duy Long; Cấp bậc: Trung úy; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình “Cải tạo tầng 2 nhà xưởng dự án Ilshintech Việt Nam - Giai đoạn 2” theo đề nghị của chủ đầu tư tại văn bản số 18/CV-NT ngày 12/12/2023 và kế hoạch kiểm tra ngày 17/01/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH.

1. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam.

- Ông Jung Chan IL; Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- Bà Đỗ Thị Thái; Chức vụ: Phiên dịch.

2. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty cổ TNHH kỹ thuật Minh Hưng.

- Ông Cui YanZhe; Chức vụ: Giám đốc.

3. Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty cổ phần dịch vụ phòng cháy chữa cháy Hải Đăng.

- Ông Nguyễn Đức Chung; Chức vụ: Giám đốc.

4. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Thanh Sơn.

- Bà Trần Thanh Thảo; Chức vụ: Giám đốc.

5. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Minh Tuấn.



- Ông Nguyễn Văn Tuấn; Chức vụ: Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC THI CÔNG.

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1. Quy mô công trình:

- Các hạng mục hiện trạng đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC: Nhà xưởng (kí hiệu số 1 trên TMB) xây 02 tầng, diện tích 3.176m²; Nhà xưởng (kí hiệu số 8 trên TMB) xây 02 tầng, diện tích 2.037,1m²; 03 nhà để xe máy đều xây 01 tầng, diện tích lần lượt là 117m², 75m², 62m² và một số hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà ăn, trạm bơm chữa cháy, nhà rác,...).

- Giai đoạn này, chủ đầu tư tiến hành ngăn chia, cải tạo tầng 2 diện tích 1.176,74m² thuộc nhà xưởng 02 tầng, diện tích 2.037,1m² (kí hiệu số 8 trên TMB), cụ thể như sau: Ngăn chia nhà xưởng thành các gian phòng có diện tích nhỏ hơn 200m² bằng vách panel cao 3m, phía trên là trần panel hiện trạng.

2. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ;

3. Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

3.1 Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đảm bảo số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

3.2. Về công tác thi công, lắp đặt: Các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt.

4. Đối với các bộ phận, công trình khi thi công bị che khuất như: phần đường ống, dây dẫn,...đi âm trong tường, trên trần giả, chôn ngầm... đều đã được nghiệm thu trước khi thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

5. Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra đánh giá về công tác PCCC của công trình: Cải tạo tầng 2 nhà xưởng dự án Ilshintech Việt Nam - Giai đoạn 2.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao các giấy chứng nhận hoặc văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC kèm theo hồ sơ đã được đóng dấu thẩm duyệt của cơ quan Cảnh sát PCCC;

* Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 347/TD-PCCC ngày 27/7/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đối với công trình “Cải tạo tầng 2 nhà xưởng dự án Ilshintech Việt Nam - Giai đoạn 2” với các nội dung thẩm duyệt gồm:

- + Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (hạng C);
- + Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan; Đường giao thông phục vụ chữa cháy;
- + Giải pháp thoát nạn; Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn;
- + Hệ thống chữa cháy bằng nước (hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy trong nhà);
- + Hệ thống báo cháy tự động; Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC;
- + Đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố; Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ).

- Bản sao các giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đã lắp đặt trong công trình:

- + Số 1085/KĐ-PCCC-P7 ngày 15/3/2023, số 5038/KĐ-PCCC-P7 ngày 27/12/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với bình chữa cháy.
- + Số 359/KĐ-PCCC-P7 ngày 18/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với vòi chữa cháy.
- + Số 303/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 28/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với đầu nối chữa cháy.
- + Số 1830/KĐ-PCCC-P7 ngày 16/5/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.
- + Số 131/KĐ-PCCC-P7 ngày 06/01/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với đầu báo cháy, đèn báo cháy.
- + Số 1953/KĐ-PCCC-P7 ngày 23/5/2023 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với nút ấn báo cháy, chuông báo cháy.
- + Số 4067/KĐ-PCCC-P7 ngày 21/9/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp đối với đầu phun Spinkler.



+ Số 246/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 05/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với lăng chữa cháy.

- Các Biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống PCCC: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC và các hệ thống liên quan đến PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 15/GXN-PCCC ngày 28/4/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Minh Tuấn (đơn vị thi công hệ thống PCCC).

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC số 109/GXN-PCCC ngày 12/5/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội cấp cho Công ty cổ phần dịch vụ phòng cháy chữa cháy Hải Đăng (đơn vị tư vấn giám sát).

Nhận xét, đánh giá: Hồ sơ đảm bảo thành phần theo quy định.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC.

Kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả nghiệm của chủ đầu tư với hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt về PCCC và thử nghiệm xác suất hoạt động của hệ thống PCCC và hệ thống liên quan đến PCCC tại công trình.

3.1 Bố trí công năng:

B□ trở cộng n□ng v□ hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ:

- Bố trí công năng: Nhà xưởng sản xuất.

- Công trình bố trí các phòng sạch phục vụ sản xuất linh kiện điện tử.

- Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ: Hạng C.

* Kiểm tra bố trí công năng tại các khu vực, hạng nguy hiểm cháy nổ.



Nhận xét, đánh giá: Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.2. Về đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy.

- Công trình tiếp giáp với sân nội bộ, đảm bảo bãi đỗ xe chữa cháy có chiều dài trên 15m, chiều rộng làn đường >3,5m, nền sân có kết cấu trải nhựa asphalt, xe chữa cháy có thể hoạt động được.

- Đã bố trí bãi đỗ xe chữa cháy.

* Kiểm tra chiều rộng, chiều cao đường, kết cấu chặn phía trên. Đường giao thông chạy qua mặt công trình, bãi đỗ xe chữa cháy.

Nhận xét, đánh giá: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.3. Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn:

- Tại tầng 2, đã bố trí 01 vị trí lối vào từ trên cao đối diện với bãi đỗ xe chữa cháy.

* Kiểm tra vị trí, số lượng lối vào từ trên cao.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cứu nạn và hỗ trợ cứu nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.4. Giải pháp thoát nạn:

- Các phòng nằm trong khu vực cải tạo có 02 cửa thoát nạn, các cửa bố trí phân tán.

- Các cửa thoát nạn là cửa bản lề mở xuôi chiều thoát nạn, kích thước đảm bảo theo quy định.

- Kiểm tra vị trí, số lượng, khoảng cách thoát nạn, chiều rộng, chiều cao, hướng cửa trên đường thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp thoát nạn đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.5. Về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- Tầng 2 diện tích 1.176,74m² thuộc nhà xưởng 02 tầng, diện tích 2.037,1m².

- Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan khác giữ nguyên theo hiện trạng đã được nghiệm thu về PCCC.

- Các vị trí xuyên qua tường ngăn cháy, trục thông tầng được chèn bịt bằng các vật liệu ngăn cháy.

* Kiểm tra giải pháp ngăn cháy giữa các khu vực có công năng khác nhau, chèn bịt thông tầng.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.6. Về hệ thống báo cháy tự động:

- Công trình sử dụng hệ thống báo cháy tự động hiện trạng đã được nghiệm thu về PCCC, giai đoạn này, chủ đầu tư chỉ tiến hành thay đổi vị trí và bổ sung thêm các đầu báo cháy để đảm bảo theo quy định và phù hợp thực tế cải tạo.

- Công trình lắp đặt đầu báo cháy khói. Các đầu báo cháy được lắp đặt dưới trần.

- Khoảng cách giữa các đầu báo cháy và khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường đảm bảo theo quy định.

- Dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Là dây $2 \times 1\text{mm}^2$ và $2 \times 1,5\text{mm}^2$ được đi trong ống bảo vệ.

- Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn: Được lắp đặt trên tường, tâm nút ấn báo cháy cách sàn thao tác khoảng 1,25m.

* Kiểm tra, thử nghiệm:

+ Kiểm tra thí công lắp đặt đầu báo cháy;

+ Kiểm tra dây tín hiệu của hệ thống báo cháy;

+ Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy (nút ấn, đầu báo cháy...);

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống báo cháy tự động đã được thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.7. Về hệ thống cấp nước chữa cháy:

* Trạm bơm chữa cháy và nguồn nước phục vụ chữa cháy:

Nhận xét, đánh giá: Trạm bơm chữa cháy và nguồn nước phục vụ chữa cháy đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

* Hệ thống chữa cháy trong nhà:

- Công trình lắp đặt các họng nước chữa cháy vách tường (họng đơn D50).

- Các họng nước chữa cháy vách tường được bố trí gần cửa ra vào; nơi dễ thấy, dễ sử dụng.

- Tại vị trí các họng nước chữa cháy vách tường có bố trí 01 cuộn vòi D50, 01 lăng D50 đồng bộ đi kèm, đặt trong tủ.

- Đường ống cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy vách tường là đường ống thép có đường kính D100.

- Tâm của họng vách tường cách sàn thao tác 1,25m.

- Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà (vị trí, số lượng phương tiện tại hộp; thử khả năng làm việc) tại vị trí bất kỳ;

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

* Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước.

- Công trình được trang bị hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước đã được nghiệm thu về PCCC, chủ đầu tư chỉ tiến hành thay đổi vị trí và bổ sung các đầu phun Sprinkler để đảm bảo theo quy định và phù hợp thực tế cải tạo.

- Lắp đặt các đầu phun Sprinkler hướng xuống. Khoảng cách giữa các đầu phun, khoảng cách từ đầu phun đến tường đảm bảo theo quy định.

- Kiểm tra, thử nghiệm: Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước (đường ống cấp nước, vị trí, số lượng đầu phun Sprinkler; khoảng cách giữa các đầu phun Sprinkler và từ đầu phun Sprinkler đến tường; thử khả năng làm việc) tại vị trí bất kỳ;

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler thi công theo thiết kế được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.8. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và hệ thống khác có liên quan về PCCC:

- Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ công trình được lấy từ nguồn điện khu vực qua trạm biến áp tới tủ điện tổng. Hệ thống điện được chia nguồn cho các khu vực, điện chiếu sáng bảo vệ và cấp cho hệ thống liên quan đến PCCC như: Hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy. Nguồn cấp điện cho máy bơm là nguồn riêng biệt với nguồn cấp cho nhu cầu khác, được lấy từ nguồn điện lưới khu vực.

- Tủ điện được nối đất an toàn.

- Dây điện được luôn trong ống bảo vệ và đi trên thang cáp.

- Kiểm tra nguồn điện cấp đến các hệ thống PCCC.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

3.9. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn:

- Bên trong công trình, trên các lối thoát nạn được trang bị các đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, khoảng cách giữa các đèn không quá 30m.

* Kiểm tra, thử nghiệm: Kiểm tra vị trí, số lượng, thử khả năng hoạt động của hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Nhận xét, đánh giá: Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn đã được thi công theo thiết kế được thẩm duyệt và hoạt động đảm bảo theo quy định.

3.10. Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ):

- Công trình được trang bị bình chữa cháy loại bình bột ABC MFZL4 và bình khí CO₂ MT3.

- Tại phòng bảo vệ, bố trí 01 bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ.

* Kiểm tra vị trí, số lượng, chủng loại, tình trạng bình chữa cháy xách tay, số lượng dụng cụ phá dỡ.

Nhận xét, đánh giá: Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ) được trang bị theo thiết kế đã được thẩm duyệt và đảm bảo theo quy định.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ YÊU CẦU:

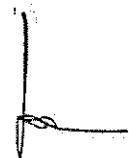
1. Nhận xét, đánh giá:

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua biên bản kiểm tra này, Chủ đầu tư liên hệ với Bộ phận một cửa của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH - Công an thành phố Hải Phòng để nhận văn bản thông báo kết quả kiểm tra đối với công trình.

2. Yêu cầu:

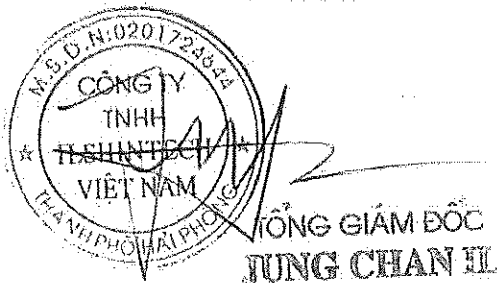
- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo quy định của pháp luật. Trường hợp cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của các hạng mục công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế điều chỉnh, gửi đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.



- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

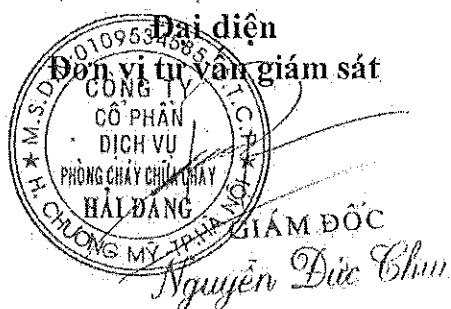
Biên bản được lập xong hồi 17 giờ 00 phút, cùng ngày gồm 09 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

Đại diện
Chủ đầu tư



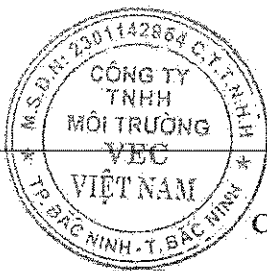
Phiên dịch

Đỗ Thị Thái



Đại diện
Đoàn kiểm tra





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2023.

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã số: HP2023.101HP7

I. Đơn vị đề nghị lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG

1. Địa chỉ lấy mẫu: Công ty TNHH Ilshitech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
2. Đại diện (Ông, bà): Đỗ Thị Hằng Chức vụ: Nhân viên
3. Số điện thoại:

II. Đơn vị lấy mẫu: Công Ty TNHH Môi Trường VEC Việt Nam

1. Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam.
2. Đại diện (Ông, bà): Nguyễn Thị Hằng Chức vụ: NVKT

III. Đơn vị thầu phụ (nếu có):

1. Địa chỉ:
2. Đại diện (Ông, bà): Chức vụ:

IV. Đơn vị giám sát (nếu có):

1. Địa chỉ:
2. Đại diện (Ông, bà): Chức vụ:

Tất cả các bên cùng chứng kiến lấy mẫu tại các vị trí sau:

1. Điều kiện hoạt động của cơ sở khi đo đạc lấy mẫu: Cơ sở hoạt động bình thường
2. Điều kiện khí tượng khi đo đạc, lấy mẫu: T. độ: 26.07
3. Nội dung đo đạc, lấy mẫu như sau:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tình trạng bảo	Ghi chú
1	KKXS1: Khu vực sản xuất	KKSX-001	<u>1</u>	
2	KKXS2: Khu vực thành phẩm	KKSX-002	<u>1</u>	
3	KKXS3: Khu vực kho vật liệu	KKSX-003	<u>1</u>	
4	KKXS4: Khu vực kiểm tra trước khi lắp ráp (khu vực vật liệu)	KKSX-004	<u>1</u>	
5	KKXS5: Khu vực kiểm tra hàng trước khi xuất kho (khu vực thành phẩm)	KKSX-005	<u>1</u>	
6	KKXS6: Khu vực lắp ráp (khu vực sản xuất)	KKSX-006	<u>1</u>	
7	NT1: Nước thải tại điểm đầu nối với đường ống thu gom nước thải của KCN Trảng Duệ	NT-001	<u>1</u>	

4. Loại thiết bị lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu theo TCVN hiện hành

5. Các tài liệu đính kèm theo biên bản này

Biên bản đo mẫu hiện trường:





CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 - 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 026.2023.KKSX/QT1.101HP7.1)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Tráng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
Vị trí quan trắc:	KKSX1: Khu vực sản xuất
Tọa độ:	X (m) = 2307791; Y (m) = 584238
Loại mẫu:	Không khí lao động
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-001	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 – 2009	°C	26,9	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 – 2009	%	72,9	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 – 2009	m/s	0,42	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (Laeq)	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dB(A)	73,5	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,283	8 ⁽³⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT – Phụ lục 50	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT – Phụ lục 50	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT – Phụ lục 50	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs(Benzen)	QCVN-03/2019/BYT – Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

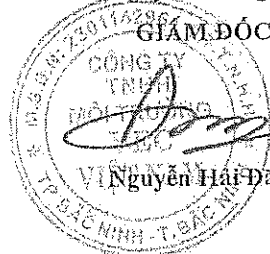
Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo.

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sĩ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quả thử hòa 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép nội dung kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 – 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 027.2023.KKSX/QT1.101HP7.2)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Iishintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Dục, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Vị trí quan trắc:	KKSX2: Khu vực thành phẩm
Tọa độ:	X (m) = 2307787; Y (m) = 584250
Loại mẫu:	Không khí lao động
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-002	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 – 2009	°C	27,4	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 – 2009	%	68,3	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 – 2009	m/s	0,42	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (Laeq)	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dBA	65,7	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,197	8 ⁽⁴⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs (Benzen)	QCVN-03/2019/BYT – Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

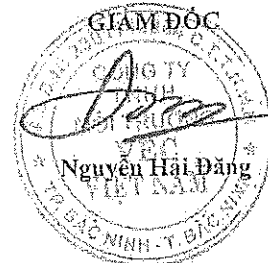
Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023



Chú thích:

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
2. Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (không lưu mẫu đất và vật rắn phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
4. Thông tin khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 - 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 028.2023.KKSX/QT1.101HP7.3)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Iishintech Việt Nam, Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Dũ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Vị trí quan trắc:	KKSX3: Khu vực kho vật liệu
Tọa độ:	X (m) = 2307786; Y (m) = 584248
Loại mẫu:	Không khí lao động
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-003	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	27,8	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 - 2009	%	68,8	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 - 2009	m/s	0,28	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (Laeq)	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dBA	69,8	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,208	8 ⁽³⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs (Benzen)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾: QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sĩ Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày hai mẫu (Không hai mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giữ quyền khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 - 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 029.2023.KKSX/QTL101HP7.4)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Vị trí quan trắc:	KKSX4: Khu vực kiểm tra trước khi lắp ráp (khu vực vật liệu)
Tọa độ:	X(m)=2307726; Y(m)=584219
Loại mẫu:	Không khí lao động
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-004	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	27,8	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 - 2009	%	66,8	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 - 2009	m/s	0,42	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (L _{aeq})	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dBA	68,6	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,227	8 ⁽⁴⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs (Benzen)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

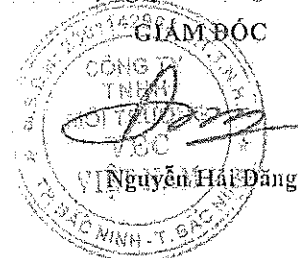
Ghi chú:

- (¹): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (²): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (³): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- (⁴): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày từ ngày lấy mẫu (không tính phần đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin từ khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 - 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 030.2023.KKSX/QT1.101HP7.5)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Dũ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Vị trí quan trắc:	KKSX5: Khu vực kiểm tra hàng trước khi xuất kho (khu vực thành phẩm)
Tọa độ:	X(m)=2307754; Y(m)=584237
Loại mẫu:	Không khí lao động
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-005	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	27,3	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 - 2009	%	67,2	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 - 2009	m/s	0,42	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (Laeq)	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dBA	64,7	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,174	8 ⁽⁴⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs (Benzen)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

Ghi chú:

- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (3): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hải Đăng

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 310 - VLAT 1.0976 - TB 11/SYT- NVY)

Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

<https://www.moitruongvec.com/>

Email: moitruongvec90@gmail.com

Hotline: 0946129176 - 0978226898

Mã số chứng nhận công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số 11/TB-SYT-NVY



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 031.2023.KKSX/QT1.101HP7.6)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG	
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Tráng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	
Vị trí quan trắc:	KKSX6: Khu vực lắp ráp (khu vực sản xuất)	
Tọa độ:	X(m)=2307795; Y(m)=584242	
Loại mẫu:	Không khí lao động	Ký hiệu mẫu: KKSX-006
Mô tả điểm quan trắc:	Khu vực thoáng, ít bụi	
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023	
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023	

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	Quy chuẩn so sánh
				KKSX-006	Giới hạn
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	27,3	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	TCVN 5508 - 2009	%	68,3	40 ÷ 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	TCVN 5508 - 2009	m/s	0,35	0,2 ÷ 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn (L _{aeq})	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)	dBA	73,7	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	QCVN-02/2019/BYT	mg/m ³	0,257	8 ⁽³⁾
6	Carbon monoxide (CO)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<1,14	40
7	Nitơ dioxide (NO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,19	10
8	Sulfur dioxide (SO ₂)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,26	10
9	VOCs (Benzen)	QCVN-03/2019/BYT - Phụ lục 50	mg/m ³	<0,01	15

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2016/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾: QCVN 24:2016/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾: QCVN 02:2019/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 0,5 yếu tố bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Dấu (-): là không quy định;
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ): Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp đo;

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sĩ: Ông Á Huân

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quả thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu thời với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không, giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin tên khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VEC VIỆT NAM
PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Số 29, phố Thị Chung, P. Kinh Bắc, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
<https://www.moitruongvec.com/> Email: moitruongvec90@gmail.com
Hotline: 0946129176 - 0978226898
Mã số chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 310



PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Số phiếu: 844.2023.NT298/QT1.101HP7.7)

I. THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ:	Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Địa chỉ lấy mẫu:	Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam. Địa chỉ: Lô L5, KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
Vị trí quan trắc:	NT1: Nước thải tại điểm đầu nối với đường ống thu gom nước thải của KCN Trảng Duệ
Tọa độ:	X(m)=2307853; Y(m)=584272.
Loại mẫu:	Nước thải
Mô tả điểm quan trắc:	Nước trong, ít cặn
Ngày quan trắc lấy mẫu:	Ngày 23 tháng 06 năm 2023
Ngày phân tích mẫu:	Từ ngày 23/06/2023 đến ngày 04/07/2023

II. KẾT QUẢ

STT	Thông số	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Đơn vị	Kết quả	TCCP KCN Trảng Duệ
				NT-001	Giới hạn
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,15	5-9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP/VEC/QT/N.01	mg/L	352	-
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	38,80	200
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	72,3	250
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	5,97	30
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017	mg/L	3,99	-
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	4,430	-
8	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,49	2,0
9	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	KPH(MDL=0,02)	-
10	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/L	2,6	-
11	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	4900	-

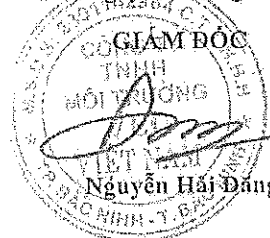
Ghi chú:

- + TCCP KCN Trảng Duệ: Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ cho tiếp nhận nước thải của các đơn vị trong KCN Trảng Duệ.
- Dấu (-): là không quy định.
- KPH: Không phát hiện; (MDL: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp);
- (<): Nhỏ hơn; (LOQ: Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp);

Bắc Ninh, Ngày 04 tháng 07 năm 2023

TM. PHÒNG QT & PTMT

Thạc sỹ. Ông Á Huân



Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc do bộ phận quan trắc của Công ty VEC lấy về;
- Quá thời hạn 07 ngày lưu mẫu (Không lưu mẫu đối với mẫu phân tích vi sinh), Công ty không giải quyết khiếu nại;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty;
- Thông tin khách hàng, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM.QT.15.01

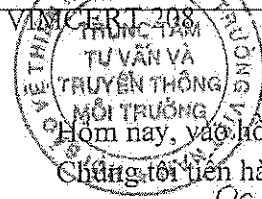
Bản hành lần: 01/2022

Trang: 1/1



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đai phát sông phát thanh Mê Trì, P. Mê Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày .4... tháng .12... năm 2023

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại:

..... Công ty TNHH ILSbinhtech Việt Nam.....

Địa chỉ: Lô L5, KCN Nam Dương, xã Kênh Phong, huyện Đan Phượng, P. Kênh Phong.....

Địa điểm lấy mẫu: Lô L5, KCN Nam Dương, xã Kênh Phong, huyện Đan Phượng, P. Kênh Phong.....

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty TNHH ILSbinhtech Việt Nam.....

Đại diện: Ông (bà)..... P. Thị Hằng..... Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

2. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

3. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà)..... P. Hoàng Thái..... Chức vụ: MC.....

Đại diện: Ông (bà)..... Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:

..... Hoạt động.....

6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:

..... Trời không mưa.....

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	K4	Khu vực kiến trúc dưới khi lắp ráp (khu vực vạt lịch)	2307726	
			584219	
2.	K5	Khu vực kiến trúc hàng dưới khi xuất kho (khu vực thành phẩm)	2307754	
			584237	
3.	K6	Khu vực lắp ráp (khu vực sản xuất)	2307795	
			584242	
4.	NT	Nước thải từ các bể xử lý nước thải CN (nước thải)	2307742	
			584279	



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.8988/11.12.2023

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam - Lô L5, KCN Trảng Dục, xã Hồng Phong, huyện
An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2023 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2023 - 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				K4	Tiếp xúc ngắn
1	CO	CEC.DN.KLV.04	mg/m ³	3,88	40
2	SO ₂	CEC.DN.KLV.06	mg/m ³	0,73	10
3	NO ₂	CEC.DN.KLV.06	mg/m ³	0,60	10
4	Bụi toàn phần	CEC.DN.KLV.03	mg/m ³	1,01	8 ⁽¹⁾
5	VOC (Benzen)	CEC.DN.KLV.07	mg/m ³	KPH (MDL=1)	15

- Vị trí lấy mẫu:

- K4: Khu vực kiểm tra trước khi lắp ráp (khu vực vật liệu).

Tọa độ: X= 2307726, Y= 584219

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

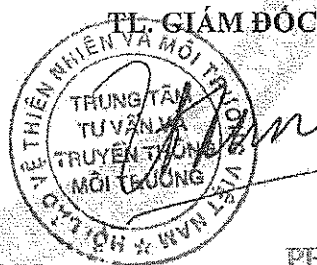
- ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.8990/11.12.2023

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam - Lô L5, KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện
An Dương, TP.Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2023 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2023 - 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				K6	Tiếp xúc ngắn
1	CO	CEC.DN.KLV.04	mg/m ³	3,53	40
2	SO ₂	CEC.DN.KLV.06	mg/m ³	0,76	10
3	NO ₂	CEC.DN.KLV.06	mg/m ³	0,56	10
4	Bụi toàn phần	CEC.DN.KLV.03	mg/m ³	0,95	8 ⁽¹⁾
5	VOC (Benzen)	CEC.DN.KLV.07	mg/m ³	KPH (MDL=1)	15

- Vị trí lấy mẫu:

- K6: Khu vực lắp ráp (khu vực sản xuất).

Tọa độ: X= 2307795, Y= 584242

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

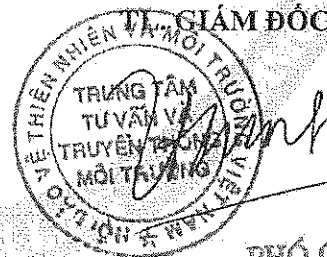
- ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3. "": Không xác định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ, Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1330

Số: KQ_N.8991/11.12.2023

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
Địa chỉ : Số 19 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Ilshintech Việt Nam - Lô L5, KCN Trảng Duệ, xã Hồng Phong, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2023 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2023 - 11/12/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ
				NT	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,2	5 ÷ 9
2	TDS	CEC.QTMT.N-08	mg/L	294	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	43	250
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	34	200
5	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1995	mg/L	4	30
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	TCVN 7323-2:2004	mg/L	7,3	-
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P) ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,84	-
8	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,25	2
9	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	3,4	-
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	1,15	-
11	Coliformi	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	2,2x10 ³	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT: Nước thải tại điểm đầu nối với đường ống thu gom nước thải của KCN Trảng Duệ.

Tọa độ: X= 2307742, Y= 584279

- Tiêu chuẩn KCN Trảng Duệ: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Trảng Duệ.

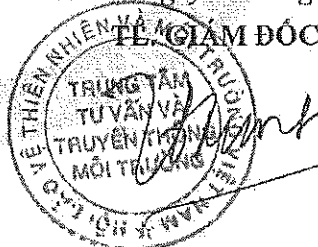
- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 " " : Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023

MAIN GATE

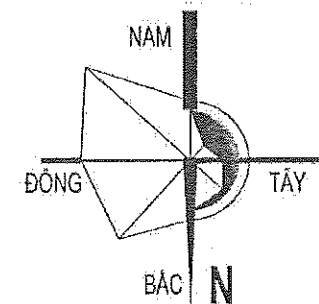
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

X 2307742.968
Y 584176.517

CÔNG TY TNHH HALLA ELECTRONICS VINH

X 2307658.785
Y 584277.069

X 2307862.092
Y 584276.053



AREA - BẢNG DIỆN TÍCH

	TÊN NAME	NGÃM	TẦNG 1 1ST FLOOR (M2)	TẦNG 2 2ST FLOOR (M2)	TỔNG TOTAL (M2)	GHI CHÚ COMMENTS
1	XUỐNG SẢN XUẤT VÀ VĂN PHÒNG WORKSHOP + OFFICE (1ST PHASE)		249.45	500	305.45	ĐÃ XÂY DỰNG
2	NHÀ ĐẢO VỆ GUARDHOUSE		63.28		63.28	ĐÃ XÂY DỰNG
3	NHÀ ĐỂ XE MÁY BIKESHED		107.33		107.33	ĐÃ XÂY DỰNG
4	NHÀ ĂN CANTEEN		194.83		194.83	ĐÃ XÂY DỰNG
5	PHÒNG BƠM & BỂ NƯỚC 400 m ³ PUMP ROOM & WATER TANK	104	28.46		28.46	ĐÃ XÂY DỰNG
6	NHÀ XỬ LÝ NƯỚC MŨI (KHOẢNG 2) NEW FACTORY		2037.1	1176.735	3213.835	XIN CẢI TẠO
7	NHÀ ĂN MỞ RỘNG CANTEEN EXTENSION		72.13		72.13	ĐÃ XÂY DỰNG
8a	NHÀ ĐỂ XE MÁY MỞ RỘNG BIKESHED EXTENSION		195.6		195.6	ĐÃ XÂY DỰNG
8b	NHÀ KHO WAREHOUSE		72		72	ĐÃ XÂY DỰNG
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ ROAD		1732.6		1732.6	ĐÃ XÂY DỰNG
10	ĐƯỜNG NỘI BỘ LÃNH THỰC KHU BƠM		824.3		824.3	ĐÃ XÂY DỰNG
11	CẢNH QUAN LANDSCAPE		1953.87		1953.87	ĐÃ XÂY DỰNG

KHU VỰC XƯỞNG 2 XIN ĐIỀU CHỈNH

ĐIỀU CHỈNH TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG 02 (NGĂN CHIA
KHU VỰC SẢN XUẤT THÀNH KHU VỰC KHO)

GHI CHÚ:

- Khi bộ lá các đường ống bị tắc, đường cấp đi xuyên qua các kết cấu tường, sàn, vách, hệ thống lắp giáp qua các đường ống, đường cấp với các kết cấu này phải được che chắn hoặc xử lý thích hợp để không làm giảm các tính năng kỹ thuật về cháy theo yêu cầu các kết cấu.

- Không bị tác nhân, giáng và đường ống vận chuyển khí cháy, hỗn hợp bụi - khí cháy, chất lỏng cháy, chất rắn với hệ thống xuyên qua các tường và sàn ngăn cháy loại 1.

- Đối với các kênh, giếng và đường ống dự vận chuyển các chất và vật liệu khác với các loại nói trên thì tại các vị trí giao cắt với các bộ phận ngăn cháy phải có thiết bị tự động ngăn cản sự lan truyền của các sản phẩm cháy các kênh, giếng và ống dẫn.

DỰ ÁN : PROJECT

ILSHINTECH VIET NAM

DIACHIL ADDRESS

LÔ LỮ, KHU CN TRÁI 15 DƯỚI, THUỘC KHU KINH TẾ
ĐÌNH VŨ - CÁT HẢI, XÃ HỒNG PHONG;
HUYỆN AN ĐƯƠNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

HANG MỤC : CATEGORY

NHÀ XƯỞNG 2
WORKSHOP PHASE II

CHỦ ĐẦU TƯ - WÖNER

CÔNG TY TNHH IL SHIN TECH VIỆT NAM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGN COMPANY



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DL&H

DL&H CO., LTD.

[illegible]

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỔNG MẶT BẰNG

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

KS NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỦ TRÌ - DESIGNER

KS. PHẠM VĂN TUYẾN

NGƯỜI VẼ - DRAWING BY

K.S. NGUYEN VAN HUNG

KIEM TRA - CHECK BY:

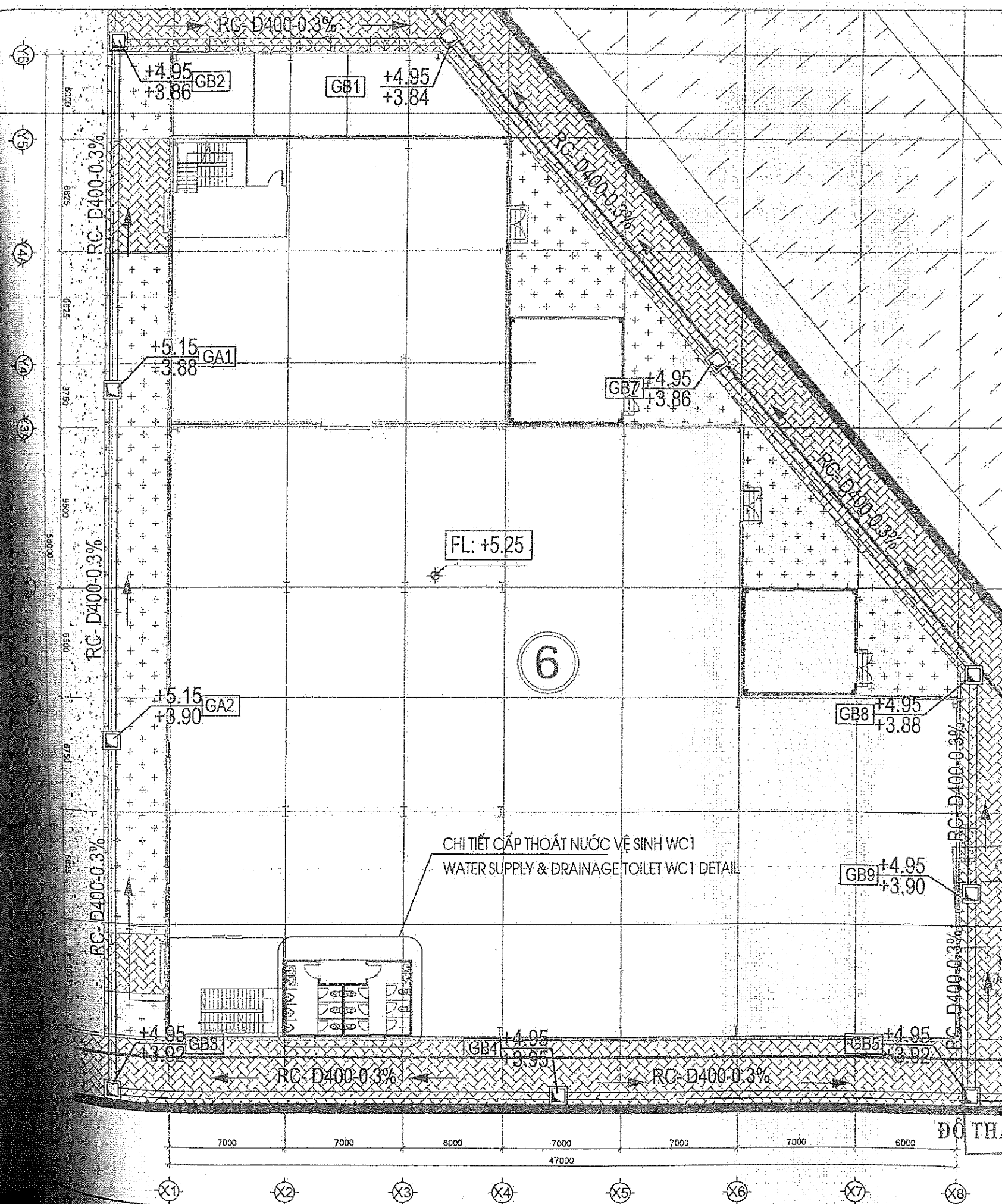
AGAY, DAE

BỘ BẢN VẼ: DRAWING NO.

T149: 01

TỶ LỆ = SCALE:

ĐƯỢC TRƯỞNG ĐÓNG THÂN DUYỆT SỐ 478/ID-PCDD NGÀY 13/11/2019, SỐ 232/ID-PCDD NGÀY 02/07/2023 VÀ ĐƯỢC SỞ CÔNG AN THỰC DẠNG SỐ 19/CE/2020 VÀ CHỖ AN SỔ 198/QT PHÚC HẸN 19/06/2024



BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 43.66/QL-ĐH.XD.
Ngày.....31.12.2019.....
Ký tên:

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG S5 VIỆT NAM
THẨM TRA
Theo văn bản số: 11.28.../SS.BC.T.T.
Ngày 28 tháng 11 năm 2019.
Ký tên:

LEGEND-GHICHU:
CÓT +0.00 TƯỜNG ĐƯỜNG VỚI CỐT SÀN TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG/ELEVATION +0.00 OF WORKSHOP 1ST FLOOR
CÓT -0.30 TƯỜNG ĐƯỜNG VỚI CỐT MẶT HẸ HOÀN THIÊN/ELEVATION -0.30 OF PAVEMENT SURFACE
CÓT -0.60 TƯỜNG ĐƯỜNG VỚI CỐT MẶT ĐƯỜNG HOÀN THIÊN/ELEVATION -0.60 OF ROAD SURFACE
Ngày... CAO ĐỘ MẶT HẸ... ELEVATION OF SURFACE MANHOLE
CĐĐ: 1.40 CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA... ELEVATION OF MANHOLE BOTTOM

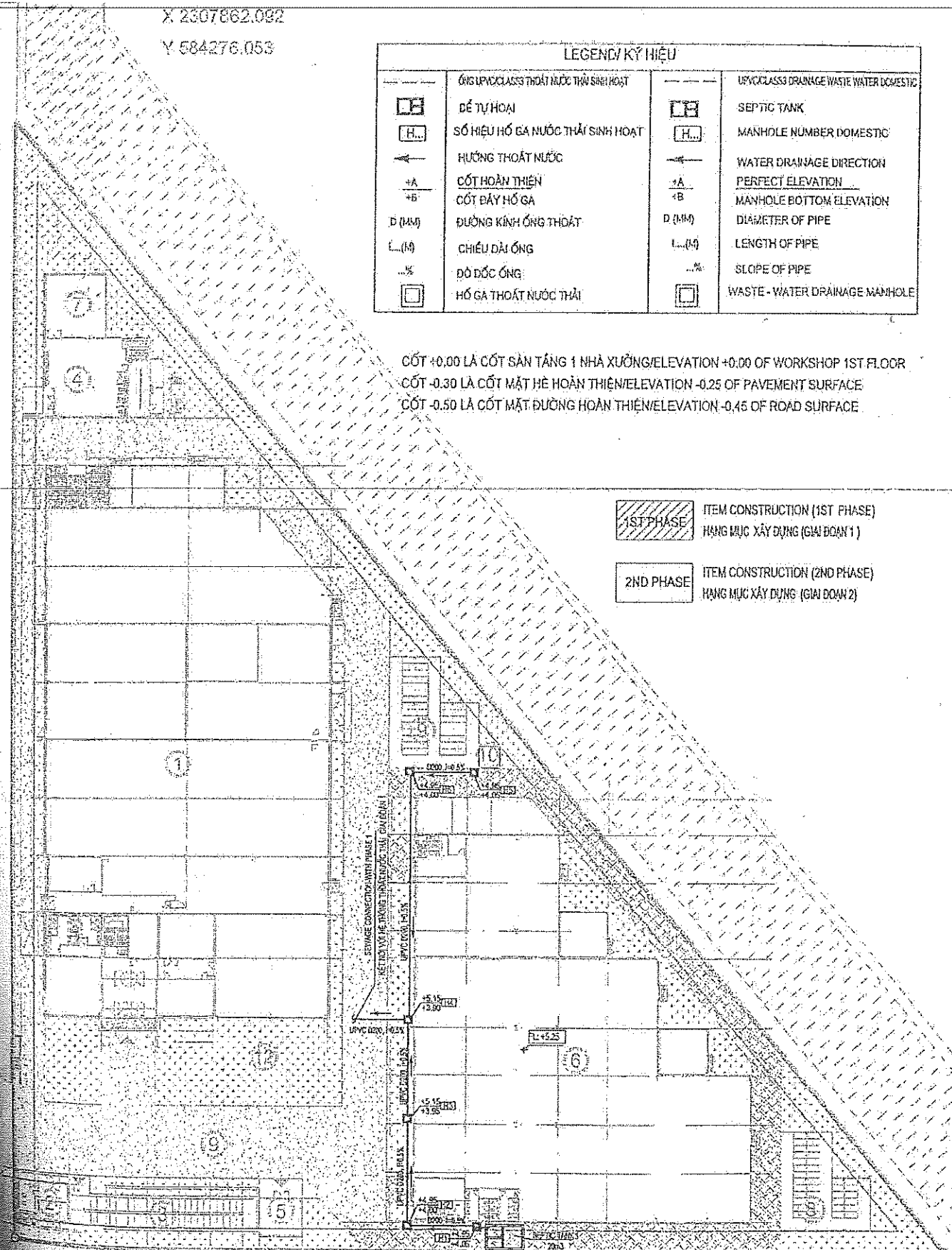
Người lập: *Nguyễn Thành Chức*
Kiểm tra: *Nguyễn Thành Chức*
Thẩm tra: *Nguyễn Thành Chức*

Chỉ huy trưởng của công trình: *Nguyễn Thành Chức*
Chỉ huy trưởng của công trình: *Nguyễn Thành Chức*

RC-D400-0.3%: CONCRETE PIPE D400-SLOPE 0.3% / CỐNG BTCT RC-D400 ĐỐC 0.3%
CONCRETE CULVERT / CỐNG BTCT MỎI

1 MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1 T1: 1/250
RAIN- WATER DRAINAGE OF 1ST FLOOR PLAN SCALE: 1/250

NOTE:		
REV1		
REV2		
CLIENT: CÔNG TY TNHH ILSHINTECH VIỆT NAM		
LOCATION: Lô L5, KCN Trảng Dục, Xã Hồng Phong, H. An Dương, TP. Hải Phòng		
PROJECT: ILSHINTECH - PHASE II		
DESIGN: SANG-A ARCHITECTS & PARTNERS		
QUẢN LÝ DỰ ÁN: <i>Nguyễn Thành Chức</i>		
THẨM TRA: <i>Nguyễn Thành Chức</i>		
THẨM ĐỊNH: <i>Nguyễn Thành Chức</i>		
DRAWING NAME: MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1		
STATUS: C-DWG	SCALE: A3-1/250	DATE: 2019
PROJECT CODE: -	DRAWING No: W-02	



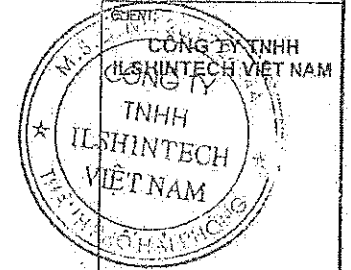
X 2307862.092
Y 584276.053

LEGEND/ KÝ HIỆU			
	ÔNG ƯỚC LẮNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT		UPVC CLASS3 DRAINAGE WASTE WATER DOMESTIC
	ĐỂ TỰ HOẠI		SEPTIC TANK
	SỐ HIỆU HỐ GA NƯỚC THẢI SINH HOẠT		MANHOLE NUMBER DOMESTIC
	HƯỚNG THOÁT NƯỚC		WATER DRAINAGE DIRECTION
	CÓT HOÀN THIỆN		PERFECT ELEVATION
	CÓT ĐÁY HỐ GA		MANHOLE BOTTOM ELEVATION
	ĐƯỜNG KÍNH ống thoát		DIAMETER OF PIPE
	CHIỀU DÀI ống		LENGTH OF PIPE
	ĐỘ DỐC ống		SLOPE OF PIPE
	HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI		WASTE - WATER DRAINAGE MANHOLE

CÓT +0.00 LÀ CÓT SÀN TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG/ELEVATION +0.00 OF WORKSHOP 1ST FLOOR
CÓT -0.30 LÀ CÓT MẶT HẸ HOÀN THIỆN/ELEVATION -0.25 OF PAVEMENT SURFACE
CÓT -0.50 LÀ CÓT MẶT ĐƯỜNG HOÀN THIỆN/ELEVATION -0.45 OF ROAD SURFACE

	ITEM CONSTRUCTION (1ST PHASE) HẠNG MỤC XÂY DỰNG (GIAI ĐOẠN 1)
	ITEM CONSTRUCTION (2ND PHASE) HẠNG MỤC XÂY DỰNG (GIAI ĐOẠN 2)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4366/BQL-KT
Ngày: 31-12-2019
Ký tên:



LOCATION:
Lô L5, KCN Trảng Dũ, Xã
Hồng Phong, H. An
Dương, TP. Hải Phòng

PROJECT:
ILSHINTECH - PHASE II



CÔNG TY TNHH SN ENGINEERING & CONSTRUCTION

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng của nhà thầu phụ (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Chỉ huy trưởng của tổng thầu (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
--	---	--	--

CƠ MECHANICAL		
ĐẠO ĐỐC DIRECTOR		KWON BYUNG CHUL
CHỦ TRƯỞNG OWNER		KS. DO THI HAI YEN
THIẾT KẾ DESIGNER		KS. DO THI HAI YEN
Kiểm tra CHECK BY		KTS. BUI HUY PHUOC
DRAWING NAME:		
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ WASTE - WATER DRAINAGE OF MASTER PLAN		
STATUS	SCALE	DATE
C-DWG	A3:1/500	2019
PROJECT CODE	DRAWING No	

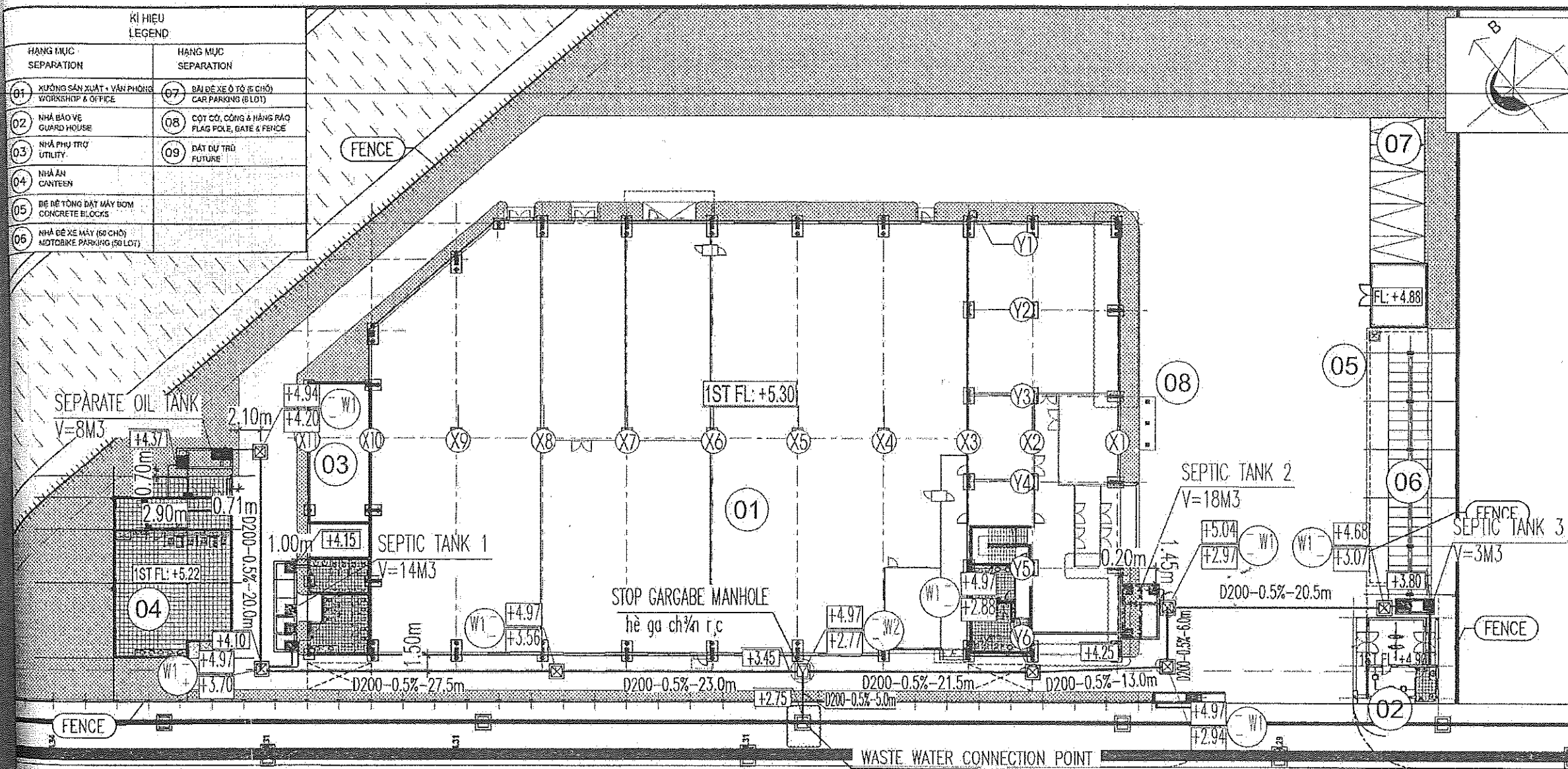
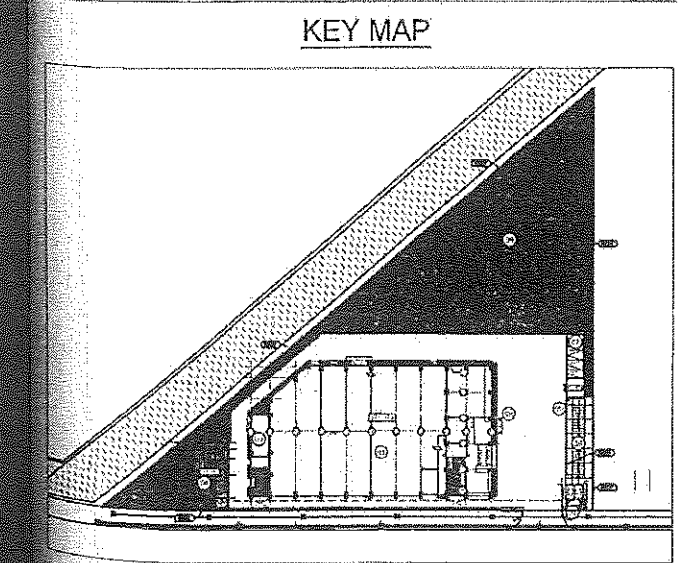
ĐỒ THẠNH CHỨC

1 MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ TỈ LỆ: 1/500
WASTE - WATER DRAINAGE OF MASTER PLAN SCALE: 1/500

T3
X 2307742.968
Y 584176.517

X 2307658.785 T2
Y 584277.069

KÍ HIỆU LEGEND	
HẠNG MỤC SEPARATION	HẠNG MỤC SEPARATION
01 KHUÔNG SẢN XUẤT • VĂN PHÒNG WORKSHOP & OFFICE	07 ĐAI ĐÈ XE Ô TÔ (SỐ CHỖ) CAR PARKING (B.LOT)
02 NHÀ BẢO VỆ GUARD HOUSE	08 CỘT CỎ, CỒNG & HÀNG RÀO FLAG POLE, GATE & FENCE
03 NHÀ PHỤ TRỢ UTILITY	09 ĐẤT DỰ TRÙ FUTURE
04 NHÀ AN CANTEN	
05 BÊ TÊ TÔNG ĐAT HẠT BOM CONCRETE BLOCKS	
06 NHÀ ĐÈ XE MÁY (SỐ CHỖ) MOTORBIKE PARKING (B.LOT)	

[illegible][illegible]

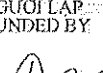
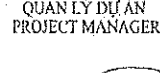
SYNOPSIS AND QUANTITY TABLE					
LEGEND	NAME	IN SIZE	QUANTITY	UNIT	NOTE
	PIPE: DIAMETER-SLOPE- LENGTH				
	PROTECTION PIPE		0	M	
	PVC PIPE D200	D200	130.5	M	
	MANHOLE TYPE:1 (UNDER ROAD)	1000X1000	07	EA	
	STOP GARBAGE MANHOLE TYPE 2 (UNDER ROAD)	1000X1000	01	EA	
	SEPTIC TANK 1 (V=14M3) (UNDER ROAD)		01	EA	
	SEPTIC TANK 2 (V=18M3) (UNDER ROAD)		01	EA	
	SEPTIC TANK 3 (V=3M3) (UNDER LANDSCAPE)		01	EA	
	SEPARATE OIL TANK (V=6M3) (UNDER LANDSCAPE)		01	EA	

NOTE	LEVEL OF TOP MANHOLE
H=5.10 H=3.88	TYPE OF MANHOLE
	LEVEL OF BOTTOM PIPE
H=5.57	LEVEL OF BOTTOM PIPE
NOTE:	

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SEOGWOO (VN)
SEOGWOO CONSTRUCTION CO., LTD.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG **AS - BUILD DRAWINGS**

Tháng năm 2016 Date: / 2016

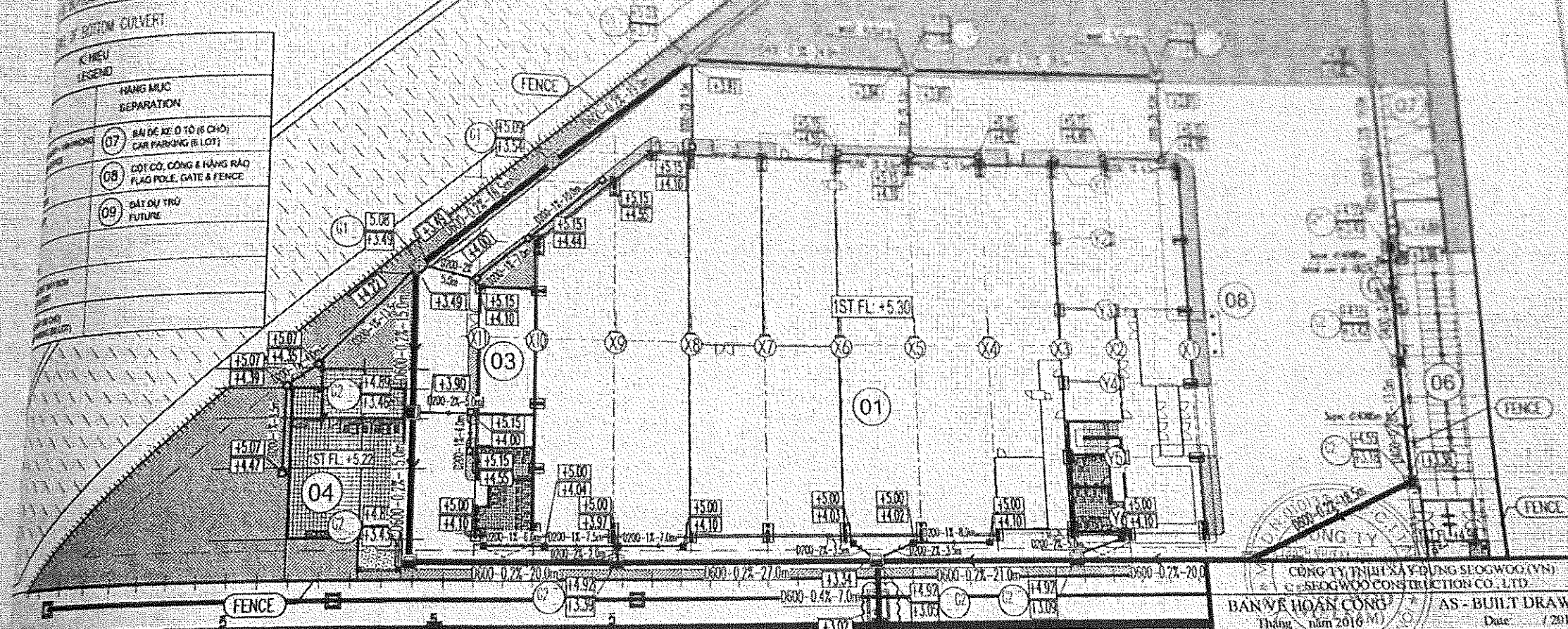
NGƯỜI LẬP FOUNDED BY  TRẦN ĐÌNH ĐỨC	QUẢN LÝ DỰ ÁN PROJECT MANAGER  TRẦN HẢI PHONG	CHỦ ĐẦU TƯ OWNER 
---	---	---

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
WASTE PLAN MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI	
TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR	
QUẢN LÝ DỰ ÁN PROJECT MANAGER	
CHỦ TRƯỞNG TECHNICAL LEADER	
TRƯỞNG NỘI DUNG DESIGNED BY	
KIỂM TRA CHECKED BY	
KANG DONG HWAN	
PROJECT NUMBER	SHUWING NO.
IS	CW-001
DATE	SCALE
2016	1/600

SYSTEM HYPOTHESIS
SURVEY EXISTING INFRASTRUCTURE

TOP SURFACE
SIDE & FOOT
END OF BRIDGE
BOTTOM SURFACE
RIGHT CURB
LEFT CURB

LEGEND	
	HÀNG MỤC SEPARATION
07	BÀN ĐỀ KIỂM TOÁN (B CHỖ) CAR PARKING (B LOT)
08	CỘT CỜ, CỐNG & HÀNG RÀO FLAG POLE, GATE & FENCE
09	MẶT MẶT TRƯỚC FUTURE



STORM WATER PLAN
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

SCALE 1/300 (A1)
SCALE 1/600 (A3)

STORM WATER CONNECTION POINT
NEED SURVEY EXACTLY LOCATION AND
BOTTOM OF DRAINING MANHOLE

Đến đến nhà ông! nói cho
qua nhà x! chính x. Đến đến nhà n
qua để họ qua hỏi lại

Điểm kết nối thoát nước mưa
STORM WATER CONNECTION POINT

STORM WATER PLAN
HẠT BĂNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SEOGWOO (VN)
SEOGWOO CONSTRUCTION CO., LTD

BẢN VỀ HOÀN CÔNG
Tháng năm 2016

AS - BUILT DRAWINGS
Date: 1/2016

NGƯỜI LẬP
 FOUND BY

QUẢN LÝ DỰ ÁN
PROJECT MANAGER

CHU DAU T
ONDER


TRẦN THỊ BÍCH

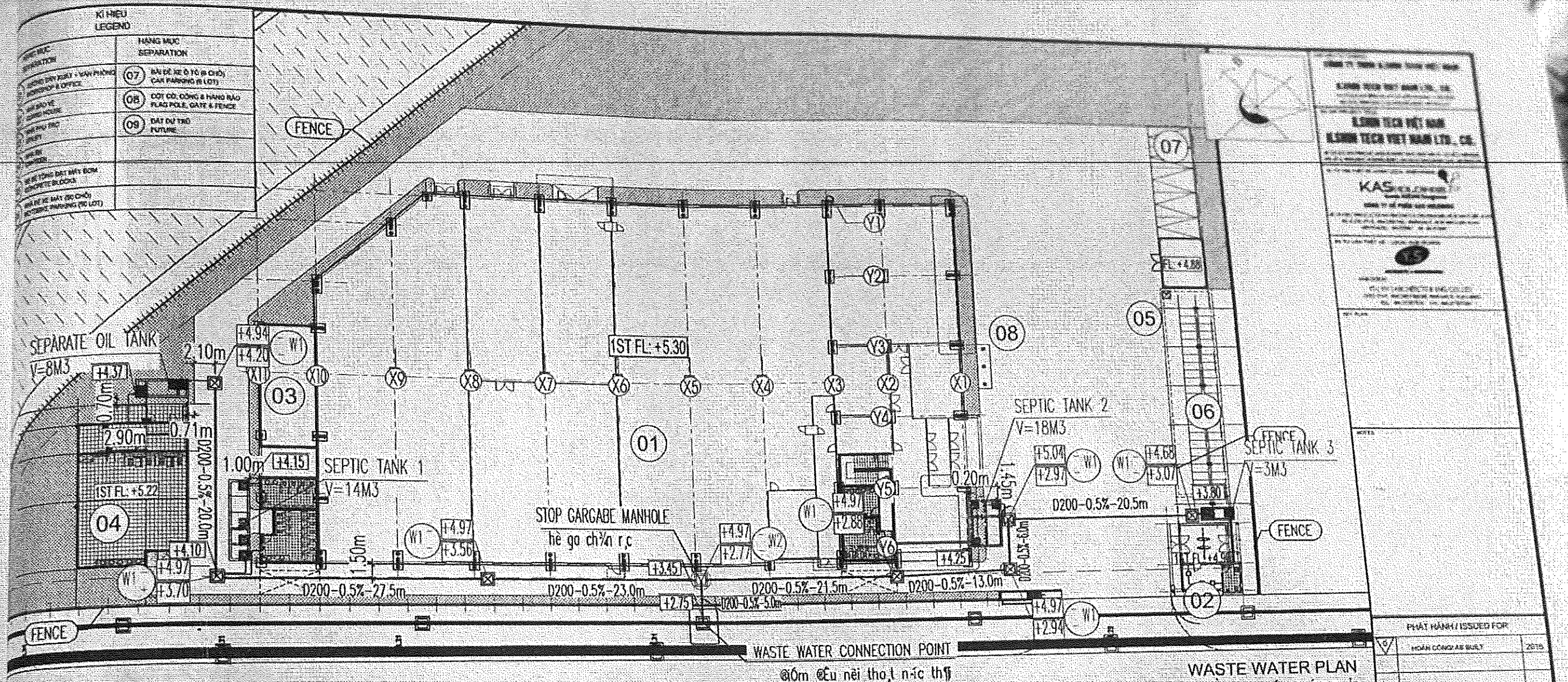
TRẦN HẢI PHONG



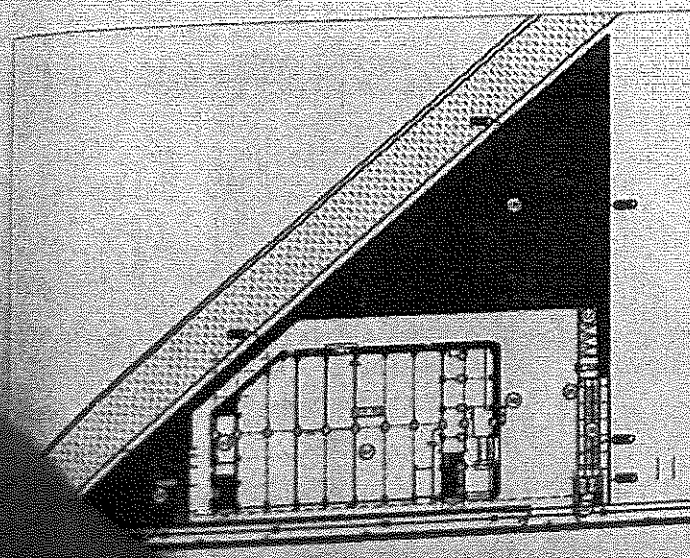
DATE: 11/11/01

CHIEF OF KANG NONG HALL	
PROJECT NUMBER IS	
DATE 2016	MO.

CS-00



KEY MAP



SYNOPSIS AND QUANTITY TABLE

LEGEND	NAME	IN SIZE	QUANTITY	UNIT	NOTE
D(MM)-(X)-(L(M))	PIPE: DIAMETER-SLOPE-LENGTH				
	PROTECTION PIPE		0	M	
	PVC PIPE D200	D200	130.5	M	
	MANHOLE TYPE 1 (UNDER ROAD)	1000X1000	07	EA	
	STOP GARGAGE MANHOLE TYPE 2 (UNDER ROAD)	1000X1000	01	EA	
	SEPTIC TANK 1 (V=14M3) (UNDER ROAD)		01	EA	
	SEPTIC TANK 2 (V=18M3) (UNDER ROAD)		01	EA	
	SEPTIC TANK 3 (V=3M3) (UNDER LANDSCAPE)		01	EA	
	SEPARATE OIL TANK (V=8M3) (UNDER LANDSCAPE)		01	EA	

WASTE WATER
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

LEVEL OF TOP MANHOLE
TYPE OF MANHOLE
LEVEL OF BOTTOM PIPE
LEVEL OF BOTTOM PIPE

AS - BUILT DRAWINGS
Date: /2016

NGƯỜI LẬP
FOUNDED BY
TRẦN ĐÌNH DỤC

QUẢN LÝ DỰ ÁN
PROJECT MANAGER
TRẦN VĂN PHONG

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER
[Signature]

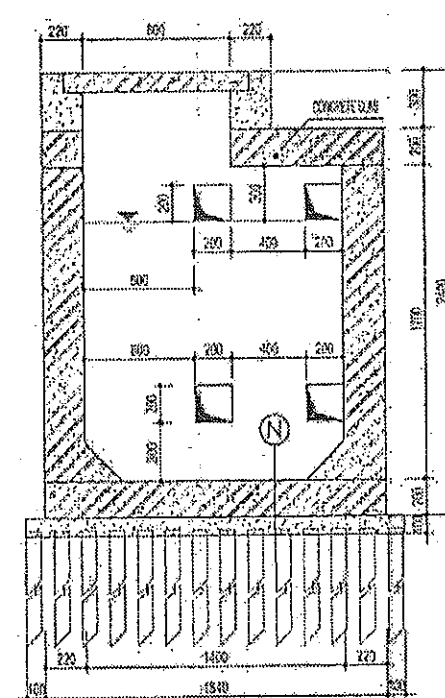
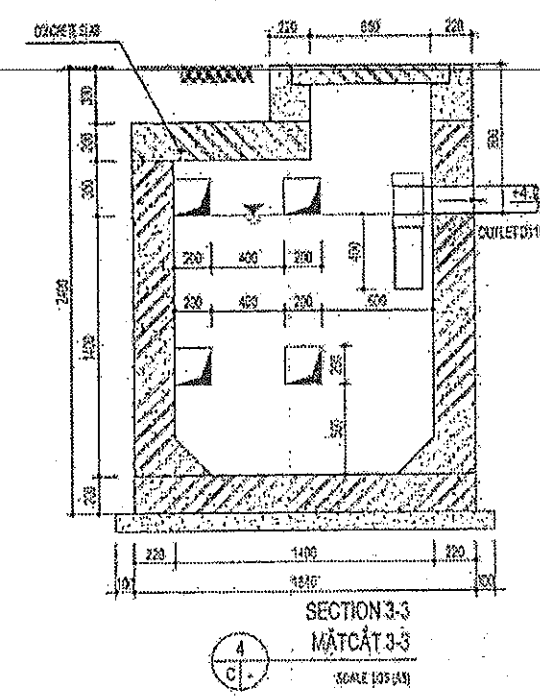
THIẾT KẾ
DESIGNED BY
[Signature]

CHẤM Duyệt
CHECKED BY
[Signature]

DATE
2016

SCALE
1/500

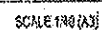
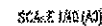
DRAWING NO.
CW-001



3 : MẶT CÁT 2-2
C. SCALE 1/25 (A3)

- INLET AND OUTLET PIPE SEE WASTE WATER PLAN FOR
DETAIL. TỔNG VÀO VÀ RA CHI TIẾT XEM MẶT BẰNG THOÁT
NƯỚC THẢI. D1, Ø DIAMETER AND NUMBER OF PIPE IN
OUTLET SEPTIC TANK FOLLOW BVAC. ĐƯỜNG KÍNH C1, D1
VÀ SỐ LƯỢNG ống VẮC RA BỂ TỰ HÒA THEO BVAC

[illegible]



SCALE 1/40 (A3)

CW-005A